

NGƯỜI KINH BẮC

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 179

NĂM THỨ XXVI



THÁNG 12 - 2023

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NHÀ BÁO NGÔ HỒNG GIANG

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP

**HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT NGA
NGUYỄN TRỌNG TĨNH
KIM PHÚC**

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoikinhbac@gmail.com
Website: nguoiKinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 22/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộp lưu chiểu
tháng 12 - 2023

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

KỶ NIỆM 115 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ NGÔ GIA TỰ (03/12/1908 - 03/12/2023)

- Trang thơ** 3
- * Thân phụ, thân mẫu đồng chí Ngô Gia Tự yêu nước, thương dân sâu sắc
Lê Viết Nga 4
- * Kỷ niệm về làm sách Ngô Gia Tự
Lê Khanh 7

KỶ NIỆM 79 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (22/12/1944 - 22/12/2023)

- * Xúc động lá thư vĩnh biệt của người tù binh cộng sản
Phan Thị An Ngọc 10
- * Anh hùng, liệt sỹ Nguyễn Thanh Khương - Khó khăn nào cũng vượt qua, ra trận là đánh thắng
Phạm Huy Chương 13
- Trang thơ** 16-17
- * Thành phố Bắc Ninh diễn tập khu vực phòng thủ năm 2023

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

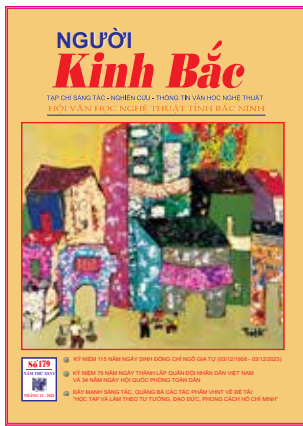
- * Người chiến binh trên mặt trận kinh tế
Hoàng Ngọc Bính 20
- * Nghĩa cử của một Cựu chiến binh có tâm, có tầm
Trần Vọng 23

- Truyện ngắn:** Bọ cánh cứng bay đi rồi
Nguyễn Thái Sơn 26
- Trang thơ Người Kinh Bắc** 32-33

- Tản văn:** Áo khăn mùa cũ
Nguyễn Thị Dương 34

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- * Một số văn bia do Nguyễn Cao soạn và nhuận sắc
Nguyễn Văn An 36



NGƯỜI
Kinh Bắc

- * Các nhà khoa bảng tiêu biểu ở Phật Tích, Bắc Ninh
Nguyễn Duy Nhất 39
- * Bài văn bia chùa Hòa Lạc - Di sản của Trạng nguyên Nguyễn Quang Bật
Phạm Thuận Thành 42

Bút ký: Theo nghiệp văn chương
Hoàng Tiễn 46

Truyện ngắn: Hai đứa trẻ
Vũ Kim Liên 49

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

* Danh sư Tiến sỹ Chu Văn Nghị với Yên Phụ văn phái
Nghiem Đình Thường 54

Truyện ngắn: Đi lính
Nguyễn Tiến Lộc 59

Tản văn: Hoa nào cho riêng em
Vũ Việt Tâm 71

LÝ LUẬN PHÊ BÌNH

* Người lính tình nguyện Việt Nam trong thơ Campuchia sau cách mạng 1979
Phạm Khánh Duy 73
Trang thơ cộng tác viên 79-80

TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

* Kiếp người trong con lóc “Cuồng phong”
Hoàng Giá 80

* Ai là tác giả bài thơ “Đêm Trường Sơn nhớ Bác”
Bạch Liên 83

TRANG VIẾT TUỔI HỒNG

Tản văn: Xôn xang mùa cúc họa mi
Mai Hoàng Hanh 84

Truyện ngắn: Chiếu rừng
Văn An 85

Tản văn: Đi qua mùa cỏ khô
Trần Việt Hoàng 95

Trang tin Văn học nghệ thuật 97

ÂM NHẠC

* Nghe Quan họ ở Cần Thơ
Nhạc: Nguyễn Trung Thơ: Nhất Mạt Hương 98

MỸ THUẬT

- * Bìa 1: Nông thôn mới - Sơn mài - Trịnh Lễ
- * Bìa 4: Nguyễn Tố Uyên, Nguyễn Trúc Linh, Trịnh Thị Kim Uyên, Nịnh Thị Minh Phương, Nguyễn Trúc Lan

NHIẾP ẢNH

- * Bìa 2: Thanh Huyền
- * Bìa 3: Hoàng Anh, Hải Đăng, Kim Đài, Minh Quý, Nguyễn Văn Trường, Ngọc Tám



Quê quán: Bắc Ninh
Ngày sinh: 3/12/1908 Ngày hy sinh: 1/1935

Đồng chí Ngô Gia Tự là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Đồng chí luôn thể hiện phẩm chất đạo đức cách mạng cao đẹp của người đảng viên cộng sản: Tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì lý tưởng của Đảng.

18 tuổi, Ngô Gia Tự chính thức bước theo "Đường Kách mệnh" của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam

20 tuổi, Ngô Gia Tự đã trở thành người lãnh đạo xuất sắc của phong trào cách mạng Bắc Ninh và là cán bộ ưu tú của Kỳ bộ Bắc Kỳ

Chủ trương, khởi xướng phong trào "vô sản hóa", tăng cường thâm nhập vào quần chúng công nông (1928)

Là một trong những người sáng lập Đảng Dương Cộng sản Đảng (6/1929) - tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và là người đã đề xuất, đấu tranh kiên quyết cho việc thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam

Bí thư Chấp ủy lâm thời Đảng bộ Nam Kỳ (2/1930)

5/1930, đồng chí bị địch bắt. Ba năm bị giam giữ, bốn lần bị xét xử, bị khép một bản án tử hình, ba bản án khổ sai chung thân và bị đày đi Côn Đảo, đồng chí hy sinh trong một cuộc vượt ngục không thành 1/1935

Địch nhiều cuốn sách kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, Tư bản, Lâm gì?...



DUY ĐẮC

Tiếp lửa

Chúng tôi về với Bảo tàng
Mưa lay phay rắc dịu dàng vào xuân
Cúi đầu dâng nén tri ân
Rung rung vái lay ngàn lần các anh.

Những người không tiếc tuổi xanh
Ngục tù tranh đấu quyết giành tự do
Xà lim, chuồng cọp, hoả lò
Nhỏ rặng, đinh đóng, lò xo ép người.

Đim đầu vào vạc nước sôi
Cùm chân phơi xác giữa trời nắng nung
Những người chiến sỹ kiên trung
Chết đi sống lại với cùng đòn tra.

Không khuất phục lũ gian tà
Lấy dao rạch bụng quyết thà hy sinh
Dầu kim kẹp đầu nhục hình
Vẫn không chùn bước
quên mình đấu tranh.

Những người chị những người anh
Thắp lên ngọn lửa lưu danh muôn đời
Chiều nay mưa vẫn nhẹ rơi
Dịu dàng như khúc ru nôi anh nằm./.

NGUYỄN VĂN HÀO

"Chiến sỹ" kiên trung

Làng xóm Tam Sơn đất rặng ngời
Gương Ngô Gia Tự tiếng muôn nơi
Bút nghiên gác lại tìm chân lý
"Chiến sỹ" xông pha cứu giúp đời
Súng đạn nguy nan thân chẳng quản
Xiềng gông vững chí Đảng không rời
Danh thơm tiền bối hồng trang sử
Dân tộc ơn sâu mãi nhớ người!

THÂN PHỤ, THÂN MẪU ĐỒNG CHÍ NGÔ GIA TỰ YÊU NƯỚC THƯƠNG DÂN SÂU SẮC

LÊ VIẾT AN

Đồng chí Ngô Gia Tự người chiến sỹ Cộng sản lỗi lạc của Đảng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những người sáng lập Đông Dương Cộng sản Đảng, người con ưu tú của quê hương Bắc Ninh.

Tư liệu về cuộc đời sự nghiệp của đồng chí Ngô Gia Tự từ trước đến nay có rất nhiều, nhưng tư liệu phản ánh về thân phụ và thân mẫu đồng chí thì sơ tầm được còn hạn chế. Thân phụ đồng chí là cụ Ngô Gia Du, thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Bảy.

Các tài liệu ghi chép về cụ Ngô Gia Du nhiều hơn cả là sách: “Ngô Gia Tự cuộc đời và sự nghiệp” do Tỉnh ủy Bắc Ninh xuất bản năm 2003. Theo tư liệu này: “Cụ Ngô Gia Du theo học chữ Nho, thi Tam Trường không đậu, cụ trở về quê làm nghề dạy học. Vì vậy nhân dân trong vùng vẫn thường gọi là cụ đồ Du. Cụ tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do nhà yêu nước Lương Văn Can, Nguyễn Quyền khởi xướng và lãnh đạo. Cụ đã tìm mọi cách để tiếp cận con đường cách mạng

nhưng sự nghiệp chẳng thành. Thời gian này thực dân Pháp và tay sai đã dùng mọi thủ đoạn để truy lùng bắt bớ các sỹ phu yêu nước không chịu cộng tác với chúng. Cụ Ngô Gia Du phải giả ngây dại để tránh sự truy lùng khủng bố của kẻ thù.

Cụ Ngô Gia Du vốn là người thông minh hiếu học, nhưng trong bối cảnh lịch sử xã hội lúc bấy giờ, chốn quan trường chủ yếu dành cho quan lại, con em nhà giàu quyền quý, nên việc học hành thi cử của cụ gặp nhiều trắc trở dờ dang, cuối cùng cụ phải sống ẩn dật nơi quê nhà tiếp tục dạy học và hoạt động yêu nước dưới hình thức khác.

Về một tên gọi khác và những hoạt động yêu nước của cụ Ngô Gia Du, được ghi trong tài liệu “Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí” thì chưa được nhiều người biết rõ.

Tài liệu trên do ông Ngô Khái, sinh năm 1931 cư trú tại thôn Tam Sơn lưu giữ sau hiến tặng Bảo tàng Bắc Ninh. Ông Ngô Khái là cháu, gọi đồng chí Ngô Gia Tự là



cậu ruột và là em Anh hùng Lao động Ngô Gia Khâm.

Tài liệu “Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí” dày 162 trang, viết trên giấy bản khổ 28cm x 16cm, hầu hết các trang là chữ Hán, có một số trang chữ Nôm. Văn bản được lập ngày 19 tháng 8 năm Duy Tân thứ 5 (1911). Ở đa số các trang đều có dấu của Lý trưởng.

Nội dung tài liệu trên có nhiều phần, trong đó từ trang 145-148 ghi niên hiệu triều Vua, ngày tháng lập văn bản, tiếp đó là họ tên những người tạo ra văn bản. Trong số họ có Nguyễn Thiện Kế - người đứng đầu văn bản đồ Phó bảng năm 1898 và Ngô Tác Tân (Lý trưởng) - thân phụ đồng chí Ngô Gia Tự. Trong giấy xác nhận bàn giao tài liệu trên cho Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh, ông Ngô Khái ghi rõ: “Tại trang 148 có chữ ký của cụ Ngô Tác Tân - tức cụ Ngô Gia Du (là thân phụ của đồng chí Ngô Gia Tự và ông ngoại tôi. Lý do đổi từ Ngô Gia Du sang Ngô Tác Tân: Trước đây cụ Ngô Gia Du tham gia phong trào “Đông Kinh nghĩa thực”, sau bị Tổng đốc Bắc Ninh và quan phủ Từ Sơn truy lùng gắt gao, ông đã giả điên để tránh sự truy lùng của kẻ thù, thời gian lưu lạc khoảng 3 năm. Sau đó ông quay về làng làm Lý trưởng và đổi tên thành Ngô Tác Tân. Tân nghĩa là làm mới tên của mình và đổi mới tư tưởng. Trong thời gian làm Lý trưởng, ông đã liên kết với một số trí thức yêu nước như: Phó bảng Giáo thụ Nguyễn Thiện Kế, Tú tài Ngô Gia Đạt, Tòng cửu phẩm bách hộ Ngô Đức Nghi - thực hiện một số cải cách tiến bộ như:

- Vận động nhân dân bỏ tục lệ dùng thịt trâu và bánh dày vào các dịp sự lễ, thay bằng oản và bánh vùng.

- Vận động nhân dân bỏ tục mang vàng mã, hương đến cúng người chết để tránh sự lãng phí.

- Xây dựng các đội “tráng” (các thanh niên trai tráng trong làng) để bảo vệ trật tự an ninh địa phương.

- Giảm số lượng đi phu, đi lính cho Pháp bằng cách kê khai lệch độ tuổi.

- Thành lập đội “Trung nước” để phân ra đồng cao và đồng thấp. Đồng cao để cấy lúa và làm hoa màu, đồng thấp chỉ cấy lúa vụ chiêm, sử dụng nước ở đồng thấp chống hạn cho đồng cao.

- Vận động những người giàu có trong làng mua “Tư văn” để lấy tiền mua gạch lát đường (đến nay vẫn còn).

(Văn bản trên do ông Ngô Khái đã ký cam đoan đúng sự thật, UBND xã Tam Sơn ký và đóng dấu xác nhận).

Văn bản “Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí” cùng với việc cung cấp những tư liệu mới về thân phụ đồng chí Ngô Gia Tự còn có giá trị nhiều mặt khác như:

- Ghi lại nội dung 4 bài thơ tương truyền là của Sơn thần nguyên là cung phi thời Lý giảng bút, khi đến văn cảnh chùa Tam Sơn (Cảm Ứng tự).

- Liệt kê các vị Thần, Phật được thờ ở chùa Tam Sơn: Ngoài các vị tôn thần cung phi nhà Lý, các vị Thiền sư Định Hương, Bảo Tĩnh, Minh Tâm; văn bản còn ghi về các vị Thành hoàng làng (Sơn thần, Trạng nguyên Nguyễn Quan Quang, Tiến sỹ Nguyễn Tự Cường và các vị Tiên hiền bản xã...).

- Ghi chép nghi thức tế lễ ở chùa Tam Sơn theo nghi thức tế Thành hoàng làng ở đình làng.

- Phần “Toàn niên tế văn” ghi lại

các bài văn tế thần, văn cúng Phật trong các kỳ lễ tiết, các câu đối, đại tự ở chùa làng Tam Sơn.

- Phần nội dung quan trọng (từ trang 45 - 106) là “Bản xã công lệ” thực chất là hương ước của làng Tam Sơn bao gồm 60 điều.

- Ghi chép về số ruộng công điền của làng (về diện tích, phân bố, cách phân phối sử dụng... từng loại ruộng).

- Ghi chép rõ lễ vật (lợn, xôi, oản, chuối... cùng các phụ phí khác) mà các thôn (xóm) phải nộp đủ trong các kỳ lễ tiết trong nhiệm kỳ đăng cai của mình.

- Ghi chép một số điều lệ sửa đổi vào năm Bảo Đại thứ 6 (1931), tiếp đó là nội dung bài điệp văn hòa bình và bài thơ họa lại bài “Vịnh cây bèo” gửi Mao Bá Ôn - tướng nhà Minh vào năm 1541. Một số tư liệu trước đây cho rằng đó là bài thơ của Trạng Nguyên Giáp Hải. Còn theo các cụ Tam Sơn và cuốn “Lịch sử họ Ngô tổng hợp” thì đó là bài thơ của Trạng Nguyên Ngô Miễn Thiệu, người bản xã, đỗ năm 1518.

Như vậy nội dung văn bản “Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí” không chỉ cung cấp cho chúng ta tư liệu về thân phụ đồng chí Ngô Gia Tự, mà còn có giá trị về nhiều vấn đề khác (như nêu trên), trong đó đa phần thực chất là hương ước của làng Tam Sơn.

Phần ghi bút tích và con dấu của Lý trưởng Ngô Tác Tân - trong văn bản là căn cứ khoa học cho việc phục chế hiện vật (con dấu) góp phần vào nội dung trưng bày, giới thiệu về thân phụ của đồng chí Ngô Gia Tự, trong tổng thể cơ cấu nội dung trưng bày về “Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Ngô Gia Tự ở địa

phương và Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh.

Truyện về thân mẫu đồng chí Ngô Gia Tự:

Cụ Hoàng Đạo Thúy và các cụ địa phương kể rằng: Bà cụ Lý, người làng Tam Sơn, huyện Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) có con là đồng chí Ngô Gia Tự. Bà mẹ đã nuôi dạy con như thế nào mà đồng chí Ngô Gia Tự trở thành người chiến sỹ cách mạng kiên cường đến thế, không tra tấn nào lay chuyển, không ngục tù nào khuất phục được.

Nhưng bà cụ còn một người con trai nữa, tên là Ngô Gia Lễ. Cùng đi học với em, nhưng Ngô Gia Lễ đi một con đường khác. Tốt nghiệp trường Pháp chính, Ngô Gia Lễ ra làm tri huyện. Ông huyện Lễ đến nhậm chức ở huyện Gia Viễn (Ninh Bình) khá lâu mới nhận được thư của cụ (tức thân mẫu), cụ bảo: “Đến rằm thì đến chơi với con cháu”.

Thế mà sáng mười tám, mới thấy bà cụ đến huyện. Ăn cơm xong, cụ sửa soạn ra tàu ngay. Ông Lễ hỏi “Sao mẹ bảo xuống chơi ba ngày, mà mẹ lại về ngay?”

Cụ cười: “Tao đến từ hôm rằm đấy chứ. Nhưng tao đi qua các làng xã đã. Ở đâu người ta cũng bảo là quan huyện “liêm”, thế là tao mới đến huyện chứ. Bây giờ thì hết ba ngày rồi, tao phải về, còn gặt chứ!”

Ở cái thời ấy, còn có người “làm quan”, nhưng con cụ cũng phải là quan “Thanh liêm”.

Tư liệu và truyện về thân phụ và thân mẫu đồng chí Ngô Gia Tự nêu trên có ý nghĩa nhân văn vô cùng sâu sắc, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước thương dân cho các con của hai cụ nói riêng và thế hệ trẻ kế tiếp nói chung trên quê hương, đất nước./.



KỶ NIỆM VỀ LÀM SÁCH NGÔ GIA TỰ



LÊ KHANH

Nhà thơ Nguyễn Tự Lập, Phân hội trưởng Văn học Nghệ thuật thành phố Từ Sơn, đề nghị tôi viết bài cho Văn nghệ Từ Sơn. Anh bảo tập san số này có kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Ngô Gia Tự. Tôi nhận lời ngay vì có được đề tài thú vị. Là vì trước đây tôi đã tham gia biên tập cuốn sách **“Ngô Gia Tự, cuộc đời và sự nghiệp”**, nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của ông.

Ngô Gia Tự sinh ngày 3 tháng 12 năm 1908, trong một gia đình có truyền thống yêu nước ở làng Tam Sơn, phủ Từ Sơn, nay là phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ngô Gia Tự sớm giác ngộ lý tưởng cộng sản, trở thành nhà hoạt động cách mạng có nhiều đóng góp to lớn trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX ở nước ta. Ông là một trong những người tham gia sáng lập Đông Dương Cộng sản Đảng, tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau khi hợp nhất ba tổ chức cộng sản nước ta, Đảng phân công ông làm Bí thư Xứ ủy

Nam kỳ (còn gọi là Chấp ủy). Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. Kẻ thù điên cuồng đàn áp. Tháng 5 năm 1930, Ngô Gia Tự bị sa vào tay giặc. Trong nhà tù đế quốc, ông đã thể hiện phẩm chất một chiến sĩ cộng sản dũng cảm, kiên cường, không hề khuất phục trước cực hình tra tấn dã man của chúng. Ngô Gia Tự đã biến phiên tòa xét xử ông trở thành nơi kết án bọn thực dân đế quốc. Không khuất phục được ông, kẻ thù đã đày ông ra Côn Đảo, nơi địa ngục trần gian, giam cầm những nhà yêu nước. Ông đã anh dũng hy sinh khi vượt ngục Côn Đảo để trở về tiếp tục hoạt động cách mạng. Hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ, nhưng Ngô Gia Tự đã làm nên sự nghiệp vẻ vang. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Trong Đảng ta, các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều đồng chí khác đã vì dân, vì Đảng oanh liệt hy sinh và nêu tấm gương chói lọi về đạo đức cách mạng, chí công vô tư cho tất cả chúng ta học tập”.

Kỷ niệm Ngày sinh Ngô Gia Tự là nhớ đến tấm gương sáng ngời của một người chiến sĩ cộng sản chân chính, một lòng trung thành vô hạn với Đảng, với dân, suốt đời chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân; kết hợp nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn; giữ vững mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của ông là một mẫu mực về phẩm chất cao quý của người cộng sản cho thế hệ hôm nay và mai sau học tập, noi theo. Trong chuỗi hoạt động kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Ngô Gia Tự, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Ninh được giao biên tập, bổ sung cuốn sách **“Ngô Gia Tự, cuộc đời và sự nghiệp”**. Sách do Tỉnh ủy Bắc Ninh biên soạn và xuất bản năm 2003, nhân kỷ niệm 95 năm Ngày sinh Ngô Gia Tự. Cuốn sách là một công trình khoa học được soạn khá công phu. Các tài liệu đều được khai thác và sưu tầm từ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia và tỉnh Hà Bắc cũ, từ nhà ngục Côn Đảo, từ các địa bàn nơi sinh thời Ngô Gia Tự từng sống và hoạt động. Đặc biệt, sách dành số trang thỏa đáng để viết về truyền thống gia đình và quê hương - cội nguồn đã sinh ra và hun đúc nên khí phách của nhà cách mạng Ngô Gia Tự.

Trong buổi làm việc với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Sỹ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, nói:

- Để tỏ lòng biết ơn và ghi nhớ công lao của đồng chí Ngô Gia Tự, nhân dịp kỷ niệm 95 năm ngày sinh đồng chí, Tỉnh ủy đã xuất bản cuốn sách **“Ngô Gia Tự, cuộc**

đời và sự nghiệp”. Cuốn sách đã xuất bản trước đây, mặc dù lãnh đạo tỉnh và các cơ quan chuyên môn đã có rất nhiều cố gắng, nhưng chắc chắn còn thiếu sót. Lần tái bản này, các đồng chí phải cố gắng chỉnh sửa, bổ sung cho hoàn chỉnh. Yêu cầu là phải đảm bảo tính khoa học, tính chính xác, khách quan. Để làm tốt việc này, Ban cần phải phối hợp với Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng.

Ban Biên tập gồm anh Nguyễn Đăng Lâm, chị Lê Thị An, Phó trưởng phòng Lịch sử Đảng và tôi, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Trưởng ban, liền bắt tay ngay vào thực hiện theo kế hoạch. Việc trước tiên là sưu tầm, khai thác thêm tài liệu, đọc lại bản lưu, làm việc với các viện trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, mời các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học viết bài. Mỗi trang sách đều được biên tập cẩn thận, nhiều trang còn đối chiếu với tài liệu và hiện vật gốc, hoặc gần với gốc. Để có thêm hình ảnh đẹp cho cuốn sách, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã mời Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Ngọc Sơn, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh cùng tham gia thực hiện. Về với di tích ngôi nhà Ngô Gia Tự ở Tam Sơn, chúng tôi trân trọng và xúc động. Mỗi hiện vật, mỗi tấm ảnh trưng bày đều mang hồn cốt cha ông cái thuở nước mất, nhà tan đầy đau thương mà oanh liệt. Vì vậy, nó có giá trị giáo dục truyền thống sâu sắc. Trước mỗi hiện vật và di ảnh, chúng tôi tỉ mỉ và cẩn trọng đối chiếu với sách đã in, chú ý tới từng chi tiết nhỏ. Ví dụ như người trong



ảnh có chính xác không? Ngày ấy không biết từ đâu có ý kiến cho rằng có một tấm hình không phải Ngô Gia Tự. Rồi ảnh có tiêu biểu không? Tại di tích còn thiếu hình ảnh chân dung một người đã tham gia hội nghị thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Chúng tôi trao đổi với Ban Quản lý di tích và đặt vấn đề với Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng để giúp cho việc sưu tầm bổ sung. Tại nhà lưu niệm, để làm nổi bật vai trò của Ngô Gia Tự, có những tấm bảng treo trích dẫn lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Đảng tri ân. Chúng tôi đối chiếu từng trích dẫn xem có đảm bảo chính xác với văn bản chính thống không? Tôi đặc biệt chú ý tới bản đề cương thuyết minh giới thiệu di tích. Theo tôi, thuyết minh cần nêu bật được giá trị của di tích, nhưng phải xúc tích, ngắn gọn. Nhân dịp này, Đảng và Nhà nước đầu tư nâng cấp Khu lưu niệm Ngô Gia Tự ở Tam Sơn. Một số tài liệu và hiện vật được bổ sung, góp phần làm phong phú thêm Khu Lưu niệm. Tại di tích, hiện vật không nhiều, nhưng có hiện vật lưu trữ là bản gốc, rất quý, tuy nhiên việc bảo quản chưa tương xứng. Chúng tôi đã trực tiếp góp ý với Ban Quản lý di tích. Anh Nguyễn Duy Nhất, Trưởng ban là một người khiêm tốn và cầu thị.

Ngoài việc chỉnh sửa những sai sót trong sách đã in, lần biên tập này đã phát hiện điều thú vị. Tại trang 23, sách xuất bản năm 2003 đã chép:

“Ngô Gia Tự đã viết tại cổng nhà mình đôi câu đối:

*Cửa độc lập ra tay mở đóng
Nhà tự do mặc sức ra vào”.*

Tại di tích ngôi nhà Ngô Gia Tự ở Tam Sơn, trên cổng ra vào còn có dòng chữ lớn: “Cửa như chợ”. Hai bên cổng đôi câu đối là:

*“Cổng độc lập tha hồ khép mở
Nhà tự do mặc sức ra vào”.*

Căn cứ vào hiện vật gốc, rõ ràng sách đã in thiếu và chưa chính xác. Những chữ và câu đối ở cổng nhà Ngô Gia Tự đều viết chữ quốc ngữ, nó thể hiện cái chí khí của chủ nhân. “Cửa như chợ” là để mọi người đến dễ dàng như đi chợ. Nó còn có nghĩa là nơi đồng chí đồng tâm hội tụ. Cái chí khí ấy còn thể hiện rõ ràng hơn ở đôi câu đối.

*“Cổng độc lập tha hồ khép mở
Nhà tự do mặc sức ra vào”.*

Người đến đây là người mang cái chí khí đấu tranh cho độc lập, tự do. Trong cái thuở mà dân tộc còn chìm đắm trong đêm dài nô lệ, Ngô Gia Tự đã viết lên trên cổng nhà mình dòng chữ ấy, câu đối ấy bằng chữ quốc ngữ đủ thấy cái chí lớn của nhà cách mạng là đấu tranh cho nước được độc lập, dân được tự do.

Đó là những phát hiện một vài sạn nhỏ sách đã in. Phát hiện ấy cùng với sự cẩn trọng, nghiêm túc trong việc biên tập đã làm cho cuốn sách được tái bản càng thêm giá trị. Lần biên tập tái bản cuốn sách “**Ngô Gia Tự, cuộc đời và sự nghiệp**” năm ấy đã cho tôi nhiều kinh nghiệm. Nó đã giúp tôi rất nhiều khi làm sách về sau./.

XÚC ĐỘNG LÁ THƯ VĨNH BIỆT CỦA NGƯỜI TÙ BINH CỘNG SẢN

PHAN THỊ AN NGỌC

Hiện Bảo tàng Bắc Ninh đang trưng bày một bức thư của người tù binh cộng sản nhà tù Phú Quốc. Đó là bức thư vĩnh biệt của cựu tù binh Đào Văn Kim, thôn Cổ Miếu, xã Phật Tích, huyện Tiên Du viết trước khi nhận nhiệm vụ tự thiêu tại nhà tù Phú Quốc để phản đối chế độ hà khắc của nhà tù bỏ đói tù nhân cho đến chết. Bức thư xúc động đã lấy đi nước mắt của hàng vạn du khách khi đến tham quan trưng bày.

Đồng chí Đào Văn Kim sinh năm 1949, tại thôn Cổ Miếu, xã Phật Tích, huyện Tiên Du. Tháng 3/1967, khi vừa bước sang tuổi 18, đồng chí tình nguyện lên đường nhập ngũ.

Sau ngày nhập ngũ, chiến sĩ trẻ Đào Văn Kim tham gia khóa huấn luyện trong đội hình Đại đội 3, Tiểu đoàn 331, Trung đoàn 568, Sư đoàn 330 đóng quân tại huyện Lục Nam, Hà Bắc. Ngày 15/11/1967, đồng chí cùng đơn vị lên đường vào Nam chiến đấu. Sau 6 tháng vừa hành quân vừa chiến đấu, đơn vị đến thị xã Hậu Nghĩa (tỉnh Long An), được biên chế trong đội hình chiến đấu của bộ đội tỉnh Long An. Trong

thời gian này, đồng chí đã tham gia 18 trận đánh ở thị xã Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa và Đức Huệ lập nhiều chiến công nên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 30/3/1968.

Ngày 30/12/1968, trong một trận càn, đồng chí bị thương và bị địch bắt đưa về Chi khu Đức Huệ. Sau đó, tiếp tục bị đày qua các nhà lao Biên Hòa và nhà tù Phú Quốc. Ngay từ những ngày đầu bị bắt, mặc dù kẻ thù tra tấn dã man nhưng đồng chí vẫn kiên quyết không khai. Ra đến Phú Quốc, đồng chí bị đưa về giam ở khu D5, đã nhanh chóng đứng vào hàng ngũ những chiến sĩ kiên trung, chống lại mọi thủ đoạn mua chuộc, cưỡng bức của kẻ thù và tham gia các phong trào đấu tranh trong tù như: chống ly khai, chống tố cộng, chống chào cờ ngụy, vượt ngục, tuyệt thực, bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ uy tín của Đảng, của Bác Hồ kính yêu... Đồng chí bất liên lạc được với tổ chức Đảng trong tù và được bầu làm Chi ủy viên kiêm Phó Bí thư Liên chi đoàn tại nhà tù Phú Quốc. Qua mỗi lần đấu tranh, đồng chí lại bị chuyển qua các trại tù D5, B5, A1, C4, C8, B7, C10.



Những trận đòn roi không ngừng cùng với chế độ ăn uống vô cùng tồi tệ của nhà tù đã dần làm cơ thể người tù cộng sản suy sụp một cách nhanh chóng. Để phản đối các chính sách hà khắc, tàn ác của bọn quân cảnh và cai ngục, đồng chí Đào Văn Kim cùng với anh em trại C10 tổ chức tuyệt thực đòi cải thiện chế độ dân sinh dân chủ. Cuộc tuyệt thực bắt đầu diễn ra vào ngày 7/8/1972, thông thường các cuộc tuyệt thực trước đó chỉ 4 đến 5 ngày đã buộc địch phải có những động thái giải quyết nhưng lần này đến ngày thứ 13 mà kẻ thù vẫn không có động thái gì. Trước tình hình đó, Đảng ủy họp và xác định tinh thần quyết tâm tuyệt thực đến cùng dù phải hi sinh. Đồng chí Đào Văn Kim và Hoàng Gia Lượng (Sơn Khoài, Hà Nội) đã xung phong tình nguyện nhận nhiệm vụ sẵn sàng quyết tử bằng hình thức tự thiêu vì đây là hình thức quyết tử mới chưa có trên đảo, phương án cụ thể: tiến hành hòa thiêu cả 2 người cùng một lúc, một người đọc bản cáo trạng và người kia cầm đuốc lửa châm sẵn để bọn địch không thể vào được. Để đảm bảo thiêu là chết, mỗi người chuẩn bị 3 bộ quần áo, 40 viên thuốc ngủ và lấy sẵn can dầu 10 lít ở nhà bếp. Khi được lệnh 2 người tiến hành uống thuốc ngủ, đổ dầu vào quần áo và đồng chí Sơn cầm sẵn bản cáo trạng ra trước, đồng chí Kim cầm bó đuốc châm lửa theo sau. Kế hoạch và phương án đưa ra được Chi bộ chấp thuận nhưng chỉ được hành động khi có sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Cang - Bí thư Chi bộ.

Trước khi nhận nhiệm vụ tự thiêu, biết là không còn sống để trở về, đồng chí

đã viết một lá thư vĩnh biệt nhờ anh em bạn tù sau này chuyển lời về gia đình. Lá thư được viết vào ngày 20/8/1972 trên tờ giấy carton đóng hàng của Mỹ, bút được chế từ thép gai hàng rào, mực thì được lấy từ con cá mực ở biển. Lá thư viết xong nhanh chóng chuyển tay nhau cho anh em bạn tù học thuộc và phải thiêu hủy để tránh sự phát hiện của kẻ thù. Trong lá thư có đoạn viết: *“Lá thư hôm nay con viết về gia đình cũng là lá thư cuối của đời con, cũng là lần cuối cùng gia đình nghe tiếng con trăng trời. Biết đâu rằng sau một hai năm hay nhiều hơn nữa gia đình mới nhận được thư con... Con sẽ hy sinh cho Đảng, Đảng đang cần con... Ngày thứ 13 rồi con không một hạt cơm trong dạ, địch đã bỏ đói hàng nghìn người như thế. Biết bao đồng chí của con đang nằm chờ chết. Không thể để đồng đội phải hy sinh thêm nữa. Con sẽ hy sinh, con sẽ thiêu mình... Con chết đi để đồng đội khỏi đau thương. Con thiêu mình mãi mãi là bó đuốc, là bản cáo trạng tố cáo chế độ độc tài, đế quốc. Nhiệm vụ con làm chỉ thiệt thòi cho cá nhân mà có lợi cho tập thể thì đây là vinh quang. Con đã hoàn thành nghĩa vụ với non sông, đất nước, xứng đáng là con của bố mẹ, cháu của chú thím, anh của các em. Chào vĩnh biệt! Con rất tự hào và yên tâm, phấn khởi!”*. Nhưng chưa kịp thực hiện nhiệm vụ quyết tử, ngày 22/8/1972, sau 15 ngày tuyệt thực, bọn cai ngục đã giải quyết một số yêu sách cho anh em tù nhân. Cuộc đấu tranh phản đối chế độ hà khắc của nhà tù tại trại C10 giành thắng lợi.

Suốt 4 năm 3 tháng 14 ngày sống trong nhà tù đế quốc là những năm tháng

đầy gian khổ, đồng chí đã sống, chiến đấu tại nơi “địa ngục trần gian” với đôi chân trần, chí thép của người chiến sĩ cách mạng kiên cường. Ngày 14/3/1973, đồng chí được trao trả tự do, theo điều khoản của Hiệp định Pari và được trở về an dưỡng ở Quảng Ninh. Tại đây, ông đã gặp lại hai người đồng đội Phạm Thanh Minh (Thái Bình) và Hà Văn Tháo (Phạm Văn Tính quê Hưng Yên) cùng phòng giam năm xưa, được 2 người bạn tù đọc chép lại lá thư ông viết trước khi tự thiêu. Lá thư đó được ông trao lại cho Bảo tàng Bắc Ninh lưu giữ và trưng bày.

Trở về quê hương, đồng chí kết hôn với bà Đào Thị Liên, sau được cử đi học, làm cán bộ Công ty xây dựng số 18 Bộ Xây dựng, làm Phó Bí thư Đảng ủy, đồng thời làm Giám đốc Công ty xây dựng số 6 VINACONEX. Có thời gian đồng chí làm Phó đoàn xây dựng ở IRAC, Trưởng đoàn chuyên gia dạy nghề tại Châu Phi. Năm 1999, đồng chí nghỉ hưu và tham gia công

tác tại địa phương. Với 12 năm làm Trưởng thôn, 4 năm là Bí thư Chi bộ và 4 năm là Chi hội trưởng Người cao tuổi, 9 năm kiêm nhiệm làm Chủ nhiệm HTX nông nghiệp, đồng thời liên tục 25 năm liền là Phó ban, rồi Phó Chủ tịch thường trực Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy tỉnh Bắc Ninh, đồng chí đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Liên minh các HTX Việt Nam và Chủ tịch UBND tỉnh tặng nhiều Bằng khen.

Hiện nay, ông có cuộc sống yên ấm bên gia đình cùng con cháu và thường xuyên sinh hoạt cùng Hội Cựu chiến binh địa phương. Khi được hỏi về những ngày tháng bị tù đầy tra tấn và đấu tranh anh dũng tại nhà tù Phú Quốc, ông Đào Văn Kim chia sẻ: “Dù chưa được hi sinh, nhưng bao nhiêu năm qua cứ nghĩ đến giây phút đó, tôi thấy mình đã xứng đáng với sự tin yêu của đồng chí, đồng đội”.



ANH HÙNG LIỆT SỸ NGUYỄN THANH KHƯƠNG KHÓ KHĂN NÀO CŨNG VƯỢT QUA RA TRẬN LÀ ĐÁNH THẮNG"

PHẠM HUY CHƯƠNG

Đến Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh, các Cựu chiến binh, chúng tôi - Đồng đội của anh, ai cũng xúc động đến rơi lệ khi được đến chiêm ngưỡng, ngắm nhìn bộ Huân, Huy chương Chiến công của Anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thanh Khương - người đồng đội và đồng hương Lương Tài quê tôi, mà gia đình liệt sỹ đã tự nguyện hiến tặng cho Bảo tàng tỉnh. Nhìn những kỷ vật của anh gửi lại nơi đây, đồng đội, anh em chúng tôi lại nhớ về nhau, về một thời tuổi trẻ “Xe dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ/mà lòng phơi phới dậy tương lai”.

Nguyễn Thanh Khương sinh năm 1951 trong một gia đình có truyền thống yêu nước tại thôn Tỉnh Ngô, xã Bình Định, huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc (nay là huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh). Năm 1969, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta đang trong giai đoạn ác liệt nhất, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Nguyễn Thanh Khương đã tình nguyện viết đơn bằng máu xin bằng được lên đường tòng quân để vào Nam đánh Mỹ cứu nước. Vào quân ngũ,

anh được biên chế vào đơn vị Đại đội 3, Tiểu đoàn 458, Trung đoàn huấn luyện 568, Quân khu 3 đóng tại Mai Sru, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.. Sau 3 tháng huấn luyện miệt mài trên thao trường ngoài Bắc, đơn vị của anh đã nhận lệnh cấp trên vào tăng cường cho chiến trường B. Sau hơn 3 tháng hành quân bộ gần hai nghìn km theo đường mòn Trường Sơn mới vào đến chiến trường. Nguyễn Thanh Khương được biên chế vào Đại đội 1 bộ binh, Tiểu đoàn 70 bộ đội địa phương tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Đây cũng là chiến trường ác liệt nhất của mặt trận Quảng - Đà.

Từ năm 1970 đến năm 1975, Nguyễn Thanh Khương đã cùng đồng đội trực tiếp tham gia 29 trận đánh. Trận đánh nào Nguyễn Thanh Khương cũng là tấm gương sáng của đơn vị về tinh thần dũng cảm, chiến đấu kiên cường, không ngại khó, không sợ hy sinh, hết mực thương yêu đồng đội, nhiều lần lập chiến công xuất sắc. Chỉ trong mấy mùa khô ra trận, từ chiến sỹ, Nguyễn Thanh Khương đã nhanh chóng trưởng thành trong chiến đấu. Anh được cấp trên đề bạt làm Tiểu đội trưởng,

rồi Trung đội trưởng, rồi làm Chính trị viên Đại đội 1 Bộ binh, Tiểu đoàn 70 bộ đội tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Một lần Nguyễn Thanh Khương dẫn tiểu đội đi kéo pháo, khi vượt qua một bãi biển trống trải, các chiến sĩ của ta bị một đại đội lính Mỹ bao vây, phục kích. Cả tiểu đội lúc ấy đã nằm gọn vào trong tầm ngắm của hơn 100 cây súng quân thù. Trong tình thế vô cùng nguy hiểm, Nguyễn Thanh Khương đã bình tĩnh chỉ huy tiểu đội triển khai nhanh lực lượng, bới cát làm công sự, chiến đấu ngoan cường, đánh bật nhiều đợt tấn công của địch. Không thể tiến công lên vây bắt được bộ đội quân giải phóng, chúng gọi tăng cường thêm 3 xe tăng thiết giáp chi viện. Nguyễn Thanh Khương vẫn bình tĩnh chỉ huy tiểu đội sẵn sàng chiến đấu. Được xe tăng bọc thép hỗ trợ, cả đại đội lính Mỹ ào ào theo sau, xông lên tưởng “nuốt chửng” đối phương. Đợi cho chúng đến thật gần, 30m, 20m, rồi 15m, anh mới ra lệnh cho đồng đội nổ súng. Ngay loạt đạn B40 đầu tiên đã tiêu diệt tại chỗ 3 xe tăng, hàng chục lính Mỹ bám theo xe phải dền tơi. Lúc này cả đại đội lính Mỹ hốt hoảng, tan tác đội hình. Chớp thời cơ Nguyễn Thanh Khương đã chỉ huy tiểu đội phản công, chiến đấu ngoan cường với “1 chọi 10” rồi “1 chọi 20”. Địch bị đánh bất ngờ, không kịp trở tay, phần lớn số lính Mỹ trong đại đội bị tiêu diệt, số còn lại phải bỏ chạy tháo thân. Trận đánh đã giành thắng lợi với hiệu suất chiến đấu cao. Chỉ một tiểu đội, trong tình thế chiến đấu bị động đã mưu trí, kiên cường đánh tan cả đại đội lính Mỹ và quân chur hầu có cả xe tăng, xe thiết giáp yểm trợ.

Trong trận chiến đấu ác liệt khác, nhằm tiêu diệt cứ điểm Đồi Ông Cầm (ở

Bắc thị xã Tam Kỳ), do kế hoạch của ta bị lộ nên địch đã tổ chức vây hãm và dùng nhiều hỏa lực mạnh hòng tiêu diệt bằng được quân ta. Đồng đội trong đơn vị lúc này thương vong rất nhiều, mà địch thì vẫn dùng hỏa lực bắn như trút đạn về phía quân ta. Nguyễn Thanh Khương đã không ngại nguy hiểm, vừa chỉ huy đơn vị, một mình thoăn thoắt sử dụng nhiều loại vũ khí để chiến đấu với giặc. Lúc anh bắn AK, lúc anh xả trung liên, phát hiện mục tiêu anh dùng B40 để tiêu diệt hỏa lực của địch. Đến khi đồng đội trong đơn vị thương vong quá nhiều, không còn ai đánh bọc phá, anh bỏ súng B40 xuống, rồi lao lên chộp ống bọc phá của đồng đội đã hy sinh, xông lên đánh liên tiếp liên mấy quả, cắt đứt 6 lớp hàng rào của địch, rồi nhanh chóng dùng thủ pháo tiêu diệt ổ đại liên trong lô cốt đang liên tiếp nhả đạn về phía quân ta. Khi địch tổ chức phản kích, trước tình thế gay go, anh đã mưu trí, dũng cảm dùng lựu đạn và súng AK đánh bật hai đợt phản công của địch, tạo điều kiện cho các mũi tấn công phía sau của ta xông lên đánh chiếm toàn bộ căn cứ, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đại đội biệt động của địch.

Một trận đánh khác, hai lần bị thương ngất đi, khi tỉnh dậy Nguyễn Thanh Khương lại tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu tiêu diệt địch đến khi giành thắng lợi.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Nguyễn Thanh Khương đã chỉ huy đơn vị đánh 5 trận, tiêu diệt gọn 2 đại đội, và 1 trung đội trực thuộc của địch với hàng trăm tên phải dền tơi. Riêng Nguyễn Thanh Khương tiêu diệt 62 tên, thu được 9 khẩu súng, trong đó có 2 khẩu đại liên và một vô tuyến điện đài.



Không chỉ dũng cảm, mưu trí, bản lĩnh trong chỉ huy và chiến đấu, Nguyễn Thanh Khương còn là “con chim đầu đàn” trong công tác vận chuyển hàng hóa phục vụ chiến đấu. Nhiệm vụ nào trên giao cho đơn vị, anh luôn tham khảo đồng đội, tìm tòi, nghiên cứu để đưa ra các sáng kiến, cải tiến nhằm vận chuyển hàng hóa đạt hiệu suất cao nhất. Đặc biệt, anh còn là người cán bộ hết lòng thương yêu đồng đội. Có lần trong một trận chiến đấu, bản thân anh bị thương nhưng vẫn gắng gượng đi bộ, để nhường cáng cho anh em chiến sỹ. Những hành động, những việc làm và tấm lòng nhân hậu, hết lòng vì đồng đội của anh đã để lại những tình cảm, ấn tượng sâu sắc không bao giờ quên đối với mỗi cán bộ chiến sỹ trong đơn vị.

Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu. Nguyễn Thanh Khương đã được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba, 2 lần được phong danh hiệu Chiến sỹ thi đua, 2 lần được phong tặng danh hiệu Dũng sỹ diệt Mỹ, Dũng sỹ diệt xe tăng, xe cơ giới và nhiều phần thưởng cao quý khác của Quân đội. Đặc biệt Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Nguyễn Thanh Khương đã được Nhà nước tuyên dương và phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân.

Chiến tranh đã đi qua, đất nước đã thống nhất, nhưng đằng sau cuộc chiến vẫn còn nhiều việc phải làm, để bảo vệ chính quyền cách mạng và khắc phục hậu quả chiến tranh. Tháng 6 năm 1977, với cấp bậc Thiếu úy, Chính trị viên Đại đội 2, Tiểu đoàn 70 bộ đội tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Nguyễn Thanh Khương được cử đến

Cù Lao Chàm để làm nhiệm vụ. Ngày 27 tháng 6 năm 1977, tại đảo Cù Lao Chàm, trong khi đang chỉ huy đơn vị nổ mìn đào công sự, Nguyễn Thanh Khương đã anh dũng hy sinh trong niềm tiếc thương vô hạn của đồng chí, đồng đội, cùng bà con quê hương, gia đình và dòng họ.

Nhằm góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng, năm 2001, gia đình Anh hùng LLVT nhân dân Nguyễn Thanh Khương đã tự nguyện hiến tặng bộ Huân, Huy chương của anh cho Bảo tàng Bắc Ninh. Đây là những kỷ vật quý giá, minh chứng cho những chiến công anh dũng, bất khuất của anh - Người chiến sỹ giải phóng quân cách mạng, đã hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Anh đã đi xa, nhưng kỷ vật của anh còn để lại nơi đây, cho các thế hệ hôm nay và mai sau, hiểu biết sâu sắc hơn về giá trị của độc lập. Để rồi luôn ghi nhớ, biết ơn công lao của các anh hùng liệt sỹ, những người đã từng chiến đấu hy sinh quên mình vì nghĩa lớn, đem lại cuộc sống hòa bình vĩnh hằng hôm nay./.



NGUYỄN NHƯ HẠO

Xóm núi

Dù đêm tối thế nào
Tôi cũng nhận ra em
Cái giọng ấy
Gập ghềnh...
Cung đường ấy
Trong mắt mắt sao mà tin yêu vậy
Như cuộc đời ta đã thuộc về nhau.

Hòa bình rồi
Nỗi ám ảnh càng sâu
Sông vẫn chảy
Gió vẫn lùa
Lá đỏ!
Cây vẫn hoa
Quả vẫn mùa
Chín rộ
Trời vẫn xanh cho một vẻ bình yên.

Trời vẫn xanh như buổi gặp đầu tiên
Bỗng mù mịt...
Chìm trong bom lửa.
Tôi.
Ôm đồng đội tôi
Thêm một người không bao giờ về nữa
Thêm một lần cung đường máu đỏ.

Gom lại những gì đi
Về xóm - núi - tình yêu
Câu chuyện cũ
Cũng già đi...
Bụi gió.

Sau này mặng sẽ hiểu
Đến trời còn khát khao
Sông còn mơ dài
Biển còn mơ rộng./.



ĐẶNG BÁ KHANH

Những người lính trở về sau chiến trận

Những người lính trở về sau chiến trận
Lại giảng đường bút sách dở dang xưa
Những ngón tay còn vương mùi khói đạn
Lật xôn xao trang giáo án ươm mùa.

Những người lính trở về sau chiến trận
Vẫn khát khao bầu máu nóng dâng đời
Lấy danh dự niềm tin đặt cược
Cho công trình xưởng máy mọc muôn nơi.

Những người lính trở về sau chiến trận
Vẫn phong phanh bộ quân phục bạc nhàu
Vai trĩu nặng việc nhà, việc nước
Chẳng than phiền với kẻ trước người sau.

Những người lính trở về sau chiến trận
Xác thân còn vương vãi phía rừng xanh
Vết thương cũ gặm mòn ngày gió trở
Vẫn tinh khôi câu hát buổi quân hành.

Những người lính trở về sau chiến trận
Tóc như mây bãng lãng dọc sơn hà
Gặp đồng đội chọt rung rung lệ ứa
Thương mấy thằng thiêm thiếp phía rừng xa...



NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

Chúng tôi là cựu binh

Cựu binh về lại đời thường
Ở đâu cũng một “chiến trường” xông pha
Việc thôn, việc xã, việc nhà
Giữ an ninh, giúp giải hòa, chấp tranh
Ngừa ô nhiễm, tạo màu xanh
Nuôi gà, thả cá... luôn “giành” chiến công
Vết thương nhức chẳng nản lòng
Chống tham, loại những quyết không bước lùi
Chiến trường mới tiến chẳng lui
Cựu binh đội ngũ suốt đời hành quân./.

NGUYỄN TRỌNG HIẾU

Dâng hương đồi A1

Nghĩa trang A1 giữa trời sao
Tưởng nhớ hồn thiêng mắt lệ trào
Lễ tiên anh hùng lòng thành kính
Hương trình liệt sĩ nghĩa thanh cao
Đây Tô Vĩnh Diện thân chèn pháo
Đây Bé Văn Đàn súng giương cao
Tỏa sáng muôn đời tâm chiến sĩ
Ngàn hoa rạng rỡ thắm mai đào./.



ĐOÀN HUY CẢNH

Bên mộ người lính cũ

May là cháu kịp về thăm được chú chiều xưa
Người lính cũ một thời ga-ba-đin xanh lá
Chiếc mũ tai bèo sao thân thương quá!
Khăn mặt chú vắt vai cũng mang sắc của rừng.

Đường Trường Sơn chân các chú đã từng
Xẻ dọc núi, nhắm miền Nam mà bước
Cháy trong tim lời thề cứu nước
Sức thanh xuân chú dâng hiến hết rồi!

Vít chiếc gậy run run qua bậc cửa chú ngồi
Cười với cháu nụ cười xa lắc
Cái ngày chú từ miền Nam ra Bắc
Ba lô vượt đường dài công theo cả búp bê...

Quà của người lính xưa ngày chiến thắng
trở về
Lon thít hộp với chiếc thìa nhựa Mỹ...
Sao cứ ủa về nơi chú nằm yên nghỉ
Sườn đồi hôm nay thơm hương dứa thuở nào.

Người lính cũ một thời mũ lấp lánh sao
Ngõ vừa đứng dậy từ lịch sử
Xin đừng gọi hôm qua là quá khứ
Chú tôi vẫn đang còn trong sắc cỏ đẫm mê...

Vén tháng năm
Kia bóng chú đang về!

THÀNH PHỐ BẮC NINH

DIỄN TẬP KHU VỰC PHÒNG THỦ NĂM 2023

LÊ KHAM

D diễn tập khu vực phòng thủ (KVPT) là kết quả đánh giá chất lượng tổng hợp cao nhất, trong nhận thức bản lĩnh chính trị vững vàng, huấn luyện, rèn luyện sức dẻo dai, sẵn sàng chiến đấu cao. Đặc biệt giúp cho lãnh đạo các cấp nắm chắc tình hình ANCT - TTATXH trên địa bàn, trung tập nguồn nhân lực



trong dân, phát động phong trào nâng cao ý thức dân tộc, huy động lực lượng khi cần thiết sẵn sàng chiến đấu cao.

Đây là cuộc diễn tập với quy mô lớn cấp toàn thành phố Bắc Ninh, tổ chức huy động hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ (DQTV), dự bị động viên (DBĐV), học sinh và nhân dân





trên địa bàn. Nội dung diễn tập KVPT có một phần thực binh với đề mục: “Chuyển lực lượng vũ trang vào các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, chuyển địa phương vào các trạng thái quốc phòng; tổ chức chuẩn bị và thực hành tác chiến phòng thủ”. Chỉ định 4 đơn vị trực tiếp tham gia là phường Hoà Long, Kinh Bắc, Vũ Ninh và Khúc Xuyên, các đơn vị khác huy động lực lượng theo hướng dẫn của trên.

Chiến tranh đã lùi dần về quá khứ, nhưng các thế lực thù địch không từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng nước ta bằng nhiều thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và đời sống xã hội. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đặt ra cho chúng ta là vô cùng

quan trọng, luôn phải chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Trong đợt diễn tập này không chỉ giúp cho cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng quân sự, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, mà giúp cho toàn dân, phải nhận thức đúng đắn về tình hình hiện tại của thế giới, khu vực, trong nước và đặc biệt trên quê hương chúng ta đang sinh sống. Hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, có ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cao. Góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện cho địa phương phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN./.

NGƯỜI CHIẾN BINH

trên mặt trận kinh tế

HOÀNG NGỌC BÌNH



Cán bộ và hội viên CCB thành phố Từ Sơn chẳng mấy ai không biết ông Vũ Trọng Quý ở khu phố Đại Đình, phường Tân Hồng, một CCB gương mẫu. Không chỉ vươn lên vượt khó làm giàu, trở thành tấm gương lao động, sản xuất kinh doanh giỏi, ông còn có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng xã hội, tấm lòng tương thân tương ái, yêu thương mọi người như ruột thịt của mình.

Cuối tháng 8/2023, tôi với Đại tá, Phó Chủ tịch Hội CCB thành phố Từ Sơn Nguyễn Đức Huỳnh có dịp về thăm người CCB tiêu biểu này.

Đang độ tiết thu, đường về Tân Hồng nắng vàng trải nhẹ, gió mon man trên những

thửa lúa xanh mon mơn, trên những ruộng hoa đủ sắc màu đang ngào ngạt đưa hương khiến lòng tôi nhẹ nhàng và băng khuâng đến lạ. Tân Hồng mới được lên phường cách đây vài năm, kể từ khi thị xã Từ Sơn trở thành thành phố, nhưng diện mạo nơi đây thì đã chuyển mình cách đây từ nhiều năm trước. Những cánh đồng lúa, đồng hoa trù phú năm xưa nay đã dần thu hẹp lại, nhường chỗ cho con đường xá thênh thang, cho những công trình phúc lợi phục vụ nhu cầu của nhân dân. Nhà cao tầng, nhà xây kiên cố, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị san sát, hiển hiện sức sống của một vùng quê đang từng ngày đổi mới, đi lên cùng đất nước.

Trong căn nhà rộng rãi, khang trang của gia đình CCB Vũ Trọng Quý, tiếp chúng tôi còn có Trung tá, Chủ tịch Hội CCB phường Tân Hồng - Vũ Văn Trung, ông đã sang đây chờ từ rất sớm. Là người có gần 30 năm gắn bó, tham gia công tác Hội, ông Trung luôn nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt trách nhiệm được giao, cùng hội viên gặt hái được nhiều thành tích xuất sắc, được cấp trên nhiều lần tuyên dương khen thưởng. Ông không chỉ



là người lãnh đạo tận tụy với công việc của tập thể, giản dị, khiêm tốn trong lối sống, còn là tấm gương lao động sản xuất chăm nuôi giỏi. Quen biết nhau đã mấy chục năm, nhưng chưa bao giờ tôi được nghe ông kể về những việc làm, những đóng góp của mình cho xã hội. Khi tôi đặt vấn đề được tìm hiểu và viết đôi chút về ông, Vũ Văn Trung chối đây đây: “CCB Tân Hồng còn nhiều người tiêu biểu lắm, anh về đây tha hồ mà viết, còn em, anh cứ cho em... khát!”.

Bên ấm trà nóng, chúng tôi trò chuyện rôm rả về chuyện phố, chuyện phường, chia sẻ với nhau về hoàn cảnh của mỗi gia đình, của mỗi hội viên. CCB Vũ Trọng Quý có khuôn mặt hiền, đôi mắt sáng, nước da nâu, cùng dáng người nhỏ thó và nhanh nhẹn, đúng là một lão nông, một CCB đã trải qua biết bao tháng ngày gian nan vất vả. Bằng giọng nói nhẹ nhàng nhưng rất chân tình cởi mở, ông bồi hồi kể: Năm 1972, khi vừa tròn 17 tuổi đã lên đường nhập ngũ, được biên chế vào Trung đoàn I, Sư đoàn 324, làm công tác vận tải phục vụ chiến đấu tại chiến trường Trị Thiên Huế. Năm 1977, sau 5 năm phục vụ trong quân ngũ ông phục viên, được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Ba.

Ông về quê đúng vào lúc cả nước gặp rất nhiều khó khăn, bà con Tân Hồng và gia đình ông cũng không ngoại lệ. Cả gia đình lúc ấy chỉ trông vào 4 sào ruộng khoán, hạt thóc làm ra chẳng đủ ăn. Không thể trông chờ hoàn toàn vào sản xuất nông nghiệp, ông xin vào làm tại HTX Sơn mài của địa phương, lại tranh thủ sớm tối dùng chiếc xe máy cà tàng mua rau quả về bán buôn, bán lẻ ở các chợ quê. Năm 1978, CCB Vũ Trọng Quý xây dựng gia đình rồi lần lượt từ

năm 1979 đến 1984 sinh liền 3 cậu con trai. Thêm nhân khẩu có nghĩa là cuộc sống của gia đình ông lại càng thêm khó khăn hơn. Năm 1991 các nước Đông Âu sụp đổ, các mặt hàng sơn mài vì thế cũng không còn nơi tiêu thụ, HTX Sơn mài nơi ông làm việc từ đây cũng phải ngừng hoạt động. Ông quyết định giao toàn bộ việc đồng áng cho vợ con để mình chuyên sâu vào việc buôn bán rau quả. Từ đó, chiếc xe máy cà tàng lại cùng ông rong ruổi trên mọi nẻo đường, phố chợ. Nắng mưa sớm tối ông chẳng ngại, đường xá xa xôi ông chẳng nề, ở đâu tiêu thụ được nhiều hàng là ông tìm đến. Bắc Ninh quê ông không có đủ nguồn hàng thì ông sang tỉnh bạn, từ miền núi cho đến miền xuôi, ở đâu có hàng chất lượng là ông tìm đến. Sau nhiều năm vất vả, lăn lộn với thương trường, CCB Vũ Trọng Quý đã tạo được "thương hiệu" cho riêng mình, hàng hóa ngày càng tiêu thụ được nhiều hơn. Từ lúc chỉ vận chuyển bằng xe máy, ông đã mua được một, rồi hai chiếc ô tô vận chuyển hàng hóa cung cấp cho thị trường.

Năm 2007, nhằm tạo việc làm ổn định cho các con, ông thành lập cơ sở dịch vụ cung cấp rau quả, chủ yếu là dưa chuột sạch cho thị trường các tỉnh phía Bắc. Để tạo nguồn hàng ổn định, ông lặn lội tới các tỉnh như Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang... đầu tư từ giống, phân bón đến thuốc bảo vệ thực vật cho bà con nông dân, vì thế, chất lượng và số lượng hàng hóa luôn đảm bảo, được đông đảo khách hàng đón nhận. Nguồn cung ở các tỉnh phía Bắc không đủ, ông vào các tỉnh miền Trung và miền Nam như Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa... đặt mua để chuyển ra Bắc. Số lượng hàng hóa tiêu thụ ngày càng lớn, ông đã phải

mua thêm xe vận chuyển, đến nay, gia đình ông đã có 6 ô tô nhưng nhiều khi vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu của khách hàng.

Hôm nay, CCB Vũ Trọng Quý đã sang tuổi 68, sức khỏe giảm sút nhiều, ông bàn giao lại toàn bộ việc kinh doanh buôn bán cho các con. Tiếng là “lui vào hậu trường”, nhưng việc “Tổng chỉ huy” vẫn do ông gánh vác, nào là lo cơm nước, tiếp khách đến giao dịch, đôn đốc, quản lý đội ngũ nhân viên và lái xe... vẫn nhờ một tay ông vun vén. Ông bảo, tưởng được nghỉ ngơi, hóa ra lại tù túng hơn những ngày vất vả lăn lộn trên thương trường, nhưng được cái có nhiều thời gian hơn để tham gia công tác Hội CCB và các phong trào do địa phương phát động, có thời gian nhiều hơn để gần gũi, thăm hỏi bà con khu phố.

Chăm chú ngồi nghe chúng tôi nói chuyện, Chủ tịch Hội CCB phường Vũ Văn Trung thỉnh thoảng nở nụ cười mãn nguyện với những việc làm của người hội viên gương mẫu nơi địa phương mình. Ông cho biết: “CCB Vũ Trọng Quý là một tấm gương mẫu mực, điển hình trong toàn Hội. Không chỉ vượt lên hoàn cảnh khó khăn để xóa đói giảm nghèo và tiến tới làm giàu, còn luôn thể hiện tấm lòng tương thân tương ái, suốt nhiều năm qua, năm nào ông cũng tự nguyện ủng hộ Hội CCB và địa phương hàng chục triệu đồng, mua quà tặng các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng chính sách, giúp họ vươn lên trong cuộc sống. Đầu tháng 8 vừa qua, ông còn trao tặng quỹ “Nghĩa tình đồng đội” của Hội CCB phường 50 triệu đồng. Với

nhiều năm là Ủy viên BCH, Chi hội phó Chi hội CCB khu phố Đại Đình, ông luôn tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tự mình và động viên mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực lao động sản xuất và tham gia công tác Hội”. Đại tá, Phó Chủ tịch Hội CCB thành phố Từ Sơn Nguyễn Đức Huỳnh cho tôi biết thêm: “Bằng những thành tích xuất sắc của mình, CCB Vũ Trọng Quý đã nhiều năm liên tục được trao tặng danh hiệu “CCB gương mẫu”; “CCB giúp nhau giảm nghèo và sản xuất kinh doanh giỏi”... Vinh dự được nhận Bằng khen của UBND tỉnh, cùng nhiều Giấy khen của UBND, Hội CCB thành phố Từ Sơn và xã Tân Hồng trao tặng”.

So với rất nhiều tấm gương CCB điển hình trong cả nước, những việc làm của CCB Vũ Trọng Quý có thể còn khiêm tốn, nhưng trong giai đoạn hiện nay, khi cuộc sống thời kinh tế thị trường đã ít nhiều chi phối tình cảm của một bộ phận người dân, thì việc làm tình nghĩa của ông rất đáng quý và trân trọng. Tôi rất vui và mong sao sẽ nhiều lần được viết về các anh, những tấm gương bình dị mà cao quý, luôn phát huy phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, làm được nhiều việc có ích cho gia đình và xã hội.

Tạm biệt quê hương Tân Hồng, tạm biệt những người CCB giàu lòng nhân ái và tinh thần trách nhiệm, và tôi sẽ còn trở lại để viết về những con người và mảnh đất nơi đây!

NGHĨA CỬ CỦA MỘT CỰU CHIẾN BINH

Có tâm, có tầm

TRẦN VỌNG

Ông Nguyễn Thạc Vinh, một Cựu chiến binh hiện là Giám đốc Công ty Cao Lâm Viện thuộc thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã nêu một tấm gương với việc làm nghĩa cử là xây dựng một Trung tâm xông hơi, tẩy độc để giúp các nạn nhân chất độc da cam phục hồi sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận.

Trao đổi với đồng chí Nguyễn Đức Tuất, nguyên Bí thư thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố Từ Sơn, vốn là một Cựu chiến binh của Sư đoàn 9 anh hùng miền Đông Nam Bộ, nơi chịu nhiều ảnh hưởng của chất độc hóa học Dioxin của Mỹ, đồng chí cho biết: Sau khi cùng một số anh em cựu chiến binh về thăm và tham gia đợt xông hơi, tẩy độc của Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh Thái Bình, tôi thấy sức khỏe được phục hồi tốt, từ đó tôi đã đề xuất mong muốn và được Cựu chiến binh Nguyễn Thạc Vinh ủng hộ xây dựng một Trung tâm xông hơi, tẩy độc tại xã Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Được biết, ông Nguyễn Thạc Vinh vốn là một chiến sĩ đã từng có những tháng năm chiến đấu ở chiến trường phía Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ông đã từng chứng kiến sự hy sinh của không ít đồng đội, sau khi hòa bình trở về với cuộc sống đời thường nhiều anh, chị em trở thành nạn nhân của chất độc da cam, nhiều nỗi đau còn đeo đẳng, bao gia đình còn khó khăn, vất vả và sống trong bất hạnh. Từ đó ông đã thuyết phục và được sự đồng tình của lãnh đạo Công ty mà nhất là sự ủng hộ của gia đình nên ông đã quyết tâm xây dựng Trung tâm xông hơi, tẩy độc. Trong bản cam kết gửi Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh để trình Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, ông Vinh đã viết: “Sự trợ giúp này tôi chỉ mong muốn cùng với các cấp, các ngành và mọi người chung tay xoa dịu “Nỗi đau da cam”, góp một phần nhỏ bé đền ơn đáp nghĩa với những đồng đội và những người đã có công với nước”.

Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước trước đây đã có hàng vạn người con ưu tú

của quê hương Bắc Ninh lên đường nhập ngũ, nhiều người đã mãi mãi không trở về, nhiều người bỏ lại một phần cơ thể trên các chiến trường xa xôi. Để cùng với toàn dân tộc giành thắng lợi cuối cùng sau chiến thắng của chiến dịch lịch sử xuân 1975, toàn tỉnh có tới 16.486 liệt sĩ, 11.037 thương binh, 1702 người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày và 3240 nạn nhân chất độc da cam dioxin.

Sau khi tổ chức một chuyến đi tham quan, gặp gỡ trực tiếp những nạn nhân chất độc da cam đang xông hơi, tẩy độc tại Trung tâm xông hơi, tẩy độc Thái Bình và Trung tâm xông hơi, tẩy độc của Trung ương Hội nạn nhân chất độc da cam cùng với những kinh nghiệm, bài học tìm hiểu được, CCB Nguyễn Thạc Vinh đã cùng tập thể bắt tay vào xây dựng. Bản kế hoạch và Giấy phép xây dựng đã được Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh báo cáo và UBND tỉnh Bắc Ninh chấp thuận, ông cùng Công ty Cao Lâm Viện khẩn trương xây dựng để hoàn thành vào đúng dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/2019). Chỉ trong một thời gian ngắn, Trung tâm xông hơi, tẩy độc đã được xây dựng xong với 4 phòng xông hơi, tẩy độc cùng các công trình phục vụ với đầy đủ tiện nghi được đưa vào sử dụng. Một phòng y tế với 2 tủ bảo quản thuốc, một phòng hành chính, một phòng làm việc và tiếp khách của lãnh đạo Trung tâm, một phòng đón tiếp, khám sức khỏe cho anh chị em nạn nhân chất độc da cam khi tới Trung tâm tẩy độc. Ngoài ra còn xây dựng thêm 20 phòng ngủ khép kín, đầy

đủ tiện nghi sinh hoạt cho 40 người. Mỗi phòng ngủ gồm có: Một tủ 2 buồng, một ti vi, một bộ bàn ghế, một điều hòa nhiệt độ 2 chiều và phòng vệ sinh. Trung tâm còn xây dựng nhà bếp, phòng ăn, phòng phục hồi chức năng cùng một số dụng cụ luyện tập để duy trì sức khỏe, một sân thi đấu cầu lông và một bộ bàn thi đấu bóng bàn. Trung tâm xây dựng đường đi, trồng hệ thống cây xanh, tạo không gian đẹp, môi trường thoáng mát, đáp ứng quy trình vận động trước khi vào xông hơi, tẩy độc.

Sau khi UBND tỉnh cho phép khai trương và đi vào hoạt động, đúng dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Trung tâm đã tổ chức ngay đợt xông hơi, tẩy độc đầu tiên cho 30 đồng chí là nạn nhân chất độc da cam trong tỉnh. Từ đó đến cuối năm 2022, sau 3 năm xây dựng Trung tâm đã tổ chức được 9 đợt xông hơi, tẩy độc cho gần 300 đồng chí là nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Ninh, tất cả những người được xông hơi, tẩy độc đều cho thấy sức khỏe được phục hồi khá tốt.

Nhiều người bệnh sau khi xông hơi, tẩy độc đúng liệu trình đã có kết quả giảm được 2 loại bệnh cơ bản: Đó là nhóm bệnh về xương khớp, co rút chân tay, viêm xương khớp, thoái hóa khớp, viêm xoang, các triệu chứng về bệnh gút. Ngoài ra còn có nhóm bệnh liên quan đến thần kinh, tê bì chân tay, đau nhức vai gáy, các chi, đau đầu, tinh thần mệt mỏi, các triệu chứng về tim mạch, huyết áp, hô hấp, tiểu đường đều được giảm sâu về tần suất và cường độ, tinh thần sáng khoái, ăn ngủ tốt hơn, tăng khả

năng lao động và làm việc, giảm chi phí chữa bệnh, giảm và không phát sinh các bệnh hiểm nghèo, sống vui, sống khỏe và sống thọ hơn.

Có những CCB sau khi xông hơi tẩy độc đã viết thư cảm ơn Trung tâm giúp cho bản thân phục hồi được sức khỏe và thấy cuộc sống tốt hơn lên rất nhiều. CCB Nguyễn Xuân Hưng ở thành phố Từ Sơn đã viết lời cảm ơn Trung tâm bằng mấy vần thơ:

*“Cám ơn các bác Trung tâm
Hết lòng giúp đỡ âm thầm bảo ban
Hôm nay đã hết thời gian
Mã hồi càng thấy lòng tràn
nhớ thương”.*

Được biết, toàn bộ cơ ngơi của Trung tâm là do Công ty Cao Lâm Viện và gia đình Cựu chiến binh Nguyễn Thạc Vinh đầu tư xây dựng với tổng số vốn gần 8 tỷ đồng. Ngoài ra còn cam kết cho mượn lâu dài và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên đi bồi dưỡng về chuyên môn và tiếp nhận quy trình, công nghệ xông hơi, tẩy độc, phục hồi sức khỏe cho những nạn nhân được đón tiếp xông hơi, tẩy độc tại trung tâm.

Việc làm của Công ty Cao Lâm Viện và Cựu chiến binh Nguyễn Thạc Vinh đầy nghĩa cử cao đẹp, mang đậm phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ, xứng đáng được mọi người học tập và làm theo./.

VŨ THẾ THỰC

Tiếng vọng

Đã mấy hôm vườn nhà rộn tiếng chim
Một đôi chim đầu đen đít đỏ
Vừa ăn quả vừa xoay bốn phía
Như lo sợ điều gì?
Ta hứa với chim rằng
Về với ta là chim vô sự.
Hôm nay không thấy chim về ăn quả
Có sự gì chi đây?
Ta vội đi vào chợ chỗ bán con bán cây
Thấy người đang xúm quanh một lồng chim
chào mào
Con chào mào đầu đen đít đỏ
Nó nhìn ta đau khổ
Nước mắt ta trào ra.
Ta hỏi mua
Lão chủ bảo của hiếm chỉ để bày không bán.
Đêm nay lại nghe tiếng
Chim hót... vào giấc mơ./.



Bọ cánh cứng bay đi rồi

NGUYỄN THÁI SƠN

Năm gần sáu mươi tuổi, bố tôi quyết định làm nhà. Ông bảo: “Tình người bây giờ nó bạc, mình đang tại chức làm nhà có gì đề nghị cơ quan may ra nó còn giúp, chứ khi về hưu rồi, lại

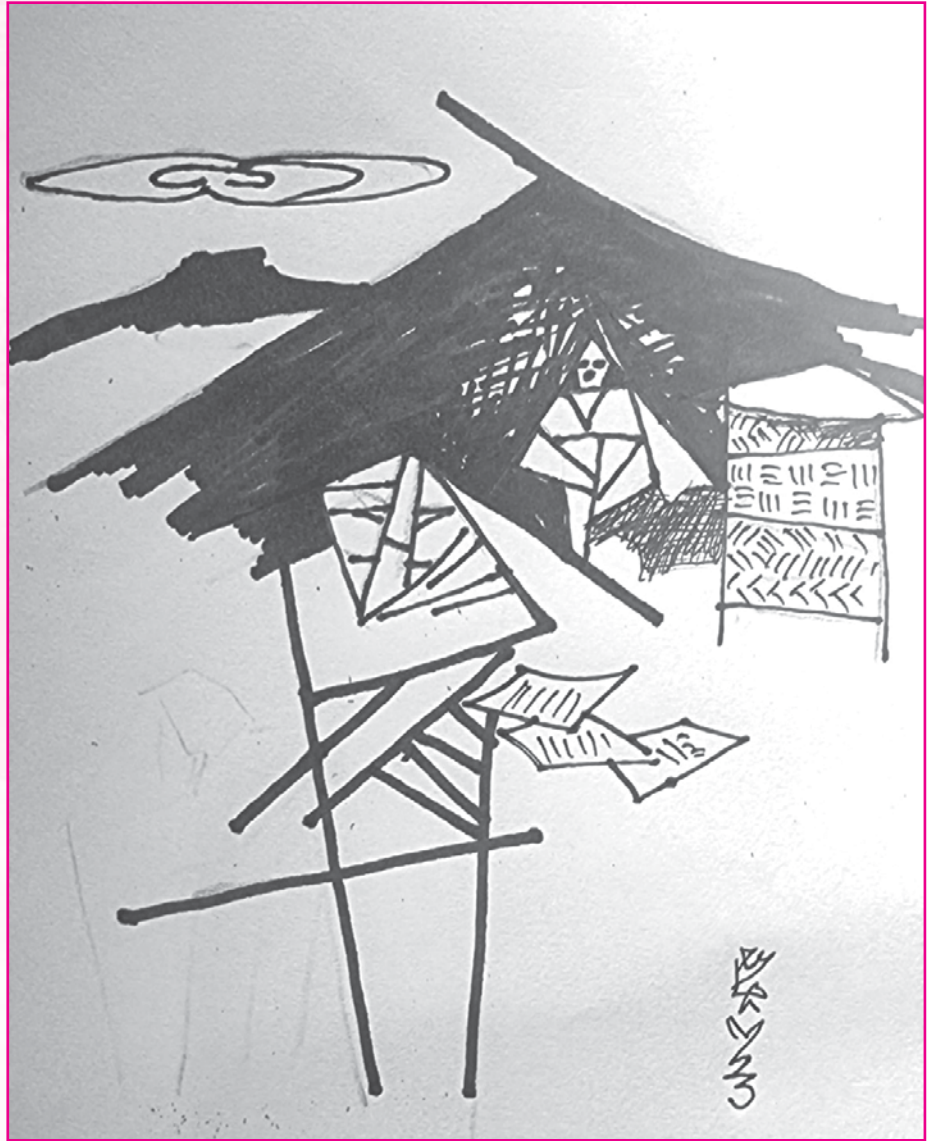
như thủ trưởng cũ lên mời cưới con: Cấp dưới, anh thì, nhất định em sẽ đi. Anh thì, Thủ trưởng diu dặt, gắn bó với chúng em hàng chục năm trời, nay cưới con thiếu chúng em sao được. Còn người kế nhiệm, chắc hơn cả đình đóng cột. Con bác cũng như con em, cứ yên tâm, cứ yên tâm, hôm ấy cơ quan sẽ có mặt đầy đủ. Đến hôm cưới tay nhân viên hành chính chạy hết các phòng, hoảng lên. Ai đi đám cưới, cho sếp gửi cái phong bì? Anh A chỉ anh B, anh B lại chỉ anh C, cuối cùng không có ai đi cả. Nó phải cầm phong bì về”. Nói xong, ông cười ha hả: “Thật già rồi mà còn dại, làm ế cả chục mâm cỗ”.

Bố tôi bắt tay vào khởi công ngôi nhà mới, bắt đầu bằng việc dỡ đi gian nhà tập thể cấp bốn cũ kỹ mà mẹ tôi được cơ quan thanh lý. Hôm dỡ, mẹ nói với toán thợ: “Xin các bác nhẹ tay cho, để tận dụng những cái còn dùng được”. Toán thợ nhao nhao: “Để thì còn, dỡ ra thì chỉ làm củi”. Bác phó cả đề nghị: “Hay ông bà chủ bán luôn cho chúng tôi mang về đốt gạch”. Bố tôi phân vân nhìn quanh, có dỡ ra cũng chẳng biết để vào đâu khi mà sắt, xi, đang ngồn ngộn chuyển về. Ông gật đầu đồng ý. Tiền bán gian nhà cũ được thoả thuận bằng tiền công phá dỡ



chính nó. Mẹ tôi ngao ngán: “Thế thì khác gì cho không”?

Làm nhà đúng là việc lớn của đời người. Xây xong phần thô bố tôi sút bốn ki lô, hoàn thiện xong sút bốn ki lô nữa. Khi ngôi nhà lừng lững mọc lên, sơn khô, hai má ông hóp lại đôi mắt trô trố, nước da sạm lại như ngày nào ông từ Miền Nam về mang theo bệnh sốt rét ác tính. Bù lại niềm vui trong ông luôn vỡ òa, không còn thiết tha việc cơ quan nữa, ông xin nghỉ hưu. Đúng như tính toán, bố tôi cũng mua rẻ được từ cơ quan về hai thứ: vì kèo sắt và tôn đã qua sử dụng, làm được cái mái chống nóng. Ông tính: “Đỡ được gần chục triệu đồng đấy”.



Với người về hưu cái gì cũng ít, sức khoẻ ít, đồng lương ít, nhưng thời gian lại nhiều đến thừa thãi. Ngôi đầu bố tôi cũng nói về ngôi nhà của mình, không cần biết khách có nghe hay không? Ông thường bắt đầu khoe với hàng xóm và các bạn đồng ngũ một câu như đã được mặc định: “Nhà tôi cả thầy lớn nhỏ mười tám cái cửa”. “Sao mà mở lắm thế, bằng lim hết à”? Khách lắc đầu đầy vẻ kinh ngạc. Ông cười đắc chí: “Nhà ba mặt tiền mà lại. Không có một tác lim nào nhưng cũng bằng loại gỗ, mối, mọt tránh xa”.

Chú Thắng người mà bố tôi bảo, tính thẳng như ruột ngựa cái gì cũng cãi đến cùng, cấp trên nó ghét nên cứ lệt đệt mãi

cái chức đại đội phó trông chó bóc hành rồi về phục viên. Chú cất giọng nửa tin, nửa ngờ: “Ông cứ nói thế chứ, không phải lim, lát, nghiền, thì cũng phải là dôi, de mới chổng được mỗi một”. Bó tôi khoát tay: “Ông lúc nào cũng đề cao lim với lát, dôi với de. Rồi các ông sẽ chứng kiến. Dùng gỗ cũng như dùng người. Biết cách chọn gỗ, vừa tiết kiệm được chi phí lại bền, cửa công nhà tôi bằng gỗ làng nghề thôi, nhưng chẳng kém lim lát đâu”.

Một năm, hai năm đi qua ngôi nhà tôi vẫn bóng bẩy, mới toanh, rất nhiều người khen: Nhà đẹp. Bó tôi rạng rỡ mặt mày ông không ngại ngần chê những ông hàng xóm xây nhà thiếu óc thẩm mỹ, không biết thế nào là gỗ tốt, gỗ bền. Năm thứ ba nhà tôi vẫn lung linh như một bức tranh ba chiều. Rồi vào một đêm, tôi nhớ như in. Đêm ấy rét hại, ngoài trời có mưa rả rỉ khoảng nửa giờ thì tạnh hẳn, không gian im ắng lạ thường. Từ phòng bên tôi nghe thấy tiếng mẹ ngái ngái: “Có tiếng gì ấy nhỉ”? “Đêm tối thì thiếu gì tiếng giun dế, chuột bọ ở cống rãnh”. Bó gắt. “Không, anh lặng mà nghe đi. Có con gì trong nhà mình”.

Tôi sợ run bần bật, vì nhớ ngay đến câu chuyện ông nội kể năm nào. Ngày xưa, ngày xưa ở một làng người Việt, có bà mẹ trẻ chồng đi làm thuê làm mướn nơi xa, hàng ngày chị đi con lên nương làm lụng, tối về cơm nước xong thường đóng cửa từ khi trời còn nhap nhạng. Trước khi đi ngủ bà mẹ có thói quen cứ để cho đứa bé bú thỏa thuê, rồi hai mẹ con lăn ra ngủ vùi cho đến sáng. Chị không hề biết ngay sau tường nhà chị có một con

rắn hổ mang, đã sống hàng nghìn năm thành tinh, lợi dụng lúc hai mẹ con chị ngủ nó bò tới ngậm lấy bầu vú của chị, bú cho đến khi bụng căng phồng no nê, mới bỏ bầu vú chui xuống gầm giường thờ phỉ phỉ. Con hổ mang cứ thế, cứ thế, đến một ngày người mẹ do làm lụng vất vả sữa ít đi chỉ đủ cho con bú, hổ mang ngậm vào bầu sữa không còn gì cả, tức giận bản năng nó cắn chết đứa bé rồi bỏ về hang. Bà mẹ thức dậy thấy đứa con yêu của mình co quắp, mọng tím như quả sim chín. Chị không biết con mình chết từ bao giờ, làm sao lại chết? Chị ngất đi. Từ đó hổ mang độc chiếm hai bầu vú người đàn bà, đêm nào nó cũng bò vào chờ cho chị ngủ, bú cho đến khi no tròn. Vào một đêm mùa hạ mây đen kéo đến ùn ùn, bất ngờ có tiếng sét sáng loá người đàn bà đang ngủ bừng tỉnh, chị thấy có gì nặng nặng trong vạt yếm, vội đưa tay lên ngực chạm ngay vào con rắn, nó bị bất ngờ phản xạ sinh tồn, hổ mang dừng bú nghiền răng phun nọc độc. Người đàn bà quần quai, oằn mình vật lộn. Chị như cành cây bị đốn dần cho tới chết. Trong khoảnh khắc ấy chị đã nhận ra con hổ mang, nhưng muộn quá mất rồi.

Tôi nín thở cố lắng tai nghe xem có tiếng “phỉ phỉ”? Nhưng không nghe thấy gì cả ngoài tiếng tim đập thình thịch của chính mình. “Anh đã nghe thấy c...h...ừ...a...”? Tiếng của mẹ tôi rất to, khiến tôi bình tĩnh trở lại. “Lặng im xem nào”. Bó tôi gắt.

Không gian lắng xuống, lim lim lúc này tôi đã nghe được cái âm thanh rất đều: k...ẹ...t... k...ẹ...t... k...ẹ...t... k...ẹ...t...

“Mẹ cha nó, gỗ bị mọt rồi”. Bố tức giận, ông bật điện trong phòng. “Ồ cái ông này, định tòng ngồng như thế mà ra ngoài à”. Mẹ tôi khẽ khàng.

Tôi cố nhịn cười trèm chăn kín đầu, thờ phào. Tưởng gì, chỉ là con mọt. Không còn sợ hãi nữa, tôi tìm lại giấc ngủ, nhưng không hiểu sao đôi mắt cứ tỉnh queo. Tiếng mọt gặm gỗ lúc trước phải lắng nghe, bây giờ muốn quên đi, nó lại rõ mòm mọt trong tai. K...ẹ...t... k...ẹ...t... k...ẹ...t... bức bối khó chịu vô cùng. Không ngủ được tôi bật dậy ra phòng khách, định bật ti vi xem bóng đá giải ngoại hạng Anh. Phòng khách điện sáng trưng, bố tôi đang ở đó. Ông khom người rón rén đi bằng năm đầu ngón chân rất nhẹ, tai lần lượt áp vào từng thanh gỗ ốp tường. Thấy lạ, tôi hỏi: “Bố làm gì đấy”? “Im, tao tìm con mọt xem nó ở đâu”?

Tôi hiểu ra lập tức làm theo bố, áp tai vào thanh gỗ ốp tường. K...ẹ...t... k...ẹ...t... tiếng mọt gặm gỗ đập vào tai tôi lớn gấp nhiều lần so với lúc nghe ở ngoài. Tiếng của nó như những mũi khoan, khoan vào màng nhĩ, làm tôi liên tưởng đến răng mọt phải như răng cá sấu, phải như cái lưỡi của máy xúc, máy đào: “Đích thị nó ở đây r...ò...i...” Tôi reo lên. Bố tôi quay lại áp tai vào đúng thanh gỗ tôi chỉ. Lập tức, ông ngẩng đầu lên nhìn tôi: “Bậy. Chỗ nào nghe mà chẳng giống chỗ này”. Tôi hồn nhiên. “Thế nhà mình bị mọt đục hết rồi hả bố”? Không có tiếng trả lời.

* *
*

Kể từ cái đêm mưa như nói chuyện

rầm rì ấy, nhà tôi lúc nào cũng loang thoảng ban ngày, rành rọt ban đêm tiếng kẹt, kẹt càn mẫn của lũ mọt. Mọt nằm ở khắp cả cửa sổ, cửa chính, con tiện, ốp tường, nhưng lại không nhìn thấy cụ thể ở đâu cả, chỉ thấy một màu véc ny bóng loáng. Bố tôi liên tục tìm kiếm, sấm soi mong tìm cho ra hang ổ chúng. Ông bảo: “Tìm được thì diệt có khó gì”? Và ông tưởng mình đã tìm được. Hôm đó vào gần trưa sau nhiều ngày rét đậm có nắng lên, ai cũng bảo ngày đẹp. Bố tôi kéo tấm rèm cửa để đón cái nắng đang vàng óng như những sợi tơ, bắt gặp một lỗ nhỏ như cái đầu đũa tròn vành vạnh ngay trên khung cửa, luồn chiếc dây điện mềm vào thấy sâu hun hút. Ông gọi tôi: “Đây rồi. Thái, lấy cho bố chai dầu hoả”. Tôi đi lấy cho ông chai dầu hoả. Bố tôi làm cái phễu nhỏ bằng giấy rồi rót dầu vào hang mọt. Dầu chảy vào hang không đáng bao nhiêu mà chảy ra ngoài là chính, mùi dầu loang khắp căn nhà. Hai bố con mãi làm và hồi hộp chờ xem động thái của con mọt, không hề biết ba ông khách cùng chi hội cựu chiến binh của bố tôi, đến từ bao giờ đang đứng sau lưng: “Này, sao ông bảo gỗ nhà ông mọt mọt tránh xa, mà bây giờ lại phải đổ dầu vương vãi ra thế này?”. Câu hỏi nhọn như mũi kim, vừa làm bố tôi giật mình, vừa làm bố tôi khó chịu. Gương mặt đỏ lên, ông tránh câu trả lời: “Các ông đến chơi đấy à. Mời ba ông ra uống nước”. Khách theo bố tôi đến chỗ bàn nước. Chú Thắng người vừa hỏi, vẫn róng riết: “Gỗ bị mọt rồi à?”. Bố tôi như không nghe thấy, đặt chén nước trước mặt từng người: “Mời các ông”. Ba ông khách

đánh mắt nhìn nhau giấu nụ cười. Bố tôi hiểu nét mặt của họ. Ông nói không được tự tin lắm: “Không phải mọt, cái lỗ có từ lâu rồi, tôi thấy có con ong cứ bay vù vù ở đó nên bảo cháu cho dầu hoả vào để nó không làm tổ”.

Câu trả lời của bố tôi, chú Thắng không thoả mãn, nhưng chú chỉ đưa tay lên che miệng. Tôi nhận ra đôi mắt chú đang cười. Từ lúc ấy không ai nói đến mọt nữa và bố tôi lần đầu tiên cũng không nói chuyện về ngôi nhà, về mười tám cái cửa với khách. Ba ông cựa chiến binh ngồi chơi một lúc rồi ra về. Họ đi khuất, bố tôi cần nhắc: “Cái lão Thắng chỉ được, đâm bị thóc, chọc bị gạo là giỏi”. Tôi thấy bố ghép tội oan cho chú Thắng liền phản ứng: “Chú ấy chỉ hỏi gỗ có phải bị mọt? Gỗ nhà mình mọt thật còn gì”. “Mọt ở đâu? Mọt ở chỗ nào, mày bắt mang đây xem nào”? Tôi không ngờ, bố tôi lại nóng nảy đến thế đành lặng im quay lại cái cửa sổ có hang mọt, tiếp tục đổ dầu vào đó. Bố tôi vẫn còn cau cạo, mặt nặng như chì, ông đến kéo rèm các cửa sổ phía Đông. Khi rèm vừa kéo lên bố thảng thốt: “Ôi, mới hôm qua không thấy gì, hôm nay sao lại nhiều thế này”? Tôi cầm chai dầu chạy lại chỗ bố. Trên bệ cửa sổ còn nguyên cả đồng bụi màu vàng nhạt nhỏ như cám, hàng chục cái lỗ tương tự như cái tôi vừa đổ dầu có trên cánh cửa: “Mọt hả bố”? Tôi hỏi. “Hừm... Đưa chai dầu đây. Mọt cái mà bố mày”.

Tôi rất bực vì bố giận cá chém thớt. Đưa chai dầu cho ông xong, tôi biến luôn sang nhà chú Thắng. Ba ông cựa chiến binh vẫn đang ở đó, tôi dừng lại ngoài

cửa, không ai biết tôi đến, họ nói và cười rất to. Chú Thắng: “Cái lão Đức (Đức là tên bố tôi) ngu bỏ mẹ, tin thằng thợ mọt, vụ lợi bán cho toàn gỗ tạp lại khoe là gỗ tốt, bây giờ mọt đục, bảo thủ, xấu hổ đêch dám nhận”. Bác Hạo người mà bố tôi bảo, đi bộ đội năm năm, thì cả năm năm làm thằng nuôi quân nhỏ đít đêch biết súng đạn là gì, hất cặn nước ra cửa: “Kệ ông ấy. Tớ thì, ông ấy bảo tốt mình cũng bảo tốt, chẳng tội gì mà làm ông ấy mất lòng. Đến chơi lần nào tớ cũng khen: cửa cổng nhà ông đúng là tốt thật, lão sướng cười khơ khớ, rót cả rượu tắc kè ra mời”. Bác Thuận đi bộ đội cùng với bố tôi, nhưng khi phục viên về lại làm ở cơ quan mẹ. Mẹ có lần kể với bố: “Thằng cha ấy ngày ở bộ đội mới về bám em như đĩa. Em bảo có người yêu rồi, hấn cứ tỉnh bơ, yêu hai trọn một không hơn à”? Bác vợ lấy cái điều cay: “Thuốc của ông chủ đâu xin một điều. Lão Hạo khôn thật chẳng như tôi, cách đây mấy hôm qua nhà lão ấy, thấy cứt mọt bám trên khung cửa, tôi bảo gỗ nhà ông bắt đầu bị mọt rồi. Lão trợn mắt lên, ông thì biết cái gì, gỗ này mọt thế đêch nào được. Ngại quá tôi im bật”. Chú Thắng cười vang nhà: “Vớ lão Đức, bây giờ nhắc đến mọt là phạm húy”.

Ba ông cựa chiến binh vẫn nói, cười như không có hồi kết. Ở đó lúc ấy không có chỗ của tôi, vả lại tôi cũng đã hiểu vì sao bố tôi lại cau cạo đến thế. Tôi lặng lẽ ra về.

* *
*

Mùa xuân đã đến những cánh hoa gạo đỏ cháy rụng đầy bên sông, mưa lui

phui, cỏ cây sau những ngày hanh khô rét mướt bật dậy đâm chồi xanh ngát. Ngôi nhà của gia đình tôi, có lẽ vì thời tiết ẩm ướt mà một vài chỗ sơn tường đã bị mốc loang lổ. Nó không còn lung linh nữa, thời gian bắt đầu ghi dấu trên nó, như nếp nhăn khắc trên gương mặt người.

Bố tôi vẫn kiên trì cuộc chiến với lũ mọt, ngày càng nhiều lên ở tất cả các ô cửa. Sáng, ông dậy rất sớm quét hết những đồng phân mọt vàng mịn như cám rồi đổ dầu hoả, thuốc sâu trực tiếp vào hang ổ chúng. Chiều, lại một quy trình như thế được lặp lại. Cuộc chiến hình như cũng có kết quả, tuy không nhất được xác một con mọt nào, nhưng biểu hiện rõ nhất là tiếng kệt kệt ít dần theo thời gian. Rồi một ngày tiếng kệt kệt mất hẳn. Ông háo hức tuyên bố với cả nhà: “Lũ mọt đã bị tiêu diệt toàn bộ”. Trong câu chuyện hàng ngày với bạn bè, bố tôi lại nói về mười tám cái cửa. Chú Thắng hỏi: “Tất cả đều không bị mọt chứ”? Bố gờ bàn tay xoay xoay, như đang diễn thuyết: “Đúng là có bị mọt một vài chỗ, nhưng tôi đã khắc phục quyết liệt, đến nay thì không còn chỗ nào mọt nữa. Bây giờ tôi mới thăm thía các ông ạ. Dùng gỗ cũng như dùng người các cụ ta nói thánh thật”. Khách gật đầu về tâm đắc. Chú Thắng đứng dậy nhìn sẫm soi vào khung cửa không nói gì, chỉ khẽ lắc đầu.

... Tháng Tư sau tiết thanh minh, trời nắng lên và bắt đầu đã có những cơn mưa đầu mùa. Hôm ấy cậu Thìn em út của mẹ tôi, làm việc ở Sở Nông nghiệp tỉnh về chơi. Bố tôi ngà ngà rượu, ôm lấy cậu: “Im, im, cậu nghe xem nhà tôi có tiếng

gì không”? Cậu Thìn ngơ ngác: “Tiếng gì”? “Thì cậu cứ lắng nghe đi”. Cậu Thìn im lặng lắng nghe rồi lắc đầu: “Chẳng có tiếng gì cả”. “Đúng thế, nhưng để được yên tĩnh thế này tôi đã phải tốn cả năm trời chiến đấu với chúng”. Bố tôi tự hào. Cậu Thìn ở người ra: “Cái gì, bác phải chiến đấu với ai”? “Cậu đứng lên, đứng lên”. Bố tôi cầm tay cậu Thìn kéo ra ô cửa sổ phía Đông, chỉ tay vào những hang mọt. Cậu thấy không tôi phải đổ dầu, đổ cả thuốc sâu mấy tháng chúng mới chịu chết, chứ cách đây khoảng nửa tháng nó còn đục gỗ kệt kệt suốt đêm làm tôi không ngủ được. Cậu Thìn nhìn kỹ vào từng hang mọt, hỏi: “Bác đổ dầu và thuốc sâu vào đây”? “Ừ”. Bố tôi gật đầu. “Trời ơi sao bác lại ấu trĩ thế. Con mọt đục được lỗ thế này là nó đã thành con bọ cánh cứng chui ra ngoài, và bay đi rồi. Bác nhìn đây”. Cậu Thìn đưa tay giật khẽ cánh cửa: “roắc...” cánh cửa vỡ toang bụi tung toé, nhìn thấy cả một vòm trời phía Đông trắng mờ mờ, sâu thẳm, gió bụi ùa vào nhà. Cậu vỗ tay phủi bụi: “Mọt đục kiểu này, thì chỉ có bó tay chấm com thôi, cửa cổng nhà bác mục ruỗng hết rồi”.

Bố tôi hình như chưa tin lời cậu Thìn, ông đi kiểm tra lần lượt từng ô cửa, đến đâu ông cũng đập mạnh một cái. Thật buồn, ông đập cánh cửa nào nát cánh cửa ấy, đến cánh cửa cuối cùng hướng Đông Bắc ông không dám đập nữa, vì ông chợt nhớ ra đài đã báo rét nằng bân sắp tràn về.

Ông đứng như trời trồng, mắt nhìn lên trần nhà như đang tìm bóng dáng con bọ cánh cứng, xem nó bay đi đường nào?

PHẠM ĐÌNH THÁI

Hoa rau muống

Tháng 10
Rau muống ra hoa
Trắng như pha sữa đậm đà thế kia
Cối cần qua tiết Đông pha
Sương bông trắng xóa luống hoa lụi tàn.

Chỉ còn lớp quả khô ròn
Đội Xuân bùng hạt nở tròn mắt xanh
Nhìn trời, nhìn đất long lanh
Mưa Xuân nhẹ nhẹ bông màng non tơ.

Bắt đầu mùa muống thi đua
Muống trắng, muống đỏ thơm trưa Tương Bần
Cá kho, cơm trắng mẹ phần
“Tương cà gia bản” nghĩa tình làng quê.

NGUYỄN HÀ HẢI

Lời hát

Gió hát lời của nắng
Sao hát lời của đêm
Cây hát lời của đất
Ta hát lời yêu em.



THÁI KHOÁT

Bóng dáng làng quê

Mãi còn bóng dáng làng quê
Nơi ta nung nấu đi về sớm hôm.

Người quê nức tiếng thảo thơm
Bát canh cua bẩy, lưng cơm quả cà
Tép riu kho lá chanh già
Trám bùi, sung chát mà ra hồn làng.
Bới đào đất tìm hạt vàng
Đổi mồ hôi lấy mùa màng bội thu
Trông trắng sáng, ngắm trắng lu
Biết trời giông bão, lời ru càng buồn.
Người quê vẫn vít rạ rom
Rách lành đùm bọc nặng ơn nghĩa tình.

Quê giờ đã hóa thị thành
Mấy ai mang nặng bóng hình làng quê
Cỏ non xanh mượt triền đê
Xuống sông gột rửa tái tê cõi người./.



PHẠM VĂN NAM

Không đề

Ánh trăng chiếu ngời sân nhỏ
 Đêm thanh run rẩy bông Quỳnh
 Trái rụng điếm vào khoảng trống
 Đất trời quay giữa mông mênh.

Giọt sương đọng vào lá cỏ
 Ngây thơ phấn bụi giạt mình
 Câu ca vương đầu ngọn gió
 Cho đời xanh những ngày xanh.

Cần mẫn con ong làm mật
 Dịu dàng hoa vẫn phô hương
 Bông sen ngoi lên mặt nước
 Chân ai lấm láp bụi đường.

Bè bộn trắng, hoa, sương, bụi
 Thơ và em giữa lòng anh
 Thoát tục - Mầm đi đến hạt
 Thản nhiên trời đất tư tình...

Chợt nghe tiếng trùng rì rả
 Gọi về chìm nội nhân sinh!

PHƯƠNG HỮU THIÊN

Cầu mới Kinh Dương Vương

Xưa là lối xuống đò Rền
 Giờ đường rộng mở đi lên nhịp cầu
 Lướt trên bãi mía, bờ dâu
 Qua dòng Thiên Đức loang màu phù sa.

Kinh Dương Vương* tha lòng ta
 Cây cầu phô dáng kiêu sa giữa trời
 Đường về Kinh Bắc người ơi!
 Kia chùa Phật Tích bao đời đẹp sao!

Kinh Dương Vương! Thật tự hào
 Một khu di tích đi vào sử xanh
 Chùa Dâu ngự đất Thuận Thành
 Nằm trong quần thể nổi danh tỉnh nhà.

Bắc Ninh viết tiếp bài ca
 Mỹ miều vẽ đẹp ngỡ là trong mơ
 Con người, vùng đất nên thơ
 Bắc Ninh ơi! Cặp bến bờ vinh quang!

**Tên cây cầu mới*

Hoa khăn mùa cũ



NGUYỄN THỊ ĐƯƠNG

Gió mùa về rồi, sáng nay ngủ dậy đã thấy thanh âm xạc xào trên tán cây đầu hồi và cái lạnh se sẽ luôn dưới bàn tay; lũ trẻ con xuýt xoa than thở. Tranh thủ mở tủ lấy chút quần áo ấm, vừa bung ra, một thứ mùi dễ chịu lên mũi. Ôi, thứ mùi thân thương mỗi năm bắt gặp một lần nhắc nhớ về bao kỉ niệm và những điều man mác!

Nhớ mẹ những mùa xưa. Cứ khi gió về là dành một buổi soạn đồ cho cả nhà. Ngày ấy lấy đâu ra nhiều quần áo, mỗi người chỉ mấy món đồ cơ bản mà khi hết mùa mẹ đã phơi thật khô, xếp gọn gàng và cẩn thận cất vào mấy cái hòm trong góc buồng. Cái nào chẳng may rách, sờn hay tuột chỉ, mẹ lại lựa những buổi chiều mưa ngồi khâu vá lại. Quần áo vì thế mà mặc được bao năm không đổi. Đây là cái áo len đỏ của tôi có thêu bông hoa xinh xinh màu cam. Mỗi lần mặc, bác hàng xóm vẫn trêu có đồng lứa đang di chuyển âm cả một góc đường. Cái áo len xanh của anh trai dày dặn và điểm mấy đường viền rất hài hòa nhưng anh nghịch ngợm, thi thoảng lại làm tuột đầu len chỗ ống, mẹ cứ phải móc đi, móc lại. Bố thì có một cái áo cổ cao màu

lông chuột, mặc suốt bao năm. Một phần vì bố không cao lớn thêm như anh em tôi, phần nữa vì bố rất giữ gìn. Mẹ cũng thế, tôi thích vô cùng chiếc áo len ghi lê của mẹ, màu mười giờ thật bắt mắt, lại được đính những hàng dây vận kéo dài dọc theo thân. Lần nào ngồi cạnh xem mẹ mở đồ, tôi cũng ướm thử chiếc áo lên người, àng chừng xem bao giờ mặc vừa để xí phần. Mẹ cười cười, nhắc chịu khó ăn nhiều cho chóng lớn, mẹ sẽ để dành cho. Đợi mãi mà vẫn cứ rộng mênh mông nên bao mùa tôi vẫn trung thành với chiếc áo khoác ngoài bằng nhung - màu không thể đoán định. Mẹ luôn dặn dò phải giữ thật cẩn thận vì chất này rây bản rất khó giặt. Thế nhưng sau những buổi học lấm lem phấn mực, những lần lê la góc cổng, bụi tre; chiếc áo lưu lại bao vết tích không thể nào phân biệt nổi. Mỗi khi mở đến nó, mẹ lại lắc đầu, lẩm bầm, chắc chỉ có mặc được năm nay. Thế mà lạ kì, bao năm sau đó nó vẫn cứ song hành bên tôi như lớn cùng, rộng hơn ra để chõ che, vỗ về, bầu bạn. Sờ mỗi vết cáu, ngắm mỗi lỗ rách được can lại bỗng thấy ủa về bao trò chơi, tiếng cười, nước mắt...

Quần áo mùa đông dù được gìn giữ cỡ nào thì rồi cũng đến lúc phải chia tay. Duy những chiếc khăn mãi đồng hành cùng năm tháng. Ôi những chiếc khăn - tôi yêu những chiếc khăn dù nhiều khi lén mẹ tháo ra hay cứ cuộn tròn để trong cặp, trong ngăn bàn. Có lẽ vì ngắm chúng dễ chịu hơn là quàng vào cổ. Trong cái hòm nhỏ, góc để khăn, mũ luôn sâu và rục rờ nhất, như món quà bất ngờ dành tặng cho sự háo hức, mong chờ. Mẹ nhẹ nhàng nhắc lên từng chiếc một. Trên cùng là những chiếc khăn dệt mềm mại bố mang về từ miền Nam, mỏng nhẹ mà rất đượm, rất ấm rồi đến những chiếc khăn mẹ tự móc từ những cuộn len mua nhà bà Thà - đủ các mẫu, kiểu xinh xắn. Cứ rồi rồi mẹ lại ngồi móc, bàn tay thoăn thoắt nhịp nhàng. Và hoa nở, nắng tràn theo những vạt khăn buông dần xuống. Mân mê những cánh hoa, đóm nắng ấy, tôi đòi mẹ dạy cho. Nào mũi đơn, mũi kép, mũi sỏ, mũi chữ T, hoa hết cả mắt.

Không chỉ xen mũi mà còn xen màu, họa tiết... thật không đơn giản chút nào. Cuối cùng, sau bao mùa hào hứng tôi cũng chưa tự móc nổi một mẫu khăn. Tự hài lòng với những khăn, mũ mẹ bỏ sung vào bộ sưu tập rộn ràng. Đôi lúc tự nhủ, những chiếc khăn này sẽ còn được truyền lại thật lâu, thật lâu - như tín hiệu nhận mùa, như dấu hiệu in những khéo léo, tảo tần của mẹ. Mùa đông qua bao nẻo, nẻo nào bắt gặp áo khăn là bắt gặp những ấm áp, ngọt nồng. Rồi chợt chạnh lòng thương những đứa trẻ nơi nhiều gió lạnh, co ro trong cái rét đầu mùa hay giá buốt thấu xương mà không có nổi một manh áo ấm, một chiếc khăn nhỏ. Nên không ít lần - khi gió tràn qua cửa, tôi đã ngồi tỉ mẩn sắp xếp, nhặt nhanh chọn ít đồ ấm còn thơm nồng gửi đi, như gửi một chút lòng chia sẻ.

Rồi những chiếc áo, chiếc khăn sẽ lại viết tiếp những câu chuyện về mùa. Như viết tiếp, nói dài yêu thương!



MỘT SỐ VĂN BIA DO

Nguyễn Cao soạn và nhuận sắc

NGUYỄN VĂN AN

Nguyễn Cao (tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao) sinh năm Đinh Dậu (1837) trong một gia đình có truyền thống yêu nước, khoa bảng tại làng Cách Bi, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc phường Cách Bi, thị xã Quế Võ).

Năm 31 tuổi Nguyễn Cao tham dự kỳ thi Hương và đỗ Giải nguyên khoa Đinh Mão (1867) dưới đời vua Tự Đức. Ông là một danh tướng nhà Nguyễn kiên quyết chống thực dân Pháp tới cùng quyết không đầu hàng bọn bè lũ thực dân. Nguyễn Cao lãnh đạo nghĩa quân chống lại quyết liệt quân Pháp tấn công vào Hà Nội, Bắc Ninh vào các năm 1873, 1882, 1883. Ngày 27 tháng 3 năm 1887, tại một trận đánh ở làng Kim Giang (Hà Nội) ông bị quân Pháp bắt. Đối phương dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, nhưng đều bị Nguyễn Cao cự tuyệt. Để giữ tròn khí tiết, ông đã tự rạch bụng, moi ruột, hỏi đối phương: “Ruột gan tao đây, bay xem có khúc nào phản thì bảo”. Biết không thể dụ hàng được, ngày 14 tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), quân Pháp

đã đem Nguyễn Cao ra chém đầu tại vườn Dừa (gần Hồ Gươm, Hà Nội), lúc ấy ông mới 50 tuổi.

Sinh thời, Nguyễn Cao làm thơ để tỏ rõ chí khí của người quân tử, hiện còn lưu truyền lại một số bài, như: **“Khấp ái bộc”** (Khóc chú giúp việc thân yêu), **“Văn Hà Nội chế đài Hoàng Diệu ai tén”** (Nghe tin Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu mất), **“Trách dụ xuất thú”** (Trách kẻ dụ ra đầu thú)... đặc biệt là bài **“Tự phận ca”** gồm 58 câu thơ chữ Hán, đó là thiên bi hùng ca viết cho người nằm xuống, là tiếng hát ruột gan của kẻ sĩ chí trai cuối thế kỷ XIX được cất lên giữa khói lửa chập chùng. Trong đó thân phận con người nhập một với on nhà nợ nước. Ngoài ra, Nguyễn Cao còn được nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh mời soạn hoặc nhuận sắc văn bia. Hiện nay, chúng tôi đã sưu tầm được 6 văn bia, thông qua phần lục khoản cho biết số văn bia do Giải nguyên Nguyễn Cao trực tiếp soạn là 5 tấm, văn bia do ông nhuận sắc là 1 tấm. Thời gian Nguyễn Cao được

mời soạn hoặc nhuận sắc chủ yếu là từ năm 1876 đến năm 1885 tức là sau khi ông đã thi đỗ Giải nguyên và thời kỳ làm quan cho nhà Nguyễn, nội dung cụ thể các văn bia như sau:

- Văn bia “Ký ký bi” dựng ở đình khu phố Cách Bi (phường Cách Bi, thị xã Quế Võ), kích thước cao 77cm, rộng 47cm, dày 12cm khắc ngày 25, tháng Giêng năm Tự Đức 29 (1876). Nội dung chính ghi chép việc gửi giỗ hậu vào đình: “... năm Tự Đức 25 (1872) áp ta bàn việc sửa sang tòa hữu vu của đình thì gặp khó khăn về kinh phí. Nhân đó cựu Hương lão Tư văn hội Nguyễn Quý công tự Trung Hòa, cùng với bà vợ cả là Nguyễn Thế thị đã bỏ ra 170 quan tiền giúp cho công việc được hoàn thành, cùng đó đem mẫu ruộng cho bản ấp lấy đó làm ruộng gửi giỗ...”.

- Văn bia “Đồng Nhân tự bi ký” dựng tại chùa Đồng Nhân (khu 3, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh), kích thước cao 135cm, rộng 65cm, dày 15cm khắc ngày 13 tháng 8 năm Nhâm Ngọ niên hiệu Tự Đức 35 (1882), nội dung chính ghi chép về việc xây dựng chùa Đồng Nhân: “... vào tháng Giêng năm Tự Đức 28 (1875) tại nhà tỉnh đường gồm các vị họ Lê, họ Phan cùng kính tuân theo minh chỉ (chỉ dụ của vua Tự Đức) bèn bàn bạc đưa mộ các vị nghĩa sĩ về ở sườn bên trái núi lại xây dựng thêm 1 tòa nhà làm nơi thờ phật cũng như các vị nghĩa sĩ... bèn quyên góp tiền thập phương trợ giúp xây dựng sửa chữa từ tòa nhà cũ chuyển sang mới. Bắt đầu khởi công từ ngày, tháng 2, năm Tự Đức 30 (1877) đến ngày, tháng 11 đã xong xuôi mọi việc chi phí hết tới hơn 5 nghìn, gồm các tòa tam bảo, tiền đường, phật tượng...”



- Văn bia “Tù vũ bi ký” dựng tại chùa làng Quế Ổ, xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ, kích thước cao 1,54m, rộng 80cm, dày 20cm khắc ngày 25 tháng 11 niên hiệu Tự Đức 35 (1882). Lòng bia 2 mặt khắc chữ Hán thể chân phương, nét chữ sâu còn khá rõ ràng. Trên trán bia hai mặt đều trang trí hoa văn đề tài “lưỡng long châu nguyệt”, diềm bia xung quanh chạm dây lá và cánh sen cách điệu. Nội dung phần đầu nói về việc xây dựng Từ vũ tổng Đại Toán, huyện Quế Dương, phần sau nói về các điều lệ quy định việc tế lễ vào dịp Xuân, Thu nhị kỳ tại Từ vũ.

- Văn bia “Hậu thân bi ký” dựng tại đình làng Lam Cầu (xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành), kích thước cao 65cm, rộng 37cm, dày 13cm khắc vào mùa thu năm Ất Dậu, niên hiệu Vua Hàm

Nghi (1885). Nội dung chính ghi chép việc hậu thân vào đình làng: "... vị Lý phủ giữ chức Giáo thụ phủ Thuận Thành vì công việc chung đã bỏ ra tài sản riêng của nhà đem cho thôn Lam Cầu sửa sang đình vũ, công việc chung thiếu thốn bèn bỏ ra 300 quan tiền trợ giúp thêm phí tổn dùng vào việc sửa chữa đình... Ông lại bỏ ra thêm 800 quan tiền cùng ruộng đất để cúng lễ vào ngày giỗ các đấng sinh thành tại đình làng..."

- Văn bia "Bản chi hậu ky bi ký" dựng tại nhà thờ chi Ất họ Lê Doãn, thôn Đại Mão, xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, kích thước cao 93cm, rộng 55cm, dày 14cm khắc vào trung tuần, tháng 7, năm Ất Dậu, niên hiệu Hàm Nghi nguyên niên [1885]. Nội dung chính ghi chép việc giỗ hậu vào nhà thờ Bản chi: "... việc tế lễ tại từ đường là điển tế của tiên tộc, các đời sau đều phải giữ lễ với đấng sinh thành vậy. Sao lại không sùng kính báo đáp? Nay họ Lê có 3 chi Giáp, Ất, Bính, chi kẻ đây thuộc chi Ất vậy. Hai chi Giáp, Ất đều có các vị đỗ khoa bảng hiện đang được thờ phụng tại từ đường..."

- Văn bia "Hậu ky bi ký" dựng tại nhà thờ chi Giáp họ Lê Doãn, kích thước cao 95cm, rộng 53,5cm, dày 12cm. Bia do Nguyễn Cao nhuận sắc (đọc duyệt) dựng khắc vào trung tuần tháng 7, năm Ất Dậu, niên hiệu Hàm Nghi nguyên niên [1885]. Nội dung chính ghi chép việc gửi giỗ hậu vào nhà thờ: "... Ông Hòe trạch công chi Giáp [cháu tăng tôn cụ thủy tổ chi Giáp đỗ Tú tài, làm quan chức Hải Dương Thông phán]... cùng ông Lý Phủ [húy Điều], [cháu tăng tôn thủy tổ chi Ất đỗ Cử nhân

giữ chức bản phủ Giáo thụ] người chi Ất chi vậy. Ông là con cụ tổ khảo Ất chi thủy tổ Tiên sĩ thứ công... cùng tra tìm các vị tổ khảo bị mai một tên hiệu đưa về cung kính thờ phụng tại từ đường, nay khắc vào bia đá nhân thêm việc nghĩa khuyến khích đạo hiếu..."

Việc nghiên cứu, tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của hệ thống văn bia do Nguyễn Cao soạn và nhuận sắc là một trong những việc làm thiết thực góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị các tư liệu văn từ Hán Nôm hiện còn trong các di tích trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay. Đối với Giải nguyên Nguyễn Cao 06 tác phẩm văn bia này là di sản quý hiếm còn lại của một sĩ phu yêu nước kiên quyết đấu tranh chống lại thực dân Pháp đến hơi thở cuối cùng. Nội dung văn bia còn cung cấp thêm nhiều thông tin chính xác về khoa danh, chức tước, địa vị của danh nhân Nguyễn Cao vào cuối thế kỷ XIX. Các tác phẩm văn bia tuy không chứa đựng giá trị về mặt nghệ thuật, thẩm mỹ nhưng hàm chứa giá trị về mặt lịch sử, văn hóa và nghiên cứu khoa học. Thông qua nội dung cho thấy người soạn văn bia có chủ ý ca ngợi những việc làm thiện, có ý thức giáo dục điều thiện tới mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội xưa. Việc suy tôn các vị có công với dân làng, dòng họ làm hậu thân, hậu phật, gửi giỗ hậu... và dựng khắc bia đá ghi chép công lao dựng tại các công trình tín ngưỡng, tôn giáo, nhà thờ gia tộc được đưa ra bàn bạc rộng rãi trong làng, dòng tộc, điều đó chứng tỏ tính minh bạch, dân chủ trong cộng đồng làng xã, tộc họ ngày xưa rất được coi trọng./.

Ngô Trần Thực:
Xã Phật Tích thời Nguyễn thuộc tổng Thụ Triền, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, xứ Kinh Bắc. Tổng Thụ Triền khi ấy còn có 6 xã, thôn khác. Thôn Thụ Triền thuộc xã Thụ Triền, xã Thụ Triền (2 thôn Phù Lập Thượng và Phù Lập Trung), Cổ Miếu, Cao Đường, Vĩnh Phú và Trùng Minh:

Làng xã nơi đây có truyền thống khoa bảng vẻ vang tiêu biểu hàng nhất vào thời Lê và chủ yếu tập trung ở họ Nguyễn,



CÁC NHÀ KHOA BẢNG TIÊU BIỂU Ở PHẬT TÍCH, BẮC NINH

NGUYỄN DUY NHẤT

họ Ngô, đó là các vị: (theo gia phả và Xã Phật Tích thời Nguyễn thuộc tổng Thụ Triền, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc truyền kể của gia tộc).

Trong các nhà khoa bảng nêu trên có vị đỗ rất đặc biệt - đó là Ngô Trần Thực thi đỗ Đình nguyên Tiến sỹ - duy nhất tỉnh Bắc Ninh:

Truyện ký và sử sách đăng khoa đều ghi: Tiên sinh Ngô Trần Thực sinh năm Nhâm Dần - 1722, quê xã Phật Tích,

huyện Tiên Du (nay là thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh), trú quán ở xã Bách Tích, huyện Nam Chân (nay là thôn Bách Tích, xã Nam Hồng, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định). Ông thi đỗ giải Giải nguyên kỳ thi Hương, lại đỗ khoa Hoàn từ. Trước khi đi thi Ngô Trần Thực đã làm quan Thụ tri phủ. Năm 39 tuổi ông thi đỗ thứ 4 kỳ thi Hội; vào thi Đình, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thử nhất) khoa Canh

Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 21, đời Lê Hiển Tông - 1760 (Khoa này triều đình lấy đỗ 5 vị đồng Tiến sỹ xuất thân, Ngô Trần Thực đứng thứ nhất). Trên ông không có ai đỗ hàng Tam khôi và Nhị giáp, nên ông là Đình nguyên đồng Tiến sỹ xuất thân - cũng là trường hợp duy nhất ở tỉnh Bắc Ninh. Sau đó Tiến sỹ Ngô Trần Thực được triều đình bổ làm qua đến chức Đông các Đại học sỹ, Thự Thiêm đô ngự sử.

Trong những tài liệu về các vị đại khoa xưa nay, có sách **“Các vị đại khoa tỉnh Bắc Ninh”**, chủ biên là Lê Viết Nga - nguyên Giám đốc Bảo tàng Bắc Ninh, tái bản năm 2015, viết về Tiến sỹ Ngô Trần Thực rất cụ thể (có chi tiết khác một số sách): về năm sinh là năm Giáp Thìn (1724) khác tài liệu ghi là sinh năm Nhâm Dần (1722); năm đỗ đại khoa là 37 tuổi - khác năm 39 tuổi và ghi rõ năm Tiến sỹ Ngô Trần Thực tạ thế năm Đinh Tỵ (1797), thọ 74 tuổi.

Trong năm vị đại khoa của xã Phật Tích, chỉ có Ngô Trần Thực là đỗ Đình nguyên Tiến sỹ - cao nhất (như Trạng nguyên). Còn 4 vị họ Nguyễn thì đều đỗ đồng Tiến sỹ xuất thân.

Các nhà khoa bảng tiêu biểu khác ở Phật Tích:

1. Nguyễn Đức Ánh (1675 - ?) thi đậu đồng Tiến sỹ năm 41 tuổi, khoa thi năm Ất Mùi (1715), đời Vua Lê Dụ Tông Vĩnh Thịnh 11. Sau được giữ chức Hình bộ Tả thị lang, lúc về trí sĩ rồi mất - được triều đình truy tặng Công bộ thượng thư. Ông thân sinh ra Nguyễn Đức Vĩ, sau thi đậu Tiến sỹ năm 1727 và là ông nội của Tiến sỹ Nguyễn Quỳnh đậu năm 1766, Tiến sỹ Nguyễn Tuân đậu năm 1778.

Sách **“Các nhà khoa bảng Việt Nam”** viết về Tiến sỹ Nguyễn Đức Anh như sau:

“Nguyễn Đức Ánh (1676 - ?), người xã Phật Tích, huyện Tiên Du, cha của Nguyễn Đức Vĩ, ông nội Nguyễn Quỳnh, 41 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Ất Mùi niên hiệu Vĩnh Thịnh 11 (1715), đời Lê Dụ Tông làm quan đến chức Hình bộ Tả thị lang, về trí sĩ. Sau khi mất được tặng chức Công bộ thượng thư, tước hầu”.

2. Nguyễn Đức Vĩ (1700 - 1775), thi đỗ đồng Tiến sỹ năm Đinh Mùi (1727) đời Vua Lê Dụ Tông, Bảo Thái thứ 8. Năm 1736 được triều đình bổ làm quan với chức Đông các hiệu thư, rồi thăng Hình bộ Hữu thị lang và đổi sang làm Binh bộ Hữu thị lang, Lại bộ Tả thị lang (1739), chức Bộ tụng (1743), Công bộ thượng thư kiêm công việc bộ Lại, Quốc tử giám tế tửu nhập thị kinh diên, tước Phương nghĩa hầu. Nguyễn Đức Vĩ là người thanh liêm, cẩn thận, làm quan trong triều được 18 năm, nhưng gia



tài không có gì quý giá hơn những gia đình trung nông, nên ai cũng kính phục khen là liêm khiết. Năm 64 tuổi ông về trí sĩ tại quê nhà. Được ít lâu chúa Trịnh Sâm lại cho mời ra làm quan tiếp và thăng cho chức Binh bộ Thượng thư. Ông qua đời tháng 7 năm Ất Mùi - đời Cảnh Hưng 36 (1775) thọ 76 tuổi, được triều đình truy tặng làm Thái phó. Nguyễn Đức Vĩ thân sinh ra Tiến sỹ Nguyễn Duân (Duân) đỗ năm 1778.

3. Nguyễn Duân (1736 - ?) - Ông thi đỗ đồng Tiến sỹ khoa Mậu Tuất, đời Cảnh Hưng thứ 39 (1778), khi ấy 43 tuổi. Sau được triều đình bổ làm quan Hàn lâm viện thị chế, đốc đồng xứ Kinh Bắc, ông là anh con nhà bác của Tiến sỹ Nguyễn Quýnh (đỗ năm 1766). Gia phả họ ghi tên ông là Nguyễn Duân, còn các tài liệu khoa bảng xưa nay ghi là Nguyễn Duân.

4. Nguyễn Quýnh (1734 - ?), đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ, khoa Bính Tuất (1766) niên hiệu Cảnh Hưng 27, trong kỳ thi có danh sĩ Ngô Thì Sĩ đỗ Đệ nhị giáp (Đình nguyên). Sau đó ông được triều đình bổ làm quan Hàn lâm viện thị thư Đốc đồng Tuyên Quang và mất ở đó. Trong gia phả họ ghi: “Nguyễn Quýnh phụng gia ban tặng Hàn lâm viện thị giảng, phong tặng Đông các đại học sĩ”.

Nguyễn Quýnh là cháu nội của Nguyễn Đức Ánh, cháu họ gọi Nguyễn Đức Vĩ là chú ruột, em họ của Tiến sỹ Nguyễn Duân (con chú con bác). Ông thi đậu đại khoa năm 33 tuổi, khoa Bính Tuất (1766). Như vậy là họ Nguyễn làng Phật Tích gia tộc có truyền thống khoa bảng tiêu biểu nhất của quê hương nơi đây, với ba đời liên đăng Tiến sỹ có bốn vị đỗ đại khoa và nhiều cử nhân, tú tài. Xã

Phật Tích ngoài bốn vị Tiến sỹ họ Nguyễn còn có một Tiến sỹ họ Ngô là: “Ngô Trần Thực, người xã Phật Tích nhưng trú quán tại xã Bách Tính, huyện Nam Chân nay là xã Nam Hồng, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định. Ông đỗ giải nguyên khoa thi Hương, sau đỗ khoa Hoàn từ (thi viết chữ đẹp). Năm 37 tuổi Ngô Trần Thực đỗ Đình nguyên đệ tam giáp đồng Tiến sỹ khoa Canh Thìn, đời Cảnh Hưng 21 (1700), sau làm quan tới chức Đông các đại học sỹ thụ thêm Đô ngự sử”. Do đó nghiên cứu về Tiến sỹ Ngô Trần Thực, một số tài liệu lịch sử khoa bảng xưa nay ghi về tỉnh Bắc Ninh thường thiếu tên tuổi của nhà khoa bảng này. Tại làng Phật Tích hiện nay còn hai tấm bia đá ghi khắc tên, tuổi khoa danh, quan chức của các nhà khoa bảng nêu trên. Đó là những di vật duy nhất còn lại ở văn chỉ xưa của làng xã có truyền thống khoa bảng này.

Họ Nguyễn Phật Tích còn bảo trọng được từ đường gia tộc thờ các bậc tiên tổ những nhà khoa bảng tiêu biểu của quê hương và đất nước. Công trình này vốn được khởi dựng từ thời Lê. Trong đó hiện còn lưu giữ được gia phả họ ghi bằng chữ Hán, một số đồ thờ tự quý như câu đối, đại tự, ngai thờ và đặc biệt là một án thờ bằng gỗ, nghệ thuật chạm khắc rất điêu luyện, truyền kể đó là kỷ vật thiêng liêng do triều đình nhà Lê ban tặng.

Tư liệu và truyện ký trên đây có giá trị lịch sử vô cùng to lớn - góp phần quan trọng vào việc nghiên cứu, tìm hiểu sâu sắc hơn về Đình nguyên Tiến sỹ Ngô Trần Thực và các nhà khoa bảng họ Nguyễn làng Phật Tích./.

BÀI VĂN BIA CHÙA HÒA LẠC

Di cảo của Trang nguyên Nguyễn Quang Bật

PHẠM THUẬN THÀNH

Chùa Hòa Lạc thời xưa thuộc xã Hành Lạc, tổng Như Quỳnh, nay thuộc thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Tại chùa hiện còn lưu lại tấm bia đá thờ hậu đầu thế kỉ 16 thuộc loại rất quý hiếm. Chỗ trên bia còn đọc được 357 chữ và cho biết nhiều thông tin quý về nhân vật được thờ và người soạn văn bia. Nội dung văn bia phiên âm Hán Việt như sau:

"Tiền niên Đô Thống binh chi Hành Lạc nhân khảo mẫu Vũ Thị Nhân

Thiệu Bình nhị niên Ất Mão nguyệt nhật dã công ấu nhi".

Thánh Tông hậu hoàng đế vu bình nguyên Hồng Đức nguyên niên dĩ giai ấn cụ thần đặc trừ Kim Tử giao Lạng Sơn Vệ Phó quản lĩnh, lịch Khánh Dương vệ Phần Uy kiêm Tổng tri. Nhị thập niên tuyển vi Thanh Hóa Đô tổng binh kiêm sự Tổng binh nhị thập hữu thất niên.

Thượng vấn kì lão chiêu hứa trí sự công đồng lĩnh binh quyền nhị thập dư tái trung cần trị chí giản tại...

Đế tâm, lão nhi trí sự lễ dã.

Đoan Khánh nguyên niên Ất Sửu, ngũ nguyệt, lục nhật Canh Dần, Mão thời, thọ chung, hưởng linh thất thập hữu nhất, bản niên bát nguyệt nhị thập nhật Nhâm Thân táng ư Nguyễn xứ điền, tọa Nhâm hương Bính đối khảo mộ địa dã. Thú Phạm thị, sinh nam tử, trưởng Doãn Cung vi Minh Dục tướng quân, Thanh Hóa lưu Thuần Tượng vệ Phó đô tri, thứ viết Nhượng, thứ viết Minh, tịch Tú Lâm cục nho sinh, quý Ất thượng ấu. Sinh nữ nhị, trưởng Trinh thích Tri bạ Nguyễn Khác Tuân, thứ Túc thích Quan Nam, Đỗ Nhân Hảo, công vi cương nhu tương tế, văn vũ kiêm tư. Tại triều tắc danh dự trú văn, xuất trấn tắc chánh tích khả kỉ.

Thường dĩ bổng tiền chu hương lý thân thích. Tịnh... thân thích gia tài tạo bản xã Nghĩa Trụ giang kiều cứu gian, tạo Thích Già tự tam thập nhị gian. Tác thiện giảng tường thị dĩ thiên hựu chi thần tương chi khắc hưởng đa phúc thọ khảo linh. Chung nghi lạc trình trung dĩ thù bất hủ.

Đoan Khánh nguyên niên tứ Giáp Thìn khoa Tiến sĩ cập đệ Lại bộ Hữu thị lang Trung Trinh đại phu khuông Thiếu doãn, Gia Định, Nguyễn Quang Bật can chí.”

Trước hết về nhân vật được thờ hậu

Đó là vị quan võ (không rõ họ), người xã Hành Lạc, mẹ họ Vũ, sinh năm Ất Mão, niên hiệu Thiệu Bình thứ 2 (1435) đời Lê Thái Tông, giữ chức Đô thống xứ Thanh Hóa nghỉ hưu tại quê. Ngài mất giờ Mão, ngày Canh Dần mùng 6 tháng 5 năm Ất Sửu, niên hiệu Đoan Khánh thứ 1 (1505). Ngài làm quan từ thời trẻ, đến năm Hồng Đức thứ 1 (1470) đời Vua Lê Thánh Tông được ban phong tước Kim Tử, chức Phó quản lĩnh vệ Lạng Sơn, rồi thăng



chức Tổng tri Phần Uy vệ Kháng Dương. Năm Hồng Đức thứ 20 (1490) ngài được phong Đô tổng binh xứ Thanh Hóa, đến năm Hồng Đức thứ 27 (1496) ngài nghỉ hưu tại quê. Ngài thường “đem tiền tài bổng lộc chu cấp cho thân thích làng xóm, xây cầu sông Nghĩa Trụ 9 nhịp và ngôi chùa 32 gian. Làm việc thiện tất gặp điều lành cho nên được trời và thần phật phù hộ hưởng nhiều phúc, sống lâu. Tấm lòng trung trinh này phải được ghi tạc để lưu truyền mãi mãi”. Ngài lấy vợ họ Phạm, sinh 4 trai 2 gái. Con trưởng Doãn Cung nổi nghiệp võ, là Minh Dực tướng quân, chức Phó đô tri vệ Thuần Tượng, đóng quân ở biên giới Thanh Hóa. Hai con trai tiếp theo tên là Nhượng và Minh theo nghiệp văn, là nho sinh Tú Lâm cục. Con trai út tên là Ất lúc bấy giờ còn nhỏ. Hai con gái đều đã gả chồng, một con tên là Trinh gả cho tri bạ Nguyễn Khắc Tuấn, một con tên là Túc gả cho Đỗ Nhân Hảo, một vị quan giỏi trong triều ngoài trấn. Ngài từ trần vào giờ Mão, ngày Canh Dần mùng 6/5/Ất Sửu, niên hiệu Đoan Khánh thứ 1 (1505), thọ 71 tuổi. Ngày 20/8 an táng tại ruộng xứ Nguyễn, đôi diện mộ thân phụ.

VỀ NHÂN VẬT SOẠN VĂN BIA

Theo dòng lạc khoản trên văn bia ghi rõ: “Đoan Khánh năm thứ nhất Tiến sĩ cập đệ khoa Giáp Thìn, Hữu thị lang Bộ Lại, Trung Trinh đại phu, Khuông thiếu doãn Nguyễn Quang Bật, người ở Gia Định cung kính ghi chép”. Danh nhân khoa bảng, trạng nguyên Nguyễn Quang Bật người xã Bình Ngô (làng Ngo), huyện Gia Định, nay thuộc khu phố Thường Vũ (phường An Bình - thị xã Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh). Ông sinh năm 1464 trong gia đình nông dân nghèo.

Thời trẻ ông phải mở quán nước ở cầu Khoai trên đường kinh lí từ Phả Lại qua Gia Bình về kinh đô Thăng Long (nay là đường quốc lộ 17). Vừa làm vừa học, vậy mà mới 21 tuổi ông thi đỗ trạng nguyên khoa thi Giáp Thìn đời Vua Lê Thánh Tông (1484), thời kì học nghiệp phát triển, người tài xuất hiện khắp nơi. Cũng năm ấy nhà Vua cho dựng bia Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Sau khi thi đỗ được tuyển làm quan ở Viện hàn lâm, chức Hàn lâm viện thị thư, thành viên hội “Tao Đàn nhị thập bát tú”, đứng tên thứ 7. Thời Lê Hiến Tông phong chức Đô ngự sử đài, phụng mệnh cùng Thượng thư Đàm Văn Lễ phò lập Túc Tông. Khi Hiến Tông ốm nặng, bà Kính phi, mẹ nuôi hoàng tử Tuấn mưu lập tranh thái tử Thuần, nhưng hai ông từ chối. Không may Túc Tông lên ngôi vài tháng thì qua đời, hoàng tử Tuấn kế vị, tức Vua Uy Mục đế đã biếm chức hai ông vào Quảng Nam giữ chức Thừa tuyên sứ. Khi hai ông vào đến huyện Chân Phúc (nay là Nghi Lộc) Vua sai người đuổi theo bắt tự xử trên sông Lam. Theo sách “Đại Việt sử kí toàn thư” thì Uy Mục đế ngay khi lên ngôi Vua ngày 18/12/1504 thì đến ngày 22/2/1505 đã sai thái giám ngầm giết Thái hậu vì bà không muốn lập hoàng tử Tuấn là con tì thiếp nối ngôi, không thể nối dài đại thống. Đến ngày 6/5/1505 Uy Mục đế lại biếm chức hai Nhiếp chính đại thần phò lập Túc Tông và bức hại. Tuy nhiên theo văn bia, đến ngày 20/8 mới an táng quan Đô thống ở Hành Lạc, sau đó Trạng nguyên Nguyễn Quang Bật mới soạn văn bia và chức quan đã thay đổi, từ Đô ngự sử đài sang Thị lang bộ Lại. Quả nhiên Uy Mục đế làm Vua chỉ được 4 năm, đến đời Hồng Thuận (1509)

Vua Trương Dực để phát binh lật đổ Uy Mục đế, người đời gọi là Quỷ vương.

Do trạng nguyên Nguyễn Quang Bật bị triều Lê Uy Mục bắt tội, lại trải thời gian trên 500 năm nên di cảo của ông không còn nhiều. Bài thi đình xuất sắc trả lời Vua về nhà Triệu Tống đổ trạng nay không còn. Ông tham gia làm sách “Quỳnh uyển cửu ca”, vâng họa 9 bài thơ của Vua Lê Thánh Tông đến nay chỉ còn hai bài chép trong sách “Hoàng Việt thi tuyển”. Nội dung một bài như sau:

THU THẢO HỮ HÀNH

(Phụng họa Ngự chế)

*Bút thể tung hoành tuyệt khả nhân
Nha tiêm ngọc trực ánh dư huân
Huyền hùng đối cú tàng đan lĩnh
Tử yến tương truy nhập bích vân
Dương giám cứu truyền, Trương Húc thể
Đắc thư hưu thác Bá Anh cân
Tiểu thần hà hạnh chiêm y cận
Khoái đồ văn chương Khuê bích văn.*

Dịch thơ:

ĐUA VUI VIẾT THẢO THÀNH THƠ

(Vâng họa thơ Đức Vua)

*Vượt hẳn muôn người, bút lực dư
Câu ngà chữ ngọc rắng vàng mơ
Ngồi trong núi đỏ. gấu đen ẩn
Lướt giữa mây xanh, én tía đua
Trương Húc, mãi truyền trang bút pháp
Bá Anh, đâu kém nét thi thư
Tiểu thần may được hầu minh chúa*

Vui thấy sao Khuê rạng chiếu thơ...

(Duy Phi dịch)

Sách “**Bắc Ninh dư địa chí**” có chép bài thơ tuyệt mệnh của ông từ nguồn gia phả như sau:

*Trời, trời xanh. Nước, nước xanh
Ai đem người ngọc đến Nam Ninh
Nào chàng Liễu Nghị đi đâu tá
Sao chẳng đưa thư tới Động Đình.*

Như vậy, bài văn bia chùa Hòa Lạc ở Hành Lạc, Như Quỳnh là tư liệu quý về danh nhân khoa bảng, trạng nguyên Nguyễn Quang Bật.

Ngày nay, tại quê hương Thường Vũ có nhà bia trạng nguyên Nguyễn Quang Bật bảo tồn tám bia tại nhà thờ ông dựng năm 1937 nhưng bị hư hại trong kháng chiến chống Pháp. Trường Trung học cơ sở phường An Bình mang tên Nguyễn Quang Bật và có Thư viện Nguyễn Quang Bật. Dòng họ Đỗ, hậu duệ trạng nguyên đặt ngày Lễ giỗ trạng nguyên Nguyễn Quang Bật vào ngày 10/10 âm lịch. Ngày này, bên cạnh nghi thức Lễ tế còn có nội dung trao thưởng khuyến học trang nghiêm, động viên con cháu noi gương tiên tổ học hành thành đạt, tấn tới, phục vụ quê hương, đất nước./.





Theo nghiệp văn chương

HOÀNG TIẾN

Tôi về hưu rất sớm - 50 tuổi. Và theo nghiệp Văn chương rất muộn - 65 tuổi. Tuổi ngoài hoa giáp, sinh khí đã như là bơ phờ, uể oải. Văn chương lại là lĩnh vực không hề dễ. Ấy là hòn cốt của đời. Hình như chỉ những người nặng “nợ” cùng đời mới dốc tâm trí theo đuổi. Giữa sự lo lắng về tuổi tác, sức lực và niềm đam mê giải bày, dâng hiến, tôi vẫn chọn con đường theo nghiệp Văn chương.

Giã từ chức Cửa hàng trưởng đang được cơ quan tín nhiệm và như nhiều người nói: “Ngành Lương thực rất hot”. Và dấu tiêu chí còn mười năm nữa mới đến hạn hưu, nhưng tôi nhất định nghỉ.

*“Việc quan như thế là xong
Việc đời còn chút tơ lòng vẫn vương”.*

Được hưởng thú “Điền viên” nhưng nỗi niềm chưa yên, nỗi người còn ngổn ngang trăm mối, nỗi đời lấm trắng đen, ngang trái, thế thái nhân tình đang đòi hỏi sự luận bàn, minh triết. Biết đây là xã hội, là cuộc đời. Nhưng một Cựu chiến binh của ba cuộc chiến, một đảng viên lâu năm, một cán bộ còn khỏe, vui, minh mẫn, đang chơi nhiều Câu lạc bộ, Cờ tướng, Bóng bàn, Thể thao xe đạp... sao có thể ở yên, cứ ngồi chơi, xơi nước, mặc đời. Rồi bạn bè văn chương khuyến khích, rồi cõi lòng yêu, mê văn chương vẫy gọi...

Tôi lại say sưa đọc, viết, gửi in. Đầu tiên là báo Bắc Ninh in bài thơ “*Áo the nâu*” (2002), báo Nhân dân in bài “*Chạy*” (2003), Tạp chí Người Kinh Bắc in bài “*Ao làng*” (2004). Dẫu vui vì thành quả ban đầu, nhưng tặng tôi vốn sôi động, ưa xê dịch. Tôi cảm thấy thơ không đủ tải nỗi niềm sâu kín... Tôi chuyển sang viết văn. Văn có thể chuyên tải nhiều nội dung một cách phong phú, đa dạng, có thể bày tỏ thái độ ngợi ca, phê phán, luận bàn, hay cảm thông chia sẻ, khơi gợi đến mọi ngóc ngách của tâm hồn...

Tôi viết về quê hương Bắc Ninh yêu dấu, về chiến trường miền Nam đau thương và anh hùng, dự thi năm 2004 - 2005, được liền hai giải thưởng văn xuôi của Đài tiếng nói Việt Nam và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; giải thưởng của Hội Văn học nghệ thuật Bắc Ninh. Nhà văn Nguyễn Hữu, Hoàng Giá và nhà thơ Trần Công Sản bảo: “Anh xin vào Hội đi”. Tôi làm đơn, được Hội VHNT tỉnh đón nhận.

Văn biết văn chương là phương tiện nhận thức xã hội, phản ánh cuộc đời, nâng đỡ, cảm thông với con người. Viết văn là nhu cầu tự thân, sáng tác là độc bản, văn chẳng ai viết giống ai, sáng tác là ý tưởng của riêng. Với tôi - cảm xúc ứa về nhiều nhất vẫn là ba cuộc chiến. Đến tận bây giờ, thời gian đã dằng dẳng trôi xa, có dịp gặp các cụ cao niên Tiên Du - Quế Dương (nay là Quế Võ) vẫn ôn lại những tháng ngày xót xa tận mắt nhìn bọn giặc ở bốt Á Lữ, bốt Hồ, khi chúng đem các chiến sĩ cách mạng ra cái chòi bên bờ sông Đuống, bắn bỏ. Xác người rơi xuống sông, chìm ngấm, mắt hút, chẳng biết thi thể những người con yêu nước ấy trôi dạt tận nơi đâu!

Còn quân dân ta không thể không đòi nợ, chỉ trong vòng hơn nửa năm 1951, 70 lô cốt Bảo an phản động, 4 lô cốt Pháp: Á Lữ, Hồ, Đậu, Trại Trai bị Tiểu đoàn Thiên Đức, Trung đoàn 98 và địa phương quân Thuận Thành trừng trị. Mấy bốt Pháp lại có tái đóng, ta và địch giằng co. Cho đến ngày 27/7/1954 đình chiến, Pháp và Ngụy rút về Nam tập kết theo hiệp định Giơnevơ. Rồi Mỹ vào thay chân Pháp. Dân ta lại gian truân đánh Mỹ - Ngụy. Tôi có gần mười năm đấm mình nơi chiến trường miền Nam đau thương ấy... Mãi đến 30/4/1975 mới nghe vang bài hát: “Non sông Tổ quốc gấm hoa/ Ba mươi năm đã trở về ta...”.

Quân - dân Bắc Ninh vô cùng gian lao và anh hùng trong cả hai cuộc chiến chống Pháp và chống Mỹ, biết bao máu chảy, xương rơi, làng mạc hoang tàn, hồn căm nung nấu, đau thương nhiều đời... Đảng và Chính phủ đã ghi nhận, khen thưởng nhiều Huân chương chói lọi, phong tặng cho tỉnh và hầu hết các huyện trong tỉnh danh hiệu: “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Đương nhiên là có lịch sử biên chép, lưu giữ. Song những kỳ tích vinh quang, hào hùng, những đau thương vô hạn, không sử sách nào chép hết, không bia đá nào khắc đủ, những mất mát không gì bù đắp được, thì chỉ văn chương - mới cảm thông sâu sa, mới tỷ mỷ căn kẽ, mới khơi dậy những phẩm chất cao quý anh hùng, biết hy sinh và biết thắng, biết nổi gót cha ông, biết phát huy truyền thống Văn hóa, mang đặc trưng của dân tộc Việt, truyền thống đánh giặc giữ nước, truyền thống giữ vững lòng tin, sắt son cùng Đảng, và lãnh tụ thiên tài Hồ Chí Minh - chỉ ra chân lý: “Không có gì quý hơn Độc lập - Tự do”.

Tôi như nghe thấy tiếng gọi gần xa, tha thiết từ những vùng đất tôi đã đi qua, được làm người lính trong Quân đội nhân dân anh hùng, đã sống, đã gặp biết bao con người, bao nhiêu đồng đội, khắp vùng miền đất nước, người khuất, người còn, người mang thương tật, người nhiễm chất độc, thân hình èo uột, nuôi con dị dạng, khổ đau suốt đời, có khi đến mấy đời, như Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: “Nỗi đau hơn mọi nỗi đau”. Các mẹ, các chị, các em, nặng nghĩa nặng tình. Các Mẹ Anh hùng có sinh có dưỡng mà rồi cô đơn, xa xót, khóc đến cạn khô nước mắt, các chị, các em đi chiến trường, làm đủ công việc mà lẽ ra là phần của nam giới... khi về, quá lứa nhỡ thì, không được làm vợ, làm mẹ đích thực. Nam nữ Thanh niên xung phong chịu gian lao, nguy hiểm mà “chỉ những con đường mới biết...”.

Theo nghiệp văn chương, nghĩa là làm sao lan tỏa được vẻ đẹp, tinh hoa cho con người, trước tiên tôi viết về những người ra trận, những thân phận con người (như trên đã nói). Chỉ cần viết về họ một cách chân thực (không cần hư cấu) người đọc đã xót xa, đến tuôn trào nước mắt, đã xúc động lắm rồi. Đề tài về Lực lượng vũ trang nhiều người đã viết, nhưng hình như chưa bao giờ đủ, bởi những mất mát, đau thương không thể hình dung, tưởng tượng, không nơi đâu như đất nước mình. Sự chịu đựng và tầm vóc anh hùng không nơi nào so sánh. Tôi viết về Đảng và Bác kính yêu với tình cảm nồng ấm, biết ơn. Viết về học tập và làm theo tấm gương của Bác, viết một cách nghiêm túc, ngẫm suy, trải lòng sâu sắc, viết với nghĩa tình đậm thắm, trong sáng nhất, sao cho trang văn chân thực, có

cốt, có hồn, để người đọc có thể đồng tình, chấp nhận. Tôi biết nghiệp văn là nghiệp ngã, nếu thiếu lửa lòng là trang văn mờ nhạt, thậm chí tắt ngấm. Viết sao cho bình dị mà vẫn sang trọng, mang vẻ đẹp chinh phục tâm hồn người đọc. Và luôn tự nhủ viết cho ai đọc, viết như thế nào cho đúng với thiên chức cao quý của người cầm bút... Lại nữa, vào nghiệp văn không phải để lấy thẻ “Hội viên”, không phải nơi chỉ cho vui hãnh tiến, càng không được cao ngạo. Cũng chẳng nên ngợi ca một chiều, tô hồng thái quá, người đọc khó tin, viết không hiện thực, lập tức nhạt nhòa, thiếu sức sống.

Trong khoảng 20 năm, những truyện, ký, thơ tôi được in thành 7 tập sách, dâng tặng bạn đọc, được chín giải thưởng của Trung ương và tỉnh, vẫn biết giải thưởng không nói nên giá trị của nhà Văn, nhưng là sự động viên, tiếp sức cho tôi sáng tạo.

Bắc Ninh đang trên lộ trình hướng tới trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, trong năm 2023 Quê Võ, Thuận Thành đã trở thành thị xã. Quê hương giàu mạnh, sáng, xanh, sạch, đẹp, đất nước nở hoa, tiến lên ngang tầm 5 châu, 4 biển. Lòng người phơi phới đi lên, dẫu chưa hết khó khăn thách thức. Xin bày tỏ tấm lòng biết ơn Đảng - Bác - kính yêu... đã cho tôi được hưởng hạnh phúc làm người, biết ơn đồng đội đã ngã xuống, giành cho tôi sự sống. Biết ơn lãnh đạo Hội Văn học nghệ thuật, biết ơn bạn bè đã nâng đỡ, giúp tôi làm tròn sứ mệnh - theo nghiệp Văn chương...

Hai đứa trẻ

VŨ KIM LIÊN

Căn gác nhỏ chìa ra ngoài ban công tầng năm tòa nhà chung cư cao tầng luôn đóng im ỉm. Trên đó có bà cụ già gần 80 tuổi sinh sống. Bà có nhà cửa đàng hoàng ở dưới quê nhưng nghe lời anh con trai đỡ dành nên bán căn nhà hương hỏa, đùm rúm tiền bạc theo con lên thành phố. Tưởng là được an nhàn, hưởng phúc của cháu con, nào ngờ, năm trước, năm sau anh con trai làm cho mẹ cái chòi gác chìa ra ban công này rồi đưa mẹ lên đây ở. Căn hộ chung cư của anh con trai bị sang tên cho một hộ khác.

Hàng ngày người ta chỉ nghe thấy bước chân lệt sệt cùng tiếng gõ lộc cộc của chiếc gậy hèo trong tay bà lão ra vào khi đưa cháu nội 13 tuổi mang cơm đến và khi bà cần ra ngoài, xuống thang gác đến khu vệ sinh công cộng. Thời gian còn lại không mấy ai thấy bà bước ra ngoài. Mọi sinh hoạt gần như gói gọn trong cái chòi chưa đầy chục mét vuông ấy. Thằng cháu mang cơm đến, khẽ lách người vào thăm bà, đợi bà ăn xong, nó lại xách làn đi. Mỗi lần như vậy, mắt nó đỏ hoe, rơm rớm, đầu cúi thấp khi bắt chợt gặp ai đó trong khu nhà. Nhìn thấy cảnh thằng bé len lén khóc thầm mỗi lần bước ra từ căn chòi gác của bà nó, nhiều người quay mặt đi

cổ giấu tiếng thở dài. Gia đình nó cũng thuộc diện khá giả. Bố làm kế toán trưởng một công ty tư nhân hoành tráng giữa lòng thành phố, mẹ buôn bán lật vật ngoài chợ, em gái nó còn nhỏ - một mô hình gia đình lý tưởng xuất phát từ thôn quê mà nên. Là kế toán lâu năm, có nhiều kinh nghiệm nên bố nó được Giám đốc hết lòng sủng ái. Tuy nhiên, sự sủng ái đó lại là cái gai chọc vào mắt những người bên cạnh. Không ai ngờ, người giàu kinh nghiệm như bố cu Thao mà rồi cũng mắc vào vòng lao lý bởi chính cái bẫy mà người kế toán viên ở công ty giăng ra. Căn nhà ba tầng xinh xinh phải bán tống, bán tháo đi cùng với căn nhà của mẹ ở quê mới tạm thời trang trải, bồi hoàn cho cơ quan và mua lại được căn phòng chung cư mãi tận tầng năm này. Bà mẹ ở quê lên sống cùng chưa được bao lâu thì căn nhà chung cư cũng phải sang tên vì mẹ cu Thao bỗng dưng mắc căn bệnh ung thư quái ác. Tai họa liên tiếp giáng xuống gia đình cậu bé. Trước khi bán căn nhà này, bố Thao làm cho bà nội cái chòi gác và tự tay xây bức tường chừa 2 hàng gạch cho bà nó làm lối đi.

* *
*

Đễ đến hai hôm, hàng xóm không nghe thấy tiếng chân bước của bà lão. Thay vào đó là những tiếng ho khan, ùng đục, chậm chậm. Dường như nó đã được nén kỹ mà vẫn vượt ra thành những tiếng ho giạt cục nơi thanh quản. Nhịp sống thị thành lồi cuồn, chẳng mấy ai để ý đến những tiếng ho khan của bà, cũng không mấy ai thắc mắc khi họ không nghe thấy tiếng dép lê sên sệt cùng tiếng lộc cộc không hàng không lối của chiếc gậy hèo nơi tay bà lão. Chỉ có mỗi cô bé con người mua căn nhà của con trai cụ là để ý thấy sự thiếu vắng ấy. Buổi chiều đi học về, cô bé cất cặp vào nhà và men theo hai hàng gạch bông nhờ nhờ tối, đến đầu cầu thang gỗ dẫn lên cái chòi chìa ra ban công. Nó cố nhướn mắt lên để nhìn vào cái lều hình chữ nhật ấy. Im lặng. Nó bám tay vào bậc thang, từ từ leo lên căn gác. Trong ánh sáng hoàng hôn nhấp nhোang phát ra từ góc trên căn chòi, cô bé thấy bà lão nằm thu lu trong chiếc chăn mỏng, khuôn mặt bà trắng bệch. Nó bò lại gần, hai tay đưa cho bà chiếc bánh bông lan - xuất ăn tạm sau giờ tan lớp mà nó vẫn để dành. Bà lão hé mắt nhìn nó, chưa kịp nói gì thì từ phía dưới cầu thang, tiếng mẹ con bé vọng lên:

- Mà y làm gì trên đó hở Mai? Xuống ngay không thì mẹ bẻ gãy chân bây giờ!

Tiếng quát chói tai làm con bé tên Mai giật mình, đánh rơi chiếc bánh. Nó lúm lét nhìn bà lão rồi từ từ bò xuống. Mẹ con bé đứng chờ phía dưới, nhanh tay cho nó một tét vào mông đau điếng:

- Về! Về ngay. Ai cho mà y lên đó, nhờ lây bệnh thì sao?

Con bé rúm rút: - Mẹ ơi, bà bị ốm nặng lắm!

- Bà ấy ốm đã có con cháu bà ấy lo. Mà y thì biết gì mà thương vay khóc mướn. Về ngay!

Vừa nói chị ta vừa nắm tay con bé, lồi xềnh xệch về nhà...

Cu Thao xách chiếc làn đứng tránh sang một bên nhường lối cho mẹ con Mai đi qua. Con bé liếc nhìn Thao. Bốn mắt gặp nhau. Mắt đứa nào cũng hoe đỏ. Cu cậu nhanh nhẹn trèo lên thang gác. Bà nội nó tựa lưng vào vách thờ khó nhọc.

- Mẹ... đỡ không cháu?

- Mẹ cháu đỡ nhiều rồi, bà ăn cháo nhé, cháu bón cho bà.

- Bà chưa muốn ăn... Cháu cứ để đấy rồi về đi, về cho mẹ cháu ăn kéo muộn rồi.

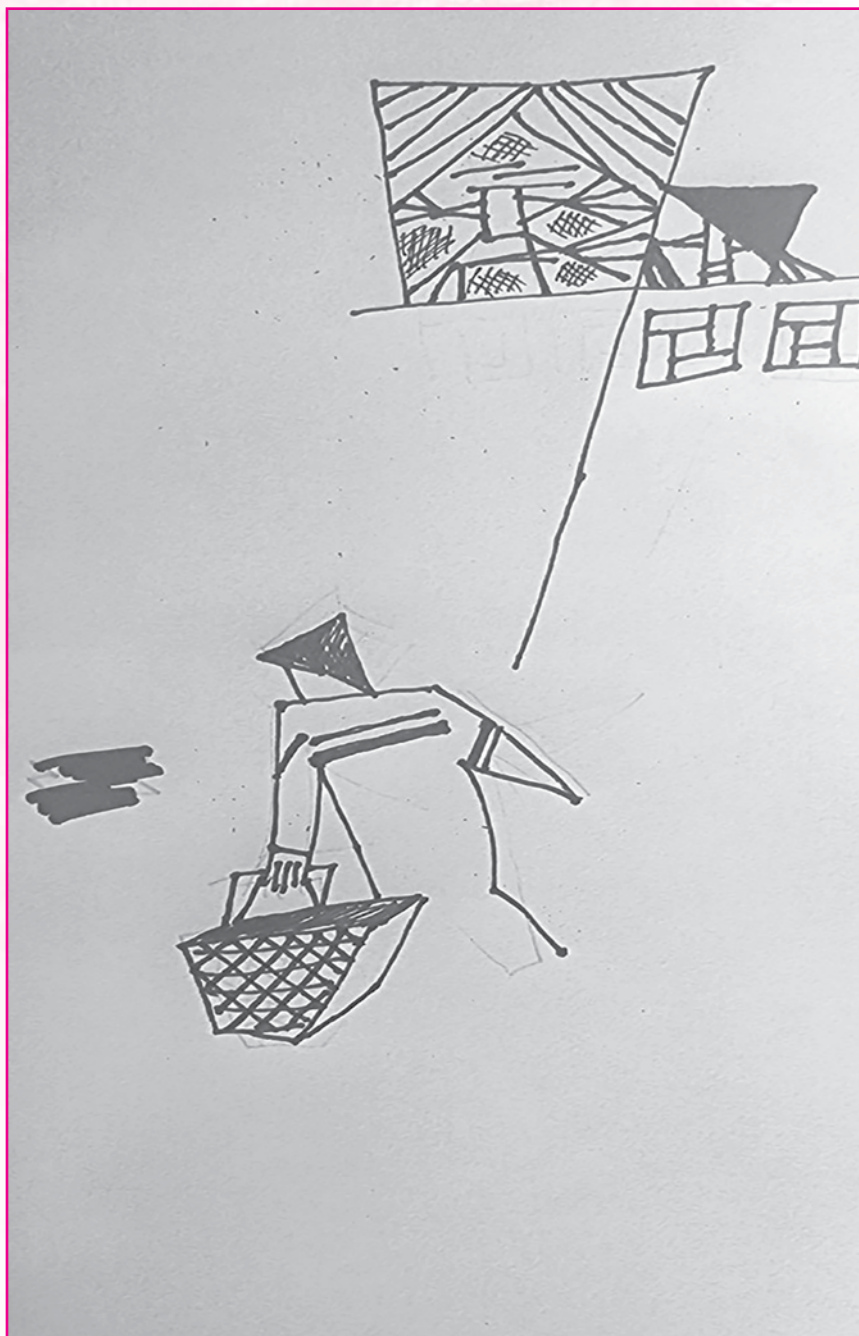
- Cháu cho mẹ uống thuốc rồi mới mang cháo cho bà đấy. Bố cháu đi làm chắc cũng sắp về rồi.

Bà lão ôm ngực ho khù khụ. Thao đưa tay nhẹ vuốt lên ngực bà. Nước mắt bà theo những nếp nhăn chảy rớt cả vào tay thằng bé: - Khổ thân mấy bố con nhà mà y, đang yên đang lành thì tai bay vạ gió... Mà hỏi này bố cháu chạy xe có nhiều khách không? Nhớ bảo bố cháu đi đường cẩn thận nhé, bà nằm đây mà thấy người ta đi lại trên đường nhiều lắm, mắt bố cháu lại kém nữa, chờ người ta phải cẩn thận kéo khổ... Cháu nhớ đừng nói với bố mẹ là bà ốm đấy nhé, để bố còn lo kiếm tiền thuốc thang cho mẹ cháu...

- Bà ơi, bà đừng nói nữa. Bà đừng lo cho bố, mẹ cháu. Bà ăn cháo đi, cháo bố cháu hầm từ trưa, có cả củ cải nữa đấy.

- Ừ, bà ăn. Bà ăn... để cháu còn về trông mẹ, trông em nữa...

Cu Thao chậm chậm bón từng thìa



cháo cho bà. Nó vừa làm, vừa thủ thỉ kể cho bà nghe đủ thứ chuyện ở lớp, ở trường. Nó khoe, cái Mai vừa nãy học sau nó hai lớp, Mai thông minh, học giỏi lại hát hay nữa. Nó làm cờ đờ ở lớp cái Mai nên biết thế. Mẹ cái Mai cũng buôn bán ở chợ nên có nhiều quần áo và đồ chơi đẹp. Nhưng, không vì thế mà cái Mai tỏ ra kênh kiệu với nó hay với bạn bè. Cái Mai dường như

ý thức được hoàn cảnh của Thao nên hay gần gũi trò chuyện và hay tặng quà cho nó, khi thì cái thước kẻ, lúc là cái bút bi, viên kẹo... Bà lão nghe cháu kể chuyện mà lòng áy náy không nguôi. Giá như con trai bà không mắc mưu kẻ xấu, con dâu bà không lâm trọng bệnh thì có phải giờ đây bà cháu được quây quần bên nhau, cháu bà không phải theo bố mẹ đi ở nhờ ngoài góc chợ, không phải khổ sở vì thiếu thốn trăm bề. Giá như... Bà lại ôm ngực ho khan. Thằng bé cuống quýt xoa dầu gió cho bà rồi thu xếp thìa bát bỏ vào làn. Nó lấy thuốc cho bà uống, lấy khăn lau mặt cho bà rồi dọn đồ đủ kiểu y như người lớn vẫn làm. Lúc sau, đợi bà ngấm thuốc, nằm xuống, nó mới lặng lẽ xách làn đứng dậy. Cu cậu vừa xuống khỏi cầu thang đã thấy Mai đứng đó. Cô bé đưa tay lên miệng ra hiệu yên lặng và khẽ dúi vào tay Thao gói

bánh nhỏ. Thao chân chừ, tính trả lại cô bé, nhưng Mai lừ mắt, khẽ đẩy vào lưng Thao, thì thào:

- Anh cầm về cho bé Thẩm đi. Buổi tối em sẽ trốn lên thăm bà.

Chưa kịp nói câu gì thì Mai đã biến mất sau cánh cửa i-nốc sáng loáng. Thao đứng lại, ngẩn ngơ nhìn về phía căn phòng. Mới đây thôi, sau cánh cửa này, cả nhà nó quây quần cùng nhau bên mâm cơm bốc khói, bố mẹ gấp thức ăn cho bà nội và anh em nó... Bé Thẩm vừa ăn vừa nghịch. Có bữa chúng tranh nhau làm đổ cả tô canh nóng vào chân bà nội làm bà bị bỏng. Vậy mà bà vẫn cười bôm bẻm, chẳng mắng đũa nào một câu... Mới đây thôi mà như đã lâu lắm rồi...

- Này, không về đi, còn đứng đó làm gì?

Thao ngơ ngác khi thấy mẹ Mai đứng ngay đằng sau nó. Nó cúi đầu lí nhí chào rồi làm lủi xách làn đi. Mẹ cái Mai ném theo cái nhìn chẳng mấy thân thiện: - Đứng là tội nợ!

Thao xuống đường. Lạnh lẽo hòa vào dòng người, xe hói hả, vẫn kịp ngẩng lên nhìn căn chòi nơi bà nó đang ở. Bất gặp ánh mắt Mai đang nhìn xuống. Hình như cô bé thả một cái gì đó xuống đường. Cu cậu dừng lại, đợi vật rơi xuống nằm im trên vỉa hè mới tiến lại nhặt lên. "Anh Thao ơi, đừng giận mẹ em nhé. Mẹ em không ác ý đâu. Tí nữa, lúc mẹ em đi tắm, em sẽ trèo lên chơi với bà cho bà đỡ buồn. Mai đến kiểm tra lớp em sẽ cho anh cái này hay lắm!". Thao gạt gạt đầu với cô bé đang nhòai người trên ban công. Hai má lúm đồng tiền của Mai tươi rói trước hoàng hôn.

Bà nội Thao ốm mất một tuần lễ rồi cũng khỏi. Bà lại lặng lẽ chống gậy đi trên hai hàng gạch bông mỗi khi cần. Hàng ngày, cu Thao vẫn đem cơm tới cho bà. Mỗi lần đến, nó lại mang theo cuốn sách, ngồi đọc cho bà nó nghe lúc bà ăn cơm. Thỉnh thoảng cái Mai nhân cơ hội mẹ đi bán hàng cũng trèo lên đọc sách cùng Thao. Nhìn hai đứa trẻ líu ríu bên nhau, lòng bà ấm dần lên. Một hôm, lúc Thao chưa đến, Mai leo lên gác, thủ thỉ khoe với bà là đêm qua nó nằm mơ thấy nhà nó trả nhà cho nhà anh Thao để dọn đi nơi khác ở, nó thấy bà sống trong căn phòng của nó bây giờ và còn mơ thấy bố anh Thao phá cái chòi gác này để mở khung cửa mới cho gió bay vào đây nhà nữa... Bà nội Thao cóc yêu vào đầu Mai, bảo: - Cháu mơ linh tinh rồi, nhà anh Thao bán cho nhà cháu đây chứ, cháu ở dưới, bà ở trên này tha hồ nói chuyện với nhau... Cái Mai cười, nhe chiếc răng khểnh: - Hôm nọ anh Thao cho cháu mượn cuốn truyện kể về một cô bé bị bệnh nằm bên khung cửa sổ nhìn ra bầu trời xanh bên ngoài, cô bé ao ước được bước ra ngoài ấy, ao ước được như những chiếc lá non xanh trên cây kia suốt ngày rì rào ca hát chứ không bị cầm tù như cô bé ấy. Rồi một hôm nhân lúc cô bé ngủ, có người họa sĩ đã vẽ lên cửa kính phòng cô một chiếc lá. Qua cả mùa đông mà chiếc lá vẫn không hề rụng. Nhưng người họa sĩ thì đã đi xa...

Kể đến đây, Mai bỗng nhiên ngừng lại. Cô bé chăm chăm nhìn bà:

- Anh Thao bảo, khi nào anh ấy có nhà mới sẽ đón bà đi. Nhưng, bà đừng đi như người họa sĩ trong chuyện bà nhé. Cháu sẽ buồn lắm đấy!

- Không đâu, bà sẽ ở lại đây với cháu, bà không đi xa được vì bà không thể quên cháu, ngốc ạ!

* *
*

Gần Tết. Trời rét đậm. Bà lão co ro trong căn gác nhỏ. Nghĩ về một thời đã qua, bà ao ước được trở về làng cũ, được sống dù chỉ một ngày trong căn nhà xưa của mình. Bà lầm rầm khấn nguyện, cầu xin trời phật rủ lòng thương chớ che con dâu thoát khỏi cái chết để lo liệu cho các cháu của bà... Đang nghĩ ngợi mung lung thì Thao đến. Cu cậu bước như lao lên thang gác:

- Bà ơi! Bố cháu được minh oan rồi. Tòa xử bố cháu trắng án rồi...

- Cái gì... cái gì, nói lại bà nghe?

- Bố cháu... bố cháu được minh oan rồi, được trả lại tiền rồi. Nhà ta không phải đi ở nhờ nữa đâu bà ạ.

Bà lão òa khóc như đứa trẻ. Vậy là con trai bà đã bị hàm oan bao lâu nay và đã được rửa trôi mọi oan khốc. Từ nay, con bà sẽ không phải chạy xe ôm kiếm miếng cơm hàng ngày cho cả nhà nữa. Và, như thế, con dâu bà cũng sẽ khỏe lên nhờ được chạy chữa kịp thời. Gia đình bà sẽ được đoàn tụ, hết như giấc mơ của cô bé Mai hiểu thảo hôm nào. Bà chấp tay cúi lạy trời phật đã trả lại niềm vui sống cho gia đình bà.

Ngay lúc ấy, bố Thao đến. Mẹ con bé Mai mở rộng cửa tươi cười chào đón anh:

- Xin lỗi anh, chúng em do không hiểu nên đã có những cư xử không phải với gia đình...

- Không có gì đâu cô. Có gia đình cô bên cạnh, nhất là có cô bé này bên cạnh,

mẹ tôi vui lắm và sống khỏe ra đây...

Bố Thao nắm vai Mai lắc lắc: - Ngoan lắm, cháu gái bác ngoan lắm!

Mai cười tít cả hai mắt, nhanh nhẩu leo lên cầu thang. Hai bím tóc đuôi sam của cô bé tung tăng theo từng nhịp bước chân. Bà nội cu Thao dang tay ôm hai đứa trẻ vào lòng. Bà cười mà nước mắt không ngừng tuôn rơi.

- Bà ơi, bà hứa là sẽ không đi xa như người họa sĩ rồi nhé!

Cái Mai nhắc. Bà lão nắc lên nghẹn ngào: - Ừ, bà hứa... bà hứa!

Gió xuân thổi tràn trên căn gác nhỏ chia ra ban công tầng năm của tòa nhà chung cư. Ba bà cháu hớn hờ dìu nhau xuống gác. Vài ngày tới, căn gác này sẽ bị phá đi. Bức tường gạch mỏng manh chắn lối cũng được dỡ xuống. Nhà Thao sẽ dọn về ở trên căn hộ tầng sáu mua lại của người quen cũ. Vui nhất là hai đứa trẻ, chúng lại trở thành hàng xóm của nhau, cùng nhau tới lớp, tới trường.

Bà lão vươn vai đứng giữa hai đứa trẻ. Mái đầu bạc trắng xen giữa hai mái tóc đen tuyền bay bay trong gió. Đôi mắt họ lấp lánh niềm hạnh phúc./.



DANH SƯ TIẾN SỸ CHU VĂN NGHỊ VỚI YÊN PHỤ VĂN PHÁI

NGHIÊM ĐÌNH THƯỜNG

Xã Yên Phụ là một trong mười bốn xã, thị trấn của huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Yên Phụ nằm ở phía Tây của huyện; Là đơn vị hành chính nhất xã, nhất thôn. Đất đai cao ráo, người Việt cổ đến đây cư trú từ 2000 năm trước. Nơi đây có 7 ngọn núi đẹp gọi là Thất Diệu Sơn, ứng với 7 vì tinh tú trên trời. Người dân làm nghề nông, trước đây có nghề dệt vải rất phát triển. Yên Phụ bây giờ là đất đa nghề, nhân dân năng động, đổi mới bậc nhất của Yên Phong. Cuộc sống khá giả, văn hóa, giáo dục phát triển hơn các địa phương khác trong vùng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống ở thế kỷ XI, Thái úy Lý Thường Kiệt đã đặt bản doanh ở đây. Những địa danh như Cầu Gạo, Núi Đồn, Cánh đồng Dinh, Đền Núi, Điểm Trung Quân... đã cùng với quân dân triều Lý làm nên chiến thắng Như Nguyệt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, là niềm tự hào của nhân dân ta. Bởi vậy, Nhà nước đã công nhận

xếp hạng 3 di tích lịch sử trong cuộc kháng chiến chống quân Tống ở nơi đây là di tích lịch sử cấp quốc gia.

* *
*

Cụ Chu Văn Nghị (1785 -1840) sau khi thi đỗ Tiến sỹ, không ra làm quan, ở nhà mở trường dạy học và trở thành danh sư nổi tiếng cả một vùng. Sinh thời Tiến sỹ đã soạn và khắc nhiều bia đá, nổi bật nhất là 2 bia:

Bia 1: *Hoàng triều Minh Mệnh bát niên xuân* (1827). Bia này ghi khoa bảng của xã Yên Phụ gồm: Tiến sỹ 3, tiến triều 4, Cử nhân 62, Tú tài 252 vị, khắc bia đá, dựng vào năm Minh Mạng thứ 8 (1827). Bia này còn có tên phụ là văn phái bi ký.

Bia 2: Có tên là *Yên Phụ văn phái bi ký* dựng năm 1837. Văn bia kê họ tên, quê quán, khoa thi đỗ của các vị Tiến sỹ huyện Yên Phong. Từ thời Lê sơ đến hết thời Lê Trung hưng, không chỉ bó hẹp trong phạm vi xã Yên Phụ, gồm: Thời Lê sơ - 16 vị,

thời Mạc - 13 vị, thời Lê Trung hưng - 6 vị.

Nếu so sánh với đăng khoa lục và bia Văn Miếu (Hà Nội) cho thấy, cụ Chu Văn Nghị đã thống kê khá đầy đủ các Tiến sỹ của huyện. Từ đó về sau Văn chỉ Yên Phụ dùng làm Văn từ của huyện. Hàng năm, huyện lệnh các bậc khoa danh của huyện đều tổ chức tế lễ. Văn chỉ Yên Phụ bị tàn phá trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Bia *Yên Phụ văn phái bi ký* dựng ở cửa Đền xã Yên Phụ, năm 2001, Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh làm việc với xã, xin chuyển bia xuống Bảo tàng nhằm trưng bày, giới thiệu, quảng bá truyền thống hiếu học, khoa bảng của huyện Yên Phong.

* *
*

Đôi điều về Yên Phụ văn phái

Ta có thể hiểu “văn phái” ở đây là môn phái của những người theo nghiệp “bút nghiên” ngày xưa. Học để đi thi, thi đỗ làm quan. Đây là con đường tiến thân của “sĩ tử”. Người nào khoa cử lận đận thì làm “ông đồ” dạy học ở các làng quê.

Đến thời của Tiến sỹ Chu Văn Nghị, Yên Phụ đã có một “văn phái” thực sự, mà Tiến sỹ đã khảo cứu, sưu tầm, khắc bia để lưu truyền hậu thế. Đây là việc nêu cao truyền thống hiếu học và đặt nền móng cho việc khuyến học tại quê hương.

1. Tiến sỹ Chu Xa (1407 -?) tự là Khí Phủ, năm Quý Sửu (1433) đời Lê Thái Tổ, cụ thi đỗ Tiến sỹ, làm quan đến chức Ngự sử. Cụ đã làm Phó sứ đi sứ nhà Minh (Trung Quốc). Cụ là người viết tiếp bộ Việt âm thi tập của Phan Phu Tiên.

2. Bảng nhãn Nguyễn Chiêu Huân (1494 -?). Cụ thi đỗ Bảng nhãn Khoa Giáp Tuất niên hiệu Hồng Thuận thứ 6 (1514),

làm quan tới chức Công bộ Thượng thư và từng được cử đi sứ sang nhà Minh (Trung Quốc) tới 2 lần.

3. Tiến sỹ Nguyễn Khắc Khoan (1563 - ?) là cháu nội cụ Nguyễn Chiêu Huân, đỗ Tiến sỹ khoa Mậu Tuất 1598 thời vua Lê Thế Tông, làm quan tới chức Tả thị lang và được cử đi sứ sang nhà Minh (Trung Quốc) 1605.

4. Về Tiến sỹ Chu Văn Nghị: Cụ sinh trưởng trong dòng họ có truyền thống hiếu học và khoa bảng ở thôn Cầu Gạo. Cội nguồn họ Chu là họ Nguyễn cùng xã với những tên tuổi vẻ vang như Bảng nhãn Nguyễn Chiêu Huân, Tiến sỹ Nguyễn Khắc Khoan. Sở dĩ từ họ Nguyễn đổi sang họ Chu là do có người họ Nguyễn được cậu ruột nhận làm con nuôi, sau đó làm người thừa tự mà đổi sang họ Chu .

Xuất thân trong gia đình tuy làm nghề nông nhưng khá giả, nên nếp, dòng dõi thi thư. Ngay từ khi còn thơ ấu đã được cha cho theo nghiệp bút nghiên và nổi tiếng thông minh. Đồng thời chính người cha quan tâm dạy bảo, giúp đỡ nên tiên bộ không ngừng. “Lên 4 tuổi, biết làm câu đối quốc âm, thích nghe chuyện, có khi ngồi suốt đêm không ngủ”. Lên 9 tuổi học đến đâu, biết đến đó. Có vị Tiến sỹ triều Lê sơ đến nhà chơi, ra đầu đề để thử tài. Chu Văn Nghị đối đáp xuất sắc. Tiến sỹ nghe xong, cười mà bảo rằng: “Cậu này có khẩu khí Tiến sỹ về vùng này, tôi chỉ thấy có một vậy .Tôi quyết về sau sẽ thành đạt”.

Chu Văn Nghị có thuật lại việc học của mình “... Có một ngày ta đọc cuốn Nho học mà nghiêm phụ ta yêu thích, bỗng thấy lòng khảng khái muốn quyết chí ngay. Ngày ngày vào lúc rỗi, ta thường đem sách

của người ra đọc, vì thế mới đến học các trường gần làng như Quan Độ, Mẫn Xá, Thọ Khê, nho sinh đến học các bậc tiên sinh, văn chương tiến tới nhiều lắm” (Chu tộc thế phả).

Ngày xưa, các nhà quyền quý, các gia đình giàu có gửi các sĩ tử vào trường Giám để ôn luyện văn bài với các danh sư nổi tiếng, mới mong tên đề ở “bảng vàng, bia đá”. Cụ Chu Văn Nghị có cách học mới phù hợp với hoàn cảnh của mình. Đó là tự học, đọc sách, học các bạn nho sinh, học các bậc đàn anh, tìm học các thầy nổi tiếng ngay quanh vùng. Phải chăng đó là điểm đặc sắc của Văn phái Yên Phụ.

Học hành như vậy, thi cử rất gian nan. Cụ bắt đầu khoa thi Hương năm Đinh Mão (1807), thi đến tam trường thì bị hỏng. Hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn. Vợ ốm, con nhỏ mất sớm, rồi khi lại chịu tang bố, thành thử tuy đã đậu Cử nhân năm 1819. Mãi đến năm Bính Tuất 1826, cụ mới vào Huế thi Hội “Ta thấy tên ta được vào hạng thứ 8 trong 10 người, thực là không dám nghĩ tới”. Tiếp theo, cụ tham gia thi Đình tổ chức ngay trong cung điện nhà Vua và Vua làm Chủ khảo. Mặc dầu “thể trạng ốm yếu như tàu lá héo, bải hoải toàn thân” nhưng cụ vẫn quyết tâm “làm bài một mạch thiên kim cổ” khi ra bảng đỗ Đồng Tiến sỹ.

Sau khi đỗ Tiến sỹ, cụ nhận được ân tứ của triều đình và vinh quy bái tổ. Được nghỉ ngơi 2 tháng lại phải tiến kinh để nhậm chức Vua ban. Tự nhận thấy vì mang bệnh đã lâu, cụ xin ở lại nhà dưỡng bệnh và lấy việc dạy học làm vui thú.

Con đường khoa bảng của cụ thật là chông gai đầy thử thách. Về thời gian phải kéo dài 19 năm từ năm 1807 đến năm

1826. Đã thế, đi thi Hội phải vào kinh đô Huế để thi. Đường xa dặm thẳm, gần ngàn cây số, đi bộ, vượt qua bao sông suối, núi đèo rồi thì trộm cắp, dịch bệnh luôn rình rập. Người đi thi có sức khỏe đã đành, lại phải thuê ít nhất 2 lực điền làm vệ sĩ và gánh đồ đi cùng. Hành trình đi thi kéo dài ba, bốn tháng hoặc hơn nữa. Phải những gia đình khá giả, mới có thể theo nghiệp “bút nghiên” được. Cái giá phải trả cho học vị Tiến sỹ thời xưa thật đắt đỏ, nhưng cũng thật tự hào. Những người thi đỗ Tiến sỹ được yết kiến nhà Vua, được Vua ban mũ áo, cờ biển, được tổ chức lễ Vinh quy “đón rước tận cổng thành, các bậc tân khách và hàng tổng đón rước hai bên đường cờ trống đầy dẫy”. Rồi sau đó, tên tuổi các Tiến sỹ được khắc vào bia đá đặt tại Văn Miếu, lưu truyền mãi cho hậu thế. Người thi đỗ được nhà vua bổ đi làm quan chức, đó là cách tiến thân của các nho sinh ngày xưa. Cụ Chu Văn Nghị lại vào đời bằng con đường dạy học, bốc thuốc và chăm sóc gia đình. Triều đình còn vài lần triệu, cụ vào kinh nhậm chức nhưng cụ đều khéo léo từ chối và lấy việc dạy học làm vui thú “Thú vui làm danh sư phần nào đem lại cho ta niềm an ủi”, bỏ hẳn việc “võng anh đi trước võng nàng theo sau”, không màng danh lợi ở chốn quan trường, đó là nét đặc sắc của Văn phái Yên Phụ.

Vì đỗ Tiến sỹ nên dân gian gọi là ông Nghè. Trường của ông Nghè đông sĩ tử đến tập văn bài lắm. Học trò chẳng đâu xa, chỉ quanh vùng Từ Sơn, Đông Anh, Sóc Sơn, Hiệp Hòa, chủ yếu vẫn là Yên Phong. Vốn thông minh lại trải qua “trường văn, trận bút”, thời gian ông Nghè dạy học không dài, chỉ có 16 năm nhưng kết quả thật rạng rỡ:

- Tiến sĩ có Phan Đình Dương, người xã Trang Liệt huyện Đông Ngàn, đỗ năm 1842, làm quan được thăng tới chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám.

- Phó bảng Ngô Quang Diệu, đỗ năm 1849, người thôn Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, làm quan đến chức Tham chính.

- Giải nguyên (đỗ đầu thi Hương) có Nguyễn Hiệp người xã Phù Khê, Thị xã Từ Sơn, đỗ năm 184, làm quan tới chức Thị Độc học sĩ.

- Cử nhân có Nguyễn Thuật, Nguyễn Viện, Đồng Danh Vọng, Nguyễn Đạo Mạch, Ngô Vương Tú, Dương Quang Thanh, Trần Văn Năng, Chu Văn Viên, Nguyễn Văn Bái.

- Tú tài thì không kể hết (Theo bia đá Từ đường thờ Tiến sỹ).

Danh sư Chu Văn Nghị là người Thầy đạo cao, đức trọng, người thầy uyên bác, người thầy mà người đương thời đánh giá “tạo ra văn phái” riêng, đào tạo nhiều nhà khoa bảng của Bắc Ninh nói riêng và khoa bảng của cả nước nói chung. Vì vậy khi Tiến sỹ mất, các học trò đã dựng bia đá để ghi chép công đức của Thầy.

Đối với gia đình, Tiến sỹ là người con hiếu thảo, đã phải lỡ một kỳ thi vì phải để tang cha. Đối với vợ khi ốm đau, thai sản thì “ngày đêm lòng ta buồn bực, chẳng quản nhọc nhằn tốn kém đi tìm thuốc thang, nên không còn bụng dạ nào dùi mài đèn sách được”. Tiến sỹ rất quan tâm dạy bảo con cái. Do vậy con trai thứ là Chu Văn Giảng đỗ Cử nhân khoa Giáp Tý 1864. Chăm lo nơi thờ cúng tổ tiên, Tiến sỹ tu tạo từ đường ở thôn Cầu Gạo, từ đường cũng là nơi thờ Tiến sỹ Chu Văn Nghị. Ngày 22 tháng 10 năm 2013, UBND

quận Bắc Ninh có quyết định số 1196/QĐ-UBND công nhận Từ đường Tiến sỹ Chu Văn Nghị là Di tích lịch sử văn hóa.

“Văn phái Yên Phụ” không chỉ thể hiện ở việc mở trường đào tạo nhân tài cho đất nước mà còn ở việc xây dựng nếp sống văn hóa thuần hậu của Yên Phụ và huyện Yên phong. Đối với gia tộc, Tiến sỹ sưu tầm biên soạn cuốn Thạc sỹ Chu Quang Thắng, Trưởng họ Chu đã dịch, chú khảo và in năm 2013. Tuy là cuốn gia phả ghi lại lịch sử dòng tộc nhưng Tiến sỹ rất chú trọng giáo dục đạo đức, bài học làm người cho con cháu các đời sau. Bản thân Tiến sỹ nêu tấm gương sáng: “Đối với việc của làng cư xử như người trưởng lão. Đối với hàng xóm phải đến nhà môn, cụ đem tiền nhà cùng hương lão tới nhà môn xin cho. Khi thôn có đại dịch Tiến sỹ đem thuốc của nhà cứu chữa nhiều người”.

Yên Phụ là làng đồng thời cũng là xã luôn, quản lý công việc ở một làng lớn về diện tích, đông về nhân khẩu rất phức tạp. Tiến sỹ đã soạn Hương ước để làng thực hiện. Khi thấy đình làng xuống cấp đột nát, Tiến sỹ đã bàn với dân Yên Phụ và dân Yên Hậu (vốn thờ chung Thành hoàng) sửa chữa đình làng từ tháng 8 năm 1831 đến tháng 2 năm 1832. Gia đình Tiến sỹ cũng ủng hộ nhiều nhất, gồm 120 quan tiền 2 xúc gỗ, 50 công thợ. Tiến sỹ đã soạn “Song Yên bi ký” vào tháng 5 năm 1835 để ghi lại sự kiện này. Trước đây, bia đặt ở đình làng, nay đặt phía bên phải cửa Đền Núi.

Gắn cả cuộc đời với nghiệp trồng người, nói theo ngôn ngữ hiện nay, Tiến sỹ rất ham làm khuyến học khuyến tài. Ngày xưa các làng lập Văn chỉ, Văn từ biểu tượng cho tinh thần hiếu học ở làng

quê. Ở đó thờ Không Tử, Tứ phối (Tăng Tử, Mạnh Tử, Nhan Tử, Tử Tư) cùng các tiên hiền của Nho giáo. Đó thường là một hoặc hai ngôi nhà, bên trong đặt bài vị của các bậc Tiên thánh, Tiên nho và do Hội Tư văn địa phương quản lý, lo liệu tổ chức tế lễ vào ngày Đinh của tiết Xuân, Thu trong năm.

* *
*

Trong cuốn “**Gia phả Chu tộc Cụ Nghè**” đã có những lời vàng ngọc đánh giá cuộc đời và sự nghiệp của Tiến sỹ Chu Văn Nghị “Cụ là một bậc nho học uyên thâm, ngạch trực, nhân hậu, đồng thời cũng nổi tiếng là người đức độ, nghiêm khắc. Cụ là tấm gương sáng về tinh thần hiếu học, có nhiều đóng góp cho quê hương bản quán, tận tâm cứu chữa, bảo vệ giúp đỡ những người nghèo khó. Cụ còn là người con hiếu thảo, có tinh thần trách nhiệm cao với

gia đình, gia tộc, chăm lo chu đáo nơi thờ cúng, phần mộ tổ tiên, nuôi dạy con cái lớn khôn, thành đạt. Sau khi đỗ đạt vinh quy, do điều kiện sức khỏe không ra làm quan, Cụ dồn tâm, dúc sức đến tận cuối cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục đào tạo nhân tài, xứng đáng người thầy mẫu mực”.

Danh sư Tiến sỹ Chu Văn Nghị đã để lại cho Yên Phụ nói riêng, Yên Phong nói chung một “văn phái” nêu cao truyền thống hiếu học, đặt nền móng cho việc khuyến học và học suốt đời hiện nay. Di sản tinh thần ấy là tài sản quý giá cho chúng ta hôm nay và mai sau.

Danh sư Tiến sỹ Chu Văn Nghị đã được tên cho một đường phố rất đẹp ở đô thị mới, huyện lỵ Yên Phong...





Đi lính

NGUYỄN TIẾN LỘC

C huyến xe điện Bờ Hồ - Bạch Mai đến gần cuối chợ Mơ đang từ từ đỗ lại, đây là bến cuối. Phía bên công chợ, những người bán rau ở quê ra vẫn đang ngồi nán lại chờ bán hết mấy củ xu hào rễ đầy đất, nham nhở, vài mớ rau muống bắt đầu úa, lả ngọn, họ lấn ra cả đường đi. Người phụ lái nhảy xuống, kéo chiếc cần điện quay ngược về phía Bờ Hồ, lựa cho nó nhập vào đường dây điện

ở trên cao tóe lửa. Người lái chính nhắc chiếc khóa điều khiển có tay cầm khỏi bàn điện ở trước mặt, đi xuống đường, quay lại toa cuối cùng, cắm chiếc khóa điện vào bàn điện, ngồi vào ghế, chờ đến giờ lại mở khóa cho đoàn tàu chạy về Bờ Hồ. Toa cuối cùng trở thành toa đầu tiên.

Quân chờ cho tàu điện dừng hẳn, anh liền theo mọi người thận trọng bước xuống vì xe điện đỗ ở giữa lòng đường, xe ô tô,

xe đạp, xe tay, xe bò, người đi bộ qua lại sát ngay hai bên thành xe, nguy hiểm rập rình. Anh nhìn trước, nhìn sau, bên phải, bên trái, từ từ đi vào vỉa hè. Anh đi ngược trở lại về phía Bờ Hồ một quãng rồi rẽ vào một con đường đất nhỏ, đây là lối vào ngõ Giếng Mút. Con đường nhỏ không đủ cho hai người gồng gánh đi ngược chiều nhau, họ phải nghiêng người, một tay kéo đòn gánh về phía tường thì đôi quang gánh mới khỏi bị vướng. Họ là những người dân chạy chợ ăn từng bữa, từng ngày. Ở cuối con đường là một cái ao rộng đầy bèo tây nước đen ngòm, mùi hôi thối vô cùng khó chịu. Quân rẽ tay phải, đi một đoạn ngắn, qua một dãy nhà lá lụp xụp, thấy căn nhà ba gian có cây ổi ở đầu hồi, đứng như chỉ dẫn, anh dừng lại, đánh tiếng gọi. Một người đàn ông đậm sức, trên ba mươi tuổi, đôi mắt sáng, lông mày rậm từ trong nhà thông thả ra, nhắc cánh liếp, hỏi:

- Anh hỏi nhà ai?
- Tôi hỏi nhà ông Chín.
- Anh tên là gì?
- Tôi tên là Bảy.

Họ nhận ra đúng mật hiệu của nhau. Theo quy ước, người hỏi hoặc trả lời khi bắt đầu cuộc gặp sẽ dùng một con số từ 5 đến 10 để xưng danh. Người đáp dùng con số thấp hơn 2 bậc đáp lại. Ông Chín nói:

- Xin mời vào. Khi đứng ở trong nhà, Quân thấy một cái xích lô đặt ở góc bên phải, đầu xe quay ra cửa. Quân hiểu người phụ trách cấp cao của mình dùng chiếc xe này làm phương tiện sinh sống và hoạt động. Chiếc xe tương đối mới phù hợp với nhiều loại khách, kể cả khách “xộp”, mặt thám sẽ ít chú ý. Quân ngồi xuống chiếc giường tre ở giáp vách hậu, phía bên vách

sát đường cái có cửa sổ được chống lên nửa chừng bằng một đoạn tre. Ông Chín ngồi gá vào chiếc chõng tre, hai tay chống lên đầu gối, nhìn chăm chăm vào mắt Quân như muốn thôi miên người đối diện. Ông mở đầu câu chuyện:

- Hôm nay chúng ta mới gặp nhau lần đầu, nhưng tôi đã biết về Quân từ mấy năm nay. Quân đã có nhiều đóng góp cho phong trào “Chống Pháp, đuổi Nhật” ở Hà Nội, đã tỏ ra gan dạ, có bản lĩnh. Khi về quê theo sự điều động của tổ chức, đã hoạt động khôn khéo, tạo dựng được không khí mới trong làng xóm. Đặc biệt, việc giúp đỡ cho con chánh xứ nghiên cứu Quan họ coi như thành công ngoài ý muốn. Chỉ tiếc là chưa có nhiều thời gian để Quân có thể tiếp cận sâu hơn nữa với chánh xứ. Việc ông ta chấp nhận xin cho Quân một xuất học bổng là một cơ hội hiếm để có thể đi sâu tìm hiểu cuộc sống của kẻ thù ngay trên đất nước của họ và để góp phần xây dựng đất nước khi giành được độc lập. Rất tiếc tình hình diễn biến nhanh và phức tạp chưa có điều kiện sử dụng xuất học bổng ấy. Còn chuyện riêng tư thì nên suy nghĩ kỹ, đoàn thể không ngăn cản nhưng trong hoàn cảnh hiện nay cần đặt nhiệm vụ cách mạng lên trên hết. Điểm cuối cùng ông Chín vừa nói khiến anh có nhiều băn khoăn, suy nghĩ vì đây là một bài toán hóc búa nhiều ẩn số anh chưa tìm ra, hình như ông muốn nói đến chuyện hôn nhân. Ông Chín nói đến đây thì ngừng vì có ai đó đập vào cửa sổ tre mới dựng lên, ông ra mở. Quân nhận ra người vừa đến là Xúng, cấp trên trực tiếp của anh. Đêm hôm qua, theo hẹn, khi xuống ga Hàng Cỏ, anh đã đến thẳng nơi ở của Xúng trong ngõ Chợ Khâm Thiên

đông đúc, chật chội, lầy lội. Hai anh em nói chuyện gần như suốt đêm rồi ngủ một mạch đến tám giờ sáng. Khi Cường từ tỉnh Bắc sang, ba anh em nói chuyện, ăn cơm rồi một mình Quân xuống dưới này theo chỉ dẫn của Xúng. Trước khi đi, Xúng nói nhỏ đủ cho một mình Quân nghe:

- Xuống dưới đó Quân sẽ được gặp trực tiếp thượng cấp để trao đổi một số vấn đề quan trọng, mình sẽ xuống sau, ở dưới đó an toàn hơn. Cường sẽ được gặp vào dịp khác.

Quân rất cảm động khi nghe thượng cấp nói những nhận định về mình. Nhưng khi Xúng đến, ông thôi không nói gì với anh nữa mà chuyển sang nói với Xúng vài câu chuyện không quan trọng rồi đứng lên trên chiếc giường tre, thò tay kéo từ bên trong lớp lá gồi lợp mái nhà một bọc nhật trình gập tư đặt xuống giường. Ông nhảy xuống đất, mở bọc giấy, bên trong có hai phong bì to đựng nhiều tờ giấy “phê đúp”, ông Chín ra đóng cửa, nói:

- Ta đã có hồ sơ tuyển vào lính Bảo Hoàng của Quân và Cường. Đồng chí Xúng cầm tập này giao cho Cường. Nói rồi ông đưa cho Xúng một phong bì, ông nói tiếp:

- Ngày mai, đồng chí bảo Cường tự đến địa chỉ ghi ở đây vào buổi sáng, còn Quân đến vào buổi chiều. Người của ta nhận hồ sơ, sẽ hướng dẫn mỗi người làm thủ tục lính quần áo, số lính, dặn cậu Cường đừng nói là cùng làng với Quân mà coi như mới biết nhau từ khi nhập ngũ thôi. Thời gian đầu ở chung cũng nên bình thường như những người khác. Hồ sơ của hai người đã thay tên đổi họ, kể cả quê quán cũng vậy. Cường mới học hết sơ học yếu

lược, sẽ ở đơn vị lính bộ binh, chiến đấu trực tiếp. Quân có trình độ văn hóa cao sẽ vào một đơn vị huấn luyện đặc biệt, khóa học kết thúc sẽ làm việc độc lập theo sự chỉ đạo của Cơ quan An ninh tối cao. Quân sẽ có một “Hộp thư” riêng liên hệ trực tiếp với tôi. Rất có thể Quân sẽ được cho đi dự một lớp đào tạo chuyên môn cao tại Pháp hoặc Mỹ tùy thuộc kết quả huấn luyện và tình hình đất nước.

Tháng đầu tiên, hai cậu học những khoa mục, thao tác cơ bản của một người lính như lặn, lê, bò, toài, tập “ăc-ê” (đi một - hai), sử dụng súng, học chung một chỗ, khám sức khỏe, học điều lệnh, các bài học chính trị, rèn luyện thể chất, nâng cao thể lực. Sau đó, Quân được tách riêng, học ở trong thành hoặc sân bay Gia Lâm, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập, không thư từ, thăm hỏi. Còn hai người khi học chung, gặp nhau chơi bởi cũng nên có mức độ, đừng tỏ ra thân thiết. Nói đến đây ông Chín dừng lại, quay hẳn về phía Quân, nói:

- Hôm nay, tôi hẹn gặp Quân ở đây để nhấn mạnh đến khóa đào tạo quân sự mà Quân sẽ tham gia. Đây là một khóa đào tạo sĩ quan đặc biệt, nó sẽ giúp Quân có đủ điều kiện hoạt động ngay trong hang ổ của chúng nhưng nó cũng có tác dụng phục vụ quân đội ta sau này. Tuy đây là cuộc gặp lần đầu, nhưng qua đồng chí Xúng, tôi biết Quân là một thanh niên đầy nhiệt huyết với dân tộc, đất nước, sinh ra trong một gia đình Nho học. Với sự giúp đỡ, hướng dẫn, bồi dưỡng của đồng chí Xúng, trình độ giác ngộ cách mạng của Quân đã ngày một nâng cao, đã có những đóng góp cho phong trào bằng những hành động dũng cảm, có tiếng vang ngay từ khi học ở Hà Nội; đã dám đấu

tranh với những áp bức, hủ tục đòi bại xưa cũ ở làng quê, đã lôi kéo được thanh niên hướng theo Việt Minh, được quần chúng tin yêu, nhưng ở lĩnh vực hoàn toàn mới này, Quân cần phải thật sự tỉnh táo, không được để lộ tung tích của mình, hết sức trung thành, tuân thủ những quy định của một người hoạt động độc lập, gác tình riêng vì sự nghiệp chung. Sau đó, ông đưa phong bì hồ sơ thứ hai cho Quân, nói:

- Sự nghiệp của Quân lại bắt đầu từ phong bì này: sống, hoạt động trong hoàn cảnh hoàn toàn mới, đơn thương, độc mã, hàng ngày, hàng giờ phải đấu trí với kẻ thù, không được một phút giao động, mất niềm tin. Quân nhận tập hồ sơ, nói:

- Tôi xin hứa sẽ hoàn thành mọi nhiệm vụ thượng cấp giao, dù thịt nát, xương tan cũng không sờn lòng. Xứng nghe thượng cấp dặn dò Quân, anh rất xúc động và coi những điều ông Chính bảo ban Quân cũng rất có ý nghĩa với mình.

Khi ông Chính nói xong, nhìn đồng hồ đã gần bảy giờ tối, lúc này nhân viên các công sở, mật thám, cảnh binh đã về nhà nghỉ ngơi, ăn uống, tương đối an toàn, ông Chính nói đùa:

- Bây giờ, chúng ta đi ăn “tiệc” chúc mừng Quân nhận sứ mệnh mới.

Ba người ra chợ Mơ. Một thằng bé gầy nhom nhưng lanh lợi thấy họ vừa từ trong ngõ ló ra, đã chạy sang co kéo, nói liền thoảng, mời bằng được họ ngồi vào hàng cơm của bà chủ nó. Bữa “tiệc” hôm đó có món rau muống xào, đậu rim, đĩa tôm rang, bát canh rau cải và mỗi người một chén rượu nhỏ.

Chuyến xe điện cuối cùng vừa xuống, ông Chính đưa tiễn hai người lên, ông nói

nhỏ với Xứng rằng Quân là một thanh niên nhiều triển vọng của tổ chức chúng ta, cậu ấy sẽ nhanh chóng trưởng thành trong thời gian tới, tiếc là chúng ta chưa bồi dưỡng được cho cậu ấy nhiều hơn, bởi vậy chúng ta phải cùng theo dõi sát để giúp đỡ cậu ấy. Tiếng chuông xe điện leng keng vang lên báo hiệu sự nguy hiểm của tai nạn có thể đến với bất cứ ai tự coi thường cuộc sống nơi đô thị. Ông nhìn theo toa tàu mang theo hai người thân yêu của mình mà ngẫm ngợi không biết bao giờ sẽ gặp lại, lòng chạnh buồn.

Ông lững thững đi về ngôi nhà tranh lụp xụp, hôi hám mà không thể ước định được mình sẽ còn ở với nó bao lâu nữa, sắp tới có thể ông sẽ chuyển địa điểm. Đi trong cái ngõ nhỏ hoang sơ này bỗng ông có cảm giác rờn rợn sau gáy, hình như có người theo dõi mình, ông đi chậm lại, định thần nhìn kỹ, nhận ra đó là thằng phụ việc cho bà hàng cơm, vừa lúc đó nó đuổi kịp ông và cất tiếng:

- Cháu ở gần nhà ông. Ông hay thức khuya lắm. Ông hơi chột dạ. Thằng bé này rất lanh lợi. Nó biết mình mà mình không biết nó. Đồi có nhiều bắt nạt, không thể chủ quan. Đêm ấy, ông trần trọc mãi mới chợp mắt được một lát thì trời đã sáng. Ông nghe thấy tiếng rao “Ai mua bánh Tây đề...”. Hình như tiếng rao đó là của thằng phụ việc của bà hàng cơm, nó đi bán bánh mì thêm để sống, tiếng rao ấy dành riêng cho ông hay sao...

* *
*

Sau đám cưới của chị, Nếp sang Hà Nội đi tìm Quân. Cô ngồi ô tô từ tỉnh Bắc sang, xuống xe ở Bến Nứa, cô đi vào hàng

Ngang, hàng Đào, đi dọc các phố quanh Bờ Hồ, nhìn ngang, nhìn ngửa chẳng thấy Quân đâu. Khi cô quay lại, qua cổng chợ Đồng Xuân, một bà lão ngồi bán giàu cau gọi:

- Này, bà hỏi khí không phải, có phải cháu từ quê ra đi tìm người nhà không? Nhà cháu có người bị lạc sang đây hay là bị bố mẹ ép duyên sang bên này đi làm người ở thì bảo bà. Bà thấy cháu quanh quẩn qua lại đây mấy lần rồi mà cứ ngơ ngơ, ngác ngác. Cần hỏi gì, cứ nói, bà giúp cho. Nếp thấy bà cụ hỏi lòng, hỏi dạ như thế, mừng lắm, vội ý tứ vén chiếc quần lĩnh đã cũ lên một chút, ngồi xuống gần bà cụ nói:

- Cháu đi tìm anh cháu, mẹ cháu ở nhà đang ốm, bảo cháu đi tìm anh ấy về. Từ sáng đến giờ, ở trên ô tô xuống, cháu bị say xe quá, nhưng vẫn cố đi hết các phố ở chợ Đồng Xuân này, đi cả ra Bờ Hồ, cháu đến cả chỗ nhà thờ nữa mà chẳng thấy anh ấy đâu. Cô phải nói dối là đi tìm anh trai như vậy để lân la nhờ tìm Quân. - Bà cụ ôn tồn hỏi:

- Thế anh cháu sang bên này sống ở đâu, làm gì, bà sẽ bảo cho biết đường mà tìm. Nếp nghĩ một lát rồi nói với bà cụ:

- Cháu chẳng biết anh ấy ở đâu, cụ ạ. Mẹ cháu bảo thì cháu phải đi thôi. Cháu chỉ nghe mẹ cháu nói anh ý đi lính vì ở quê cháu nghèo, đói quá. Cô cứ phải nói dối việc tìm quanh như vậy. Bà cụ lại hỏi:

- Lính gì có biết không? - Nếp vội trả lời ngay:

- Lính Bảo... Đại cụ ạ. - Bà cụ bật cười:

- Bảo Đại làm hại ăn mày. Làm gì có lính Bảo Đại. Chắc là lính Bảo Hoàng, Bảo An gì đó. Bảo Đại là tên Vua đấy. Nếp nhận ra mình nhớ nhầm, vội sửa:

- Đúng rồi, cụ ạ. Anh ấy là lính Bảo Hoàng. Nghe Nếp trả lời như thế, bà cụ bảo:

- Thế thì cứ đi thẳng phố này ra Bờ Hồ, đi xuôi xuống, hỏi người ta đến dốc Hàng Kèn. Ở đây lính hay đến tập tành, thổi kèn bu-gich hay lăm, đến đây mà xem rồi hỏi người ta xem anh mày ở đâu, may ra thì thấy. Đây, bà cho cháu một hào, cứ đi ra Bờ Hồ, đến đây, hỏi tiếp, may ra thì thấy.

Nếp e ngại rồi cũng cầm lấy tiền, chào bà cụ tốt bụng rồi đi luôn. Nếp đến được dốc Hàng Kèn, từ xa đã nghe thấy tiếng kèn tây vang lên rộn ràng, vui tai. Cô chen vào đám đông đứng xem. Những người lính mặc quần áo vàng, vai vác súng đang đi đi, lại lại rất đều ở một bãi đất rộng phía bên kia đường, tay vung cao theo nhịp bước. Những người thổi kèn Tây đi ở hàng đầu. Những chiếc kèn đồng màu vàng chóc, bóng loáng, miệng hình tròn, loe ra. Những đoàn lính đi theo sau, đi rất đều, người nào cũng ngẩng cao đầu nhìn thẳng về phía trước, oai vệ lắm. Đứng xem mãi Nếp vẫn không thấy Quân đâu, cô ngó xung quanh, thấy một ông trung niên, vội đến gần, hỏi thăm về “anh trai”, ông ta bảo:

- “*Tìm người như thế tìm kim, chim ăn biển Bắc, đi tìm biển Đông*”. Khó thấy lắm đấy cháu ạ. - Phải biết anh cô đóng ở trại nào, tìm đến đó mà hỏi. Đây là tụi lính mới, tập đội hình, học luật lệ binh lính. Tôi độ này yếu sức ra đây xem chơi thôi. Cô ở quê ra, phải cẩn thận, kéo “mẹ mìn” nó rừ rừ, bắt vào “nhà thổ” là chết đấy.

Cô nghe như thế rất hãi, thôi không hỏi nữa. Một số người xem chán rồi đang bỏ về. Một anh kéo xe tay chọt đến, thấy đám đông, vội dừng xe lại, chào mời khách. Nếp đến gần hỏi xem bao giờ hết

tập, anh ta bảo gần trưa, lúc đó họ nghỉ về trại ăn cơm, hai giờ chiều tập tiếp. Khi anh ta quay lưng trở lại nhắc còi xe lên để kéo, cô nhìn thấy sau gáy anh ta có một cái “bốt lông chó” đen xì. Cô ở lại xem thêm, cố tìm cho ra Quân trong số những người lính này. Khi họ đi về trại, cô đi theo và chạy thật nhanh lên tận trên cùng rồi đứng nguyên một chỗ nhìn xem Quân ở hàng nào, nhưng khi đoàn quân đi hết cũng không thấy. Cô lững thững đi sau đoàn quân đi xa dần, rơm rớm nước mắt.

Té ra doanh trại của họ cũng ở gần Bờ Hồ. Khi họ vào doanh trại hết, cô nhận ra nơi này ban sáng cô đã đi qua mà không biết. Cô tìm đường vào chợ Đồng Xuân ăn cơm. Bà cụ bán giàu vỏ thấy cô trở lại, đơn đả hỏi chuyện, cô bảo cụ rằng cô đã đến dốc Hàng Kèn, ở đấy có rất nhiều lính tập nhưng cô không tìm được anh trai. Bà cụ bảo cô phải về nhà, tìm được địa chỉ của anh rồi ghi lại, đem sang đây bà cụ sẽ bảo con trai làm nghề kéo xe tay tìm cho, nó chạy xe cả ngày, chỗ nào nó cũng biết. Cô nghe bà cụ bảo phải có địa chỉ mới tìm được thì cô thất vọng vì cô cũng chỉ loáng thoáng nghe được ở quê xì xào như vậy khi mật thám về bắt hụt Quân. Cô đang ngán ngẩm vì từ sáng đến giờ mất công toi chưa biết tính chuyện đi tìm Quân tiếp như thế nào, bụng lại đang đói, sôi ùng ục, định đi ăn cơm thì thấy một người đàn ông đi vào, anh ta đến đưa cho bà cụ bán giàu cau cặp lông com, anh là con trai bà cụ ấy. Nhà ở bãi Phúc Xá, chật chội, nghèo, chỉ có hai mẹ con, anh phải chịu khó nấu cơm ở nhà, mỗi ngày hai lần đem cơm cho mẹ. Cô nhận ra anh là người phu xe cô đã nói chuyện ở dốc hàng Kèn nhờ miếng vá chó

đen dày lông ở sau gáy. Bà cụ ngạc nhiên về chuyện cô nhận ra con mình, khen cô cũng có ý tứ nhìn người. Bà cụ nghĩ trong bụng: “Thằng cu nhà mình lấy được con bé này thì tốt phúc quá, nó trông quê mùa nhưng được cái “hiền”, dáng đi đứng đàng hoàng chừng chạc. Sau đó, bà cụ giục Nếp đi ăn cơm rồi ra nói chuyện. Cô ăn bữa cơm đầu ghé ở trong chợ rồi vội ra gặp lại bà cụ. Cô không thấy con bà cụ đâu, cô hỏi, bà cụ nói nó đang ngủ ở trong xe bên kia đường, nó phải tranh thủ ngủ để lấy sức kéo xe. Cô nói muốn nhờ anh ấy đưa đi đến các trại lính, hỏi thăm, chờ họ ra vào, may ra có thể nhìn thấy anh mình. Bà cụ nói, cô không đủ tiền trả cho nó đâu, mỗi “cuộc” xe của nó ít cũng dăm ba hào, xa thì dăm ba đồng, Hà Nội này rộng lắm, trại lính thì nhiều, ở xa nhau, có nơi Tây cắm lảng vảng đến, khó tìm lắm, có khi nó thấy cứ loanh quanh gần trại lính, nó bắt giam đấy. Còn anh trai cô có chắc chắn là ở Hà Nội không, có khi Tây nó đưa lên tận rừng xanh núi đỏ cũng nên. Nếp nghe như thế, chưa biết tính sao. Quãng năm giờ chiều Nếp chào bà cụ bán trâu cau, ra Bến Nứa, lên chuyến xe cuối cùng về tỉnh Bắc. Bà cụ nhìn theo, nghĩ bụng, con bé ấy có vẻ thật thà, hỏi nó cho con mình thì thật tốt, rồi bà cụ chép miệng tiếc rẻ, nghĩ tiếp: “Lúc này nó ra hỏi con mình, chắc cũng là có ý gì đấy, mà mình lại nói sang chuyện thuê xe đi tốn nhiều tiền, thật đoảng quá”.

Trên đường về tỉnh Bắc, cô gái chạnh buồn vì chuyện đi này cô định tìm Quân là để cho mình, nhưng phải nói dối là tìm anh trai, ấy thế mà cũng không thành. Chị Nền như thế là yên phận rồi, tốt đẹp hay không là do số phận thì cũng phải chịu và

chị ấy cũng đã có lần nói rằng, nếu chị ấy có mệnh hệ nào thì thay chị ấy đến với anh Quân. Bây giờ mình đi tìm anh ấy có lỗi gì đâu mà sợ.

Buổi tối hôm ấy, sau giờ ăn, binh lính được nghỉ đến bảy giờ mới phải tập hợp. Cường đi loanh quanh trong sân, đi mãi cũng chán, xin phép cảnh vệ ra ngoài không được, Cường ngồi ở ghế đá chơi, chợt thấy Quân đang đi ở phía xa, Cường vụt đứng dậy, gọi Quân. Hai anh em trở lại ghế đá dưới gốc cây ngồi nói chuyện, Cường hỏi:

- Trưa nay, khi trở về doanh trại, em nhìn thấy một người giống như là cái Nếp đứng ở trên vỉa hè. Em không dám gọi, với lại cũng không chắc là nó - Quân đáp luôn:

- Tao cũng thấy giống như mày nhưng cũng không dám gọi. Không hiểu Nếp sang bên này làm gì? - Quân định hỏi Cường, không biết tại sao Nếp biết mình đi lính mà lảng vảng đến bãi tập để tìm nhưng lại kìm được ngay.

- Hay là chị Nền nhớ anh, bảo Nếp đi tìm. - Quân nói:

- Không biết liệu có đúng thế không. Thôi, mai, tao với mày cứ thử để ý xem nhé. Gặp được thì rất vui. - Quân vẫn nấp nỏm về “chuyện kia” với Nền nhưng không dám hé ra với ai.

Ngày hôm sau, trong khi tập cũng như khi đi trên đường về doanh trại hai người cùng để ý tìm Nếp nhưng không thấy ai đứng ở vỉa hè ngóng trông. Những ngày sau cũng vậy. Cho đến ngày cuối cùng tập đội hình chuẩn bị cho ngày Quốc khánh của Pháp họ cũng chẳng thấy ai.

Sau một tháng học những thao tác cơ bản của một binh Nhì, Quân nhận ra rằng

cách huấn luyện của chỉ huy Pháp rất bài bản, họ uốn nắn cẩn thận từng động tác lẫn lê bò toài, chạy, nhảy, ai làm sai, họ bắt sửa đến cùng. Có một anh lính trẻ tập nằm bần khi đứng lên, chỉ chống tay, không nghiêng mình, viên chỉ huy bắt anh ta làm lại năm lần. Lính ta dự huấn luyện chỉ cốt cho xong việc là được, bỏ qua quy trình, ưa làm theo ý mình, chỉ huy Pháp rất ghét.

Sau khi chuyển sang huấn luyện đặc biệt ở sân bay Gia Lâm, Quân lại thấy chương trình quân sự của Pháp rất khoa học, lý thuyết quân sự từ thời Bô-na-pác được đúc kết, truyền thụ cho đến ngày nay. Học lý thuyết ở đây người lính không được ghi chép, mà phải nhập tâm, quên, không hiểu, được phép hỏi lại cho đến khi hiểu. Người nào nhận thức kém hoặc chây lười, không đạt yêu cầu khi kiểm tra vấn đáp thì phải dự những buổi phụ đạo vào những ngày, giờ nghỉ, người nào cố tình không đạt bị “cúp” lương, bắt đi dọn chuồng xí hoặc ngồi tù một tuần. Quân được khen là học tập tốt, gương mẫu toàn diện.

Một buổi tối, ngồi uống cà phê ở căng-tin trong doanh trại, Quân đang nghĩ miên man về thời cuộc thì một viên quan ba trực tiếp huấn luyện anh đi đến. Hấn hỏi anh một câu băng quơ:

- Anh có thích thành phố Sài Gòn không? - Quân nghĩ, tên này muốn thăm dò tư tưởng mình, nên thận trọng trả lời:

- Sài Gòn là một thành phố trẻ, Âu hóa nhanh hơn Hà Nội, thành phố giàu, đẹp, giữ một vị trí chiến lược về quân sự, kinh tế, nhưng hỗn tạp và đơn điệu. Hấn hơi ngạc nhiên về câu trả lời của anh và cho rằng anh là người biết nhận xét, có ý tưởng riêng. Khi hấn hỏi anh về tình thế hiện nay

ở Việt Nam và nước ngoài, anh nói:

- Việt Nam hiện đang có nhiều phức tạp do phe trục (Đức - Ý - Nhật) đã bắt đầu can thiệp, sự hiện diện của Nhật ở đây không phải ngẫu nhiên, nó là cái gai rất khó chịu cho người Pháp, hai con hổ khó ở chung một chuồng. Pháp không thể coi thường. Viên quan ba có vẻ không thích khi anh nghiêng về phía Nhật, nên hỏi thẳng:

Anh có vẻ thích Nhật hơn vì cùng da vàng phải không? Anh cũng chẳng ngại ngần gì nói:

- Không phải là thích hay không thích hoặc da vàng hay da trắng mà xin nói thật tôi chỉ thích nước tôi độc lập. Còn về nước Nhật thì tôi nghĩ rằng nó phải là một nước như thế nào mới dám đem quân đi đánh nước Tàu năm sáu trăm triệu dân hơn chục năm nay mà Tàu vẫn chưa đuổi được nó, bây giờ Nhật lại đang tràn cả sang Đông Nam Á thì không thể coi thường. Viên quan ba thầm khen Quân có nhãn quan chính trị tốt và dám nói thẳng ý của mình. Nó lại hỏi anh một câu gai góc rằng anh nghĩ như thế nào về Việt Minh, anh nói ngay:

Họ đang ở thế yếu, bị kẹt nhiều bề nhưng đường đi nước bước của họ đã rõ và dân chúng đang hướng về họ. Họ không thua Nhật về mặt ý chí, có khi còn mãnh liệt hơn vì họ đang khao khát độc lập, tự do cho chính họ trong khi Nhật thì hung hăng đi xâm chiếm nước khác.

Viên quan ba nghĩ Quân là một thanh niên có chính kiến, hiểu rộng, có đầu óc phân tích tốt, đáng được chú ý. Trong khi học lý thuyết, Quân đã bộc lộ khả năng nghiên cứu sâu sắc, khi thực hành biết giải quyết tình huống đúng, tự tin. Nhìn ngắm anh một lát, viên quan ba lại hỏi:

- Anh có suy nghĩ gì về Việt Minh nữa không? - Quân trả lời ngay:

- Việt Minh bây giờ đang là một lực lượng không thể bỏ qua trên chính trường và đang lớn mạnh, riêng về mặt quân sự họ còn mỏng, vũ khí thô sơ, nhưng ở vùng rừng núi chiến khu họ cũng đã nhen nhóm có lực lượng quân sự mà ta không thể xem thường và cũng khó có thể dẹp bỏ được. Còn quan hệ của họ với Trung cộng sâu hay nông tôi không có nhiều thông tin, không thể bình luận được. Như ông đã biết, họ như bóng ma, ẩn hiện khôn lường, họ đã học được cách đánh du kích của Mao Trạch Đông, không dễ gì thắng họ đâu, còn nói rằng ta thua cũng chưa ai dám nói vì bị phụ thuộc vào bàn cờ thế giới đang rất phức tạp này.

Viên quan ba thấy Quân nói hăng quá, hình như nó định dọa mình ư, nhưng những điều anh ta dám nói đều cần xem xét và tìm xem nguồn gốc anh ta lấy từ đâu, bởi vậy hấn hỏi thẳng Quân:

- Anh có thể cho tôi biết, làm sao anh nắm được những tình hình trên? - Hấn nghĩ câu hỏi này sẽ khiến Quân khó trả lời nhưng không ngờ Quân đáp lại một cách nhanh chóng như đang chờ dịp để nói ra:

- Tôi đọc các sách báo từ Paris gửi sang. Thư viện và các hiệu sách đầy những sách báo như vậy. Tôi đọc các tờ Le Phigaro, L'umanite, sách về Napoleon, về Chiến tranh nhân dân của các tác giả Pháp, cả về chiến tranh du kích ở Bồ Đào Nha.

Viên quan ba ngạc nhiên về câu trả lời của Quân và hấn tin những điều Quân nói. Tiếp theo, hấn hỏi anh có thích sang Pháp học tiếp, sau khi kết thúc ở đây không, anh trả lời rằng đấy là điều anh không nghĩ

đến, nhưng sẵn sàng đi khi có điều kiện. Cuối cùng, hắn nói rằng Ban Chỉ huy ở đây đang tìm kiếm một vài học viên cho đi đào tạo ở nước ngoài. Anh nằm trong số đó, nếu anh nhất trí đi thì cần làm một giấy cam đoan. Sau đó, hắn trao cho anh một tờ cam đoan đánh máy sẵn và bảo anh có quyền sửa. Anh đọc thấy có những điểm chính là: trung thành với nước Đại Pháp, tập trung cao độ cho khóa đào tạo sĩ quan đặc biệt này, giữ gìn bí mật về khóa đào tạo, tuân thủ sự phân công, mệnh lệnh của cấp trên, thời hạn phục vụ năm năm, giữ gìn bí mật quốc gia, đạo đức, tư cách quân nhân. Quân thấy không có điều nào chạm vào những điều cấm kị mà thượng cấp đã phổ biến. Tuy nhiên, anh cũng quyết định “yêu sách” một điều là phải xếp lương của anh cao hơn một bậc nữa. Hắn tin tưởng anh sẽ là một sĩ quan tinh báo có tài, nên nhất trí với đề nghị của anh. Hôm sau, hắn đưa cho anh bản cam đoan mới, anh đọc kỹ, thấy đầy đủ mọi khoản như đã thỏa thuận, anh ký ngay. Viên chỉ huy gật gù nhìn anh và khuyên anh hãy ráng sức học hành và thể hiện rõ lòng trung thành với nước Pháp, điều ấy sẽ có lợi cho việc tiến thủ của anh trong binh nghiệp. Đêm hôm ấy viên quan ba ghi vắn tắt cuộc đối thoại của hắn với Quân vào sổ ghi chép của hắn và đánh dấu đặc biệt nơi họ tên của Quân.

Sau khóa học ở đây, với kết quả học tập xuất sắc nhất về kỹ thuật, chiến thuật và lý thuyết, Quân được viên quan năm “Tư lệnh trưởng Thủ đô” ký quyết định cho vào học một khóa về “Đường lối, chiến lược quân sự” tại Trường Võ bị Sài Gòn trong khi chờ đợi để đi học “Trường quân sự cao cấp” tại Paris. Quân sẽ được đi chuyến tàu

thủy gàn nhất vì tình hình đang đòi hỏi đào tạo gấp một lớp sĩ quan có tài người bản địa.

* *
*

Sống ở ngôi nhà ba tầng rộng thênh thang của chánh xứ, Nền thấy mình đã đổi đời. Cơm không phải nấu, đến bữa ăn có “con sen” mời xuống phòng ăn:

- “Con xin mời cậu, mợ đi xơi cơm”.

- Bữa cơm nào cũng đủ các món spaghetti, mì ống thịt băm, jambon, salat Nga-la-tur, beaftead, súp cua bẻ, rượu vang, táo, nho ăn tráng miệng. Nền nhanh chóng quen với các món ăn của Pháp, nhưng cách dùng “cù đĩa”, “phóng set” chưa được thuần thục. Riêng món canh cua cô rất thèm nhưng không dám nói.

Sau khi cưới, Pôn ở nhà liên tục, thỉnh thoảng mới sang Hà Nội gặp bạn bè trao đổi tin tức thời sự hoặc sưu tầm tài liệu chuyên môn, đọc sách ở thư viện. Sau hôm tổ chức ăn uống ở làng Khúc xong, hai vợ chồng Pôn về dinh chánh xứ luôn. Về đến phòng của hai người, Nền ngạc nhiên thấy một xấp quần áo ở trên ghế bộ sa-lông, Pôn lấy ra từng bộ úm vào người Nền, ba bộ tân thời, quần trắng áo dài ba màu khác nhau do tiệm may Phú Hưng, Hà Nội may vừa như in, hai bộ váy đầm do hãng may nổi tiếng thế giới “Vuitton” thực hiện. Tước khi âu yếm nhau để ra hiên ngồi hóng mát Pôn đeo vào tay cô hai chiếc nhẫn kim cương và đeo vào cổ cô một chuỗi hạt hồng ngọc. Cô bắt đầu một cuộc sống vương giả mà trước đây cô không dám mơ ước và cũng không đủ sức tưởng tượng. Tuy nhiên, tự trong sâu thẳm cõi lòng cô vẫn không thể quên Quân. Bởi vậy, sau hơn một tháng cô nói với Pôn xin phép bố mẹ chồng về thăm bố mẹ mình ba ngày.



Đêm đầu tiên trở về quê, Nền ngủ với em gái. Nhìn quần áo, đồ trang sức và cả mùi nước hoa, son phấn từ người Nền tỏa ra, Nếp thốt lên:

Bây giờ chị sướng quá, chị đẹp hơn, khác trước nhiều rồi.

- Chị vẫn như ngày trước. Chị nhớ gia đình. Chị nhớ anh Quân lắm.

Nghe chị nói thế Nếp rất tin. Nhìn qua ánh đèn dầu Hoa Kỳ, Nếp thấy mắt chị hơi sưng, quầng đen, biết chị suy nghĩ nhiều, cô lên tiếng khuyên chị bình tâm đừng nghĩ nhiều đến anh Quân nữa. Nền không nghe và bảo rằng mai chị muốn sang Hà Nội tìm anh Quân, Nếp vội gạt đi ngay, nói “khó tìm lắm, biết anh ấy ở đâu mà tìm”. Nền lại hỏi hôm trước có phải Nếp đi tìm anh Quân không, Nếp chối phắt, cô nói hôm ấy sang Hà Nội là để tìm mối hàng đem về bán ở bên này như hôm ông giáo Hoàn khuyên hai chị em trước đây nhưng xem ra mặt hàng nào dân buôn dưới tỉnh họ cũng

làm hết cả rồi, mình ở quê, không trường vốn, không địch được với họ. Nền nghe em như thế cũng thấy có lý nhưng cô cũng đủ tinh táo để biết rằng em mình bịa ra như vậy thôi và trong bụng Nền vẫn nghi nghi: “Nó có quan hệ lén lút với Quân” và nghĩ: “Con nỡm này cũng ghê gớm lắm đây, không tin chuyện của nó được đâu”. Còn về phía Nếp, sau ngày Nền ở tỉnh thế buộc phải cưới Pôn thì Nếp yên tâm nghĩ rằng Quân là của mình và vẫn một lòng chờ đợi nhưng cũng không dám thổ lộ hết nỗi lòng với chị.

Sáng hôm đó, ăn đĩa xôi mẹ dậy sớm nấu, Nền thấy cứng quá, cô chỉ ăn hết non một nửa, tuy buổi sớm khi đánh thức cô dậy bà đã tự khen rằng xôi hôm nay rất dẻo và nhiều đỗ. Ăn xong, Nền một mình sang Hà Nội tìm Quân. Cô đến thẳng trại Bảo Hoàng gần phía Bờ Hồ, ngồi ở thềm rạp chiếu bóng Majestic nhìn sang trại lính, chờ thấy Quân sẽ gọi. Cô chờ hơn hai

tiếng, ăn hết hai que kem của mấy đứa trẻ bán kem lang thang vẫn không thấy bóng dáng Quân, cô nóng lòng đánh liều sang trạm gác hỏi thăm về Quân. Mấy chiếc ô tô đi qua đi lại, cô phải tránh và lên vỉa hè ở chỗ gốc cây cỏ thụ cách vọng gác một đoạn ngắn, một chiếc xích lô đỗ gần đó, người đạp xích lô đang ngồi trên đó đọc báo, ông ta vẫn thường đỗ ở đây chờ khách. Nhiều khi ông vớ được những khách xộp là những gái điếm vội đi đến chỗ khách gọi, là những bà vợ ông thông, ông phán bắt chớ gấp đến tìm chồng ở những ổ thuốc phiện hoặc nhà chứa, cũng có khi là những viên cai, đội đi về nhà có việc gấp, họ thích gọi ông chở vì chiếc xe còn mới, sạch sẽ và ông ăn mặc cũng tươm tăt.

Khi Nền đi qua chỗ ông đỗ chờ khách, ông chăm chú nhìn theo không nói gì. Cô mạnh dạn hỏi tên lính gác về người anh tên là Quân là lính Bảo Hoàng. Hấn thấy cô là gái quê có nhan sắc nên sẵn sàng đáp những điều cô hỏi. Cô nhờ tên lính gác tìm hộ anh trai hơn sáu tháng nay không thấy về thăm nhà. Nó hỏi tên tuổi, quê quán của anh trai cô và bảo rằng ở đây không có ai như thế, có thể cô nhầm, chắc là anh trai cô đóng ở Trại lính Đồn Thủy, cô muốn gặp phải chỉ cho nó một đồng sẽ có người đưa cô đến tận nơi. Cô đang ngần ngại ví tiền mang theo chỉ có năm đồng mà phải mất một đồng cho nó thì tiếc quá nhưng cô nghĩ lại mất một đồng mà tìm được Quân cũng tốt chán rồi và đưa ngay tiền. Hấn nhờ một tên lính vừa đi qua gọi hộ cấp trên của hắn. Một lát sau, một tên đeo lon đội dật xe đạp ra, tên lính gác nói nhỏ với viên đội vài câu đủ hai người nghe rồi bảo Nền ngồi lên xe đi gặp anh trai. Cô mừng thầm, mất

một đồng mà được đèo đi như thế này cũng đáng. Khoảng hai mươi lăm phút sau, hấn đưa Nền đến trại lính Đồn Thủy thật. Trại này ở giáp bờ đê Sông Hồng, đứng trên bờ đê nhìn thấy dòng sông nước đỏ ngầu chảy hồi hả xuôi dòng. Bãi đê sông cỏ lác mọc đầy, nước lấp xấp ngập đến cổ chân, một vài vũng nước loang loáng ánh mặt trời. Viên đội nói:

- Trại lính của anh cô đây. Vào gặp đi.
- Nền phát hoảng, nói:
- Ông phải đưa tôi vào chứ? Làm sao tôi một mình vào được. Thế là ông lừa tôi à?
- Tôi không lừa cô. Tôi chỉ được có một đồng là công đưa cô đến đây thôi. Bây giờ muốn vào trong đó, cô phải đưa tôi một đồng nữa, kèm theo số lính, số thẻ căn cước của anh cô tôi mới tìm ra được. Cô kêu âm lên:

- Làm sao tôi biết số lính, số thẻ căn cước của anh tôi. Các ông nói một đồng, làm một nẻo, một lúc đã đòi của tôi hai đồng bạc, tôi kiếm cả tháng không ra, tiền đâu mà nhiều thế? - Cô suy nghĩ một lát, thấy rằng tìm được Quân cũng còn tốt hơn là không, bèn cời thắt lưng bao lấy ra tờ giấy bạc một đồng Đông Dương đưa cho hắn. Hấn vội giật lấy nói to:

Đây là tiền giả. Đưa đồng nữa ra đây, tao phải vội về kéo trẻ giờ “Nền tức điên người, biết mình đã bị lừa, cô hét lên:

- Tôi sẽ đi báo cảnh binh.
- Tao cho mày đi mà báo. Cảnh giới ông cũng “mo - phú”. Mày đi tìm cảnh binh ở đây đến tối cũng chẳng ra, con ạ. Mày thuê xe đi thì còn mất thêm hai đồng nữa, mà làm gì có xe nào đến đây. Mày chọn đảng nào? - Nền nghe vậy khóc âm lên, hét:

- Có ai ở đây không. Cứu tôi với. - Viên đội cười to:

- Cứ kêu nữa đi. Cứ kêu nữa đi. Trời sẽ đến cứu mày ngay bây giờ đây. Hấn vừa nói xong, có một người đậm sức, mắt sáng, lông mày rậm lừ lừ đến, hấn ngờ ngợ, hấn đã gặp tên này ở đâu rồi mà không nhớ ra, hình như hấn đập xích lô hay ngồi ở gần gốc cây gần trại lính của mình. Nghĩ mãi không ra thì tên lông mày rậm lại nói:

- Tao đã theo dõi mày từ lúc ở cổng trại lính rồi. Máy thằng chúng mày chuyên lừa đảo dân quê đi tìm người nhà. Khôn hồn, trả lại tiền cho cô ta. - Nó vặc lại:

- Tao không lấy, tao không trả. - Người đập xích lô quát mắt, nhìn hấn nảy lửa, nói:

- Mày là thằng đội Hấn, chuyên ăn bản, bắt nạt dân quê ra ngoài này đi tìm người thân. Mai tao sẽ xử lý thằng Miêng, lính gác cổng thông đồng với mày hôm nay. Trả ngay tiền cho cô ta. - Thấy người đập xích lô vặc đúng tên, nó nghĩ tên này phải thuộc tụi “cóm” có cỡ mới biết tên chúng rành rọt như thế, vội rút đồng tiền của Nền đưa ngay ra trả. Nhưng người đập xích lô vẫn chưa tha:

- Còn một đồng nữa, trả ngay cho cô ta. Tao biết hết rồi. - Nó nói:

- Đồng kia tôi chưa cầm.

- Chưa cầm cũng phải trả. Mai thằng Miêng sẽ trả mày tiền mà hôm nay nó đã nhận của cô ta. - Viên đội tức ứa máu, thâm chửi thâm thằng này ghê gớm. Thấy Nền nhận thêm một đồng từ tên đội xong, tên đập xích lô rút ở túi ngực ra một chiếc thẻ cứng có một vạch chéo đỏ, dí vào mặt viên đội nói:

- Đây, thẻ căn cước của anh trai cô

gái nhà quê mà mày đòi hỏi đây. Nó chưa kịp xem hết, người đập xích lô đã vội đút vào túi áo ngực. Viên đội nhìn thoáng qua, tưởng đây là thẻ của “Sở mật thám” thật, hấn tức điên người nhưng không làm gì được. Nhưng nếu hấn biết đây là thẻ giả thì hấn còn tức điên hơn nữa.

Người đập xích lô bảo Nền ngồi lên chiếc xe còn tương đối mới để hấn đưa trở lại phía Bờ Hồ. Tên đội nhìn theo dọa: “Ông sẽ cho mày biết tay”. Trên đường về phía trại lính, khi nghe cô gái kể lại toàn bộ những điều vừa xảy ra trên bờ đê và hầu như cả một đoạn đời vài năm gần đây của cô, cuối cùng là chuyện bế tắc đành phải lấy chồng Tây và hôm nay đi tìm tình nhân thì người đập xích lô vô cùng sững sốt nhận ra cô gái chính là vợ chưa cưới của Quân. Ông đây ái ngại, thương cho Quân một khi anh biết Nền đã lấy Pôn, đã sinh cho hấn một đứa con, giọt máu của cô và Quân thì đã bị sảy hai tháng sau khi Nền cưới Pôn. Nền không để ý đến những biến đổi trên nét mặt của người đập xích lô này và cả những giọt nước mắt của ông thầm lặng rơi trong khi xe cứ chạy vì cô ngồi ở đằng trước không thể thấy được, còn người ngồi đập thì ở đằng sau, người đó chính là thượng cấp của vị hôn phu lỡ làng của cô. Chàng trai trẻ ấy giờ này đang ở cách xa Hà Nội hàng nghìn cây số mà ông vẫn chờ mong tin tức nhưng ông không thể nói gì với cô về anh ta và cũng không thể báo cho Quân biết những điều đau xót mà người tình thủy chung của anh vừa nói với ông./.

HOA NÀO CHO RIÊNG EM

VŨ VIỆT TÂM

Từ đầu này đến đầu kia thành phố là đường đến nơi làm việc của tôi mỗi ngày. Thành phố mỗi ngày mỗi phát triển, mở rộng hơn, thêm những con đường mới mở ra giăng mắc đan xen... Và đường đi đến cơ quan mỗi ngày của tôi có thêm sự lựa chọn. Tôi thường đi những con đường quen, như một lập trình, nhưng đôi khi cũng có sự thay đổi theo các yêu cầu rẽ ngang, tạt dọc vì một công chuyện nào đó, cũng có khi chỉ là ngẫu hứng, đến đoạn đó tự nhiên lại muốn rẽ, thế là rẽ. Cũng có lúc là do dòng người đông đúc hay một chướng ngại nào đó, thế là phải rẽ, lại rẽ vậy...

Đoạn đường hôm nay tôi đi là con đường cũ kỹ cổ xưa nhất của thành phố. Có một đoạn có ngã tư, hay ngã năm gì đó. Vì trước khi đến ngã tư thì có một lối rẽ, chỉ cách đó hơn chục mét, rẽ chéo xiên sang rồi lại nhập chung vào con đường kia, trước kia người dân hay gọi nôm na

là đường dây điều, vì đoạn đường này xiên chéo xuống khu dân cư ở ngoại vi thành phố... Cái đoạn xiên chéo ấy thừa ra một vuông đất nhỏ, không đủ để cho một công trình xây dựng, nên được thiết kế thành một bồn hoa nhỏ, nửa như tam giác, nửa như hình thoi... Bồn hoa nhỏ với một vạt cỏ xanh, xen lẫn hoa dừa cạn, mấy bụi hồng cỏ và những khóm cây lá xanh biêng biếc với những chùm hoa màu trắng tinh khôi, cây hoa tên là gì tôi chẳng rõ, chỉ thấy hài hòa và đẹp mắt...

Nhiều lần đi ngang đây, ánh nhìn cứ níu theo những bông hoa rung rinh trong làn gió. Tôi cũng muốn sà vào vườn hoa một chút, muốn đi giữa mấy luống hoa để nghiêng bên này, ngó bên kia, để được tận tay nâng từng bông hoa kéo sát về phía mình mà thỏa sức ngắm nhìn, mà cảm nhận màu nắng tươi tắn và mong manh của từng loài hoa... Tất nhiên muốn vậy thôi,

chứ tôi không làm thế và mọi người đều không làm thế, vì đây là trực giao thông huyết quản, lúc nào dòng người cũng đi như nước chảy, chẳng có chỗ nào đỗ xe để la cà như thế...

Buổi sớm hôm nay cũng vậy, khi dừng đợi đèn đỏ, tôi lại tranh thủ ngắm những bông dứa cạn tím hồng đung đưa trong gió sớm, những bông hồng cỏ nhỏ xíu, cánh mỏng manh như gió khẽ lay động... lòng chợt chùng xuống dịu dàng, nhìn hoa mà chợt nghĩ về lời ví von của ai đó rất xa, rất xa... “Phụ nữ cũng như hoa, muốn tươi đẹp cần được chăm sóc”. Tôi nhìn ra xung quanh, rất nhiều phụ nữ ở nhiều độ tuổi cũng đang dừng đỗ bên cạnh tôi. Phụ nữ và hoa, tôi tự hỏi lòng mình, nếu mỗi người phụ nữ đang đứng bên tôi đây ứng với một bông hoa, thì họ là những bông hoa nào trong vườn hoa này, và mình là bông hoa nào?

Phút giây ngắn ngủi đợi chờ này bất chợt thấy lòng mềm yếu, thấy tâm hồn dào dạt một thứ tình cảm lâng lâng như đang trôi giữa những ca từ đẹp đẽ, lai láng... Lòng thầm ước ao giá như mình cũng là một bông hoa lung linh đang khoe sắc kia, ước mình là một áng mây ngũ sắc thành thoi ngang trời, ước mình là một bản tình ca vang vọng da diết, hay làm một làn gió nhẹ uyển chuyển xào xạc theo đám lá vàng đuoai nhau trên phố...

“Phụ nữ cũng như hoa...”, thế mà nhiều lúc tôi quên mất điều đó bởi những nhọc nhằn của cuộc sống. Không biết đàn

ông họ nghĩ gì nhỉ? Có bao giờ để ý đến tâm tư của người bạn đời, quan tâm sẻ chia gánh nặng nuôi dưỡng con cái, chăm sóc gia đình với họ? Có bao giờ nghĩ họ là bông hoa của riêng mình mà nâng đỡ, chở che?

Miên man nhớ, miên man thương, miên man buồn tủi... Mong là vậy mà chắc gì là vậy. Bông hoa nào ư? Có bông hoa nào cho riêng mình ở nơi đây hay là héo hắt ẩn náu ngoài bờ cỏ, lặng lẽ tàn lụi trong mảnh vườn xưa hoang vắng hay hoang hoải nơi hoang mạc, rừng xanh? Là mình hay là ai?...



NGƯỜI LÍNH TÌNH NGUYỆN VIỆT NAM TRONG THỜI CAMPUCHIA SAU CÁCH MẠNG

1979

PHẠM KHÁNH DUY



Năm tháng trôi qua, lớp bụi thời gian đã dần phủ mờ những gì thuộc về quá khứ, song những vết thương do kẻ “khát máu” Pol Pot gây ra cho nhân dân Campuchia vẫn không thể nào chữa lành được. Trong mắt mát và đau thương tột cùng, dân tộc Campuchia - dưới sự hỗ trợ đặc lực và đầy thiện chí của quân đội nhân dân Việt Nam - đã vùng lên, đập tan chế độ diệt chủng Khmer Đỏ và xoá sạch giấc mộng về một xã hội “không tương” mà chúng ôm ấp. Chiến thắng lớn vào ngày 7/1/1979 của nhân dân Campuchia đã mở đầu cho một kỷ nguyên mới trên đất nước này: kỷ nguyên độc lập, tự do, bảo tồn và phát triển nền văn minh Angkor rực rỡ.

Nội dung chủ yếu của văn học Campuchia sau cách mạng năm 1979, đặc biệt là thơ ca, đi vào tái hiện cuộc hồi sinh kỳ diệu của đất nước này. Đã qua rồi giai đoạn máu đổ khắp nơi, từ những con đường, đền đài, trường học... trong Thủ đô Phnôm Pênh đến những vùng quê xa xôi,

héo lánh, rừng sâu...; dân tộc Campuchia đã đứng lên đầy kiêu hãnh, gạt nước mắt để tập trung xây dựng cuộc sống mới yên vui, hạnh phúc, vực dậy điệu múa của nàng Apsara, dựng lại những bức phù điêu hay tượng thần Bayon bốn mặt đã sứt mẻ trong chiến chinh khói lửa. Thơ ca Campuchia sau cách mạng 1979 ngợi ca hình ảnh của những người lính cách mạng Campuchia, ca ngợi Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, và xúc động hơn nữa là dựng lại bức tượng đài người lính tình nguyện Việt Nam trong thơ như một lời tri ân sâu sắc. Phải tự hào và khẳng định rằng, dân tộc Campuchia đánh đuổi được chế độ diệt chủng Khmer Đỏ, thoát khỏi cảnh lầm than khốn đốn trong vũng máu và nước mắt, xây dựng chính quyền, củng cố văn hoá... một phần nhờ vào công lao và tinh thần quốc tế của quân đội nhân dân Việt Nam. Đối với nhân dân Campuchia, người lính tình nguyện Việt Nam chính là “bộ đội nhà Phật”, là những người anh em láng giềng chí nghĩa chí tình mà suốt cuộc đời họ chẳng thể nào quên được.

Để một lần nữa bày tỏ tấm lòng, sự tri ân dành cho người lính tình nguyện, thơ ca Campuchia đã phác hoạ vẻ đẹp bi tráng của người lính Cụ Hồ rời quê hương hành quân sang đất bạn, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ dân tộc bạn như bảo vệ chính dân tộc và đất nước của mình. Thơ Campuchia sau cách mạng 1979 tự do trong xúc cảm, phóng khoáng trong hình thức nghệ thuật, mỗi bài thơ như một lời tâm sự, tâm tình của đồng bào Campuchia với người lính tình nguyện Việt Nam, khẳng định hình bóng của anh bộ đội Cụ Hồ sẽ không bao giờ phai nhòa trong tâm trí họ, đề cao nghĩa tình thủy chung sắt

son, khăng khít của hai đất nước: Việt Nam - Campuchia. Các cây bút thơ tiêu biểu của giai đoạn này, phần đông, là những người trẻ tuổi, vừa chứng kiến những nỗi đau, sự hồi sinh diệu kỳ của dân tộc Campuchia, vừa thấu hiểu tình cảm của nhân dân Việt Nam dành cho nước láng giềng Chùa Tháp. Có thể kể đến Cong Xa Vat, Xa Ra Phan, Ich Xa Ru, Nhiên Vi Chất, Xum Miên, Xô Ca Pun, Chuôn Mên... Sự xuất hiện của họ có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần định hình diện mạo của văn học Campuchia sau chiến tranh.

TƯỢNG ĐÀI NGƯỜI LÍNH TÌNH NGUYỆN ĐƯỢC ĐÁP BẰNG NGÔN TỪ

Ở Việt Nam, những tưởng ngày miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất (30/04/1975) là dấu chấm hết của những ngày chiến tranh khói lửa. Thế nhưng, sau đó không lâu, ở biên giới Tây Nam của Tổ quốc, Khmer Đỏ đã kéo quân xâm lấn lãnh thổ nước Việt, áp bức và giết chóc đồng bào ta, phá huỷ nhiều làng mạc, đền đài, chùa chiền... Một cuộc chiến tranh mới đã bùng nổ. Ban đầu, quân đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ chính là bảo vệ biên giới, nhưng sau khi đã đánh đuổi Pol Pot tháo chạy, đã tự nguyện hành quân sang đất bạn Campuchia theo lời kêu gọi của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước. Trong tư thế của người lính tình nguyện, gánh trên vai nhiệm vụ quốc tế vô cùng cao cả, quân đội nhân dân Việt Nam đã sống và chiến đấu hiên ngang với Khmer Đỏ, giúp cho dân tộc bạn xoá bỏ nạn diệt chủng và xây dựng chính quyền.

Những năm tháng đó, hình ảnh người lính tình nguyện Việt Nam đã in sâu vào tâm khảm của đồng bào Campuchia.

Nghĩa cử cao đẹp của các anh, sự chân thành, tấm lòng bao dung và đức hy sinh cao quý đã khắc đậm trong trái tim của bao người dân nước bạn. Người lính tình nguyện và đồng bào Campuchia đã gắn bó với nhau như những người thân trong gia đình, nghĩa tình được thêu dệt từ mùa chiến chinh khói lửa. Thơ là một trong những phương thức để các cây bút Campuchia thể hiện tình cảm, bày tỏ lòng biết ơn đối với người lính tình nguyện, đặc biệt là những người đã ngã xuống “mảnh đất nóng” Campuchia, mãi mãi không thể nhìn thấy mặt trời mọc nơi cố quốc. Bài thơ *Bên những nén nhang này chúng em sẽ trồng hoa* (Phùng Huy Thịnh dịch) của Xa Ra Phan nhằm tưởng nhớ các liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã đổ máu ở Xiêm Riệp và Campuchia trong giai đoạn ngọt ngào, khốc liệt của cuộc chiến: “*Em thấp nén nhang này/ Để nhớ lại những ngày năm ấy/ Cuộc sống Phum em hồi lại/ Khi đoàn quân tình nguyện các anh sang/ Lũ diệt chúng tan, Sóc, Phum hồng nắng/ Bát cơm anh chia lúc đói quý hơn vàng*”. Nhà thơ này đã khơi nhắc những kỷ niệm đẹp đẽ về người lính tình nguyện ngày còn sống đã nhường cơm sẻ áo cho đồng bào Khmer khốn khổ, “áo các anh nhường cho người già/ Còn bài ca dạy cho đàn em nhỏ/ Cuộn chỉ các anh cho phụ nữ/ Mỗi đường kim sáng lại nhà tranh”, chỉ “*khẩu súng trong tay anh giữ lại cho mình*”, đêm ngày canh giữ bình yên cho từng phum sóc. Rồi quê nhà sang chiến đấu ở đất bạn, rất nhiều chiến sĩ tình nguyện ta đã dành trọn tuổi trẻ của mình cho sự nghiệp giải phóng nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng Khmer Đỏ. Trong những vần thơ

đẹp của Xarác Mông, quân đội nhân dân Việt Nam đã đem lại cho họ sự hoà bình, tự do, để nụ cười lại nở trên từng khuôn mặt ủ dột, héo úa: “*Máu Anh đổ cho đất này sống lại/ Đêm tối qua rồi, hạnh phúc bừng lên/ Lại nhớ ngày xưa dưới gông cùm diệt chủng/ Môi thèm khát nụ cười, người thèm khát có tên/ Nếu chẳng có Anh sẽ ra sao nhỉ?/ Tim chúng tôi sẽ thoi thóp đến bao giờ/ Bao diệt chúng kín trời nô lệ/ Dân Khmer bao giờ có tự do?*” (Bên tượng đài các anh, tôi hát, Xarác Mông, Phùng Huy Thịnh dịch).

Việt Nam là đất nước đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh; dân tộc Việt Nam đã từng sống nhiều năm ròng trong cảnh nô lệ, mất tự do, và mới vừa bước ra khỏi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ ngàn ngạt khói lửa. Vì lẽ đó, hơn ai hết, mỗi công dân Việt Nam hiểu được giá trị to lớn của hai tiếng “tự do” và thấu hiểu được tình cảnh mà dân tộc Campuchia đang hứng chịu dưới trướng của Pol Pot tàn độc, man rợ. Theo lời kêu gọi, nhiều người Việt Nam đã tạm gác lại những hoàn cảnh riêng tư, chấp nhận rời xa Tổ quốc vẫn đang trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội chưa thực sự ổn định, hoà vào dòng người sang chiến trường K tranh đấu hết mình vì một dân tộc khác. Cảm nhận được tấm lòng cao cả, tinh thần quốc tế vô sản chân chính của đồng bào Việt Nam, nhà thơ Xum Miên đã viết: “*Việt Nam, bạn còn chưa hết khó khăn/ Vẫn một dạ vì Campuchia mà chiến đấu/ Nên phải chẳng nước sông Hồng pha màu máu/ Cho Mê Kông xanh mát một dòng trong*” (Như Mê Kông - Hồng Hà, Xum Miên, Phùng Huy Thịnh dịch).

Khiêu Canh Nha Rit cũng tạc dựng hình tượng người lính tình nguyện trong bài thơ *Cảm ơn bạn chiến đấu* (Phùng Huy Thịnh dịch) với tâm lòng rộng mở, sự dũng cảm, kiên cường và tinh thần trọng nghĩa đáng trân trọng: “*Vượt ngàn dặm, xa gia đình đi chiến đấu/ Tình quê tôi ủ ấm trái tim anh/ Anh - khi phách Trường Sơn chẳng quản gì xương máu/ Cha mẹ, em tôi, được sống yên lành*”. Những nghĩa cử cao đẹp đó đã góp phần khắc đậm hình tượng “anh bộ đội nhà Phật” trong lòng người dân nước bạn.

Và, trong cuộc chiến đấu khốc liệt ấy, không ít người con đất Việt đã vĩnh viễn nằm lại chiến trường K. Sự hy sinh của các anh đã để lại nỗi đau, sự mất mát không nhỏ cho chính gia đình các anh, cho dân tộc Việt Nam và nhân dân xứ sở Chùa Tháp. Người lính tự nguyện gánh trên vai sứ mệnh quốc tế cao cả và cũng bình thản chấp nhận một cuộc giã từ vì vốn dĩ đã thấu hiểu sự tàn khốc, phũ phàng của chiến tranh. Thế nhưng, đau cho sự hy sinh ấy là bi tráng cũng không thể không gọi lên cảm xúc đau lòng, bởi lẽ nhiều chiến sĩ tình nguyện không ngã xuống trên mảnh đất Việt yêu thương của mình mà phải nằm cách xa quê hương cố quốc hàng vạn dặm: “*Bây giờ các anh nằm đây/ Nghĩa trang một quê xa, đất nóng*” (Bên những nén nhang này chúng em sẽ trồng hoa, Xa Ra Phan, Phùng Huy Thịnh dịch). Dòng máu hùng anh của dân tộc Việt Nam được nung nấu từ bao đời, nay đã đổ xuống mảnh đất Campuchia để đổi lại một cuộc hồi sinh diệu kỳ, nhưng chưa hề khiến người lính tình nguyện tiếc nuối, chỉ có nhân dân Campuchia không ngừng xót tiếc. Tiếng

khóc bi tráng của dân tộc này đã được Xarắc Mông ghi lại bằng ngôn từ như một nén tâm nhang kính dâng hương hồn các liệt sĩ Việt Nam: “*Mái Anh chảy thấm vào lòng đất cát/ Đất Khmer ngó lúa thấm bãi bờ/ Đàn em vẫn ngày ngày vui ca hát/ Và tôi bình yên nhịp sống tự do*” (Bên tượng đài các anh, tôi hát, Xarắc Mông, Phùng Huy Thịnh dịch). Có thể nói rằng, hình ảnh người lính tình nguyện Việt Nam đã bắt từ hoá trong thơ ca và trong lòng người dân nước bạn.

TÂM LÒNG NGƯỜI DÂN XỨ SỞ “HOA RUMDUL”

Với nhân dân Campuchia, “bộ đội nhà Phật” là những người mà họ mang ơn suốt đời. Để có được cuộc sống thanh bình, để “*Nàng Apsara vừa mới hôm qua chỉ là tượng đá vô hình trên vách đền Angkor Wat, nay đã vụt bước ra mang mùa xuân đến với dân tộc*” (Văn học sau cách mạng 1979, Vũ Tuyết Loan), phải kể đến công lao của những chiến sĩ tình nguyện không tiếc máu xương vì dân tộc bạn. Tình cảm đã được nhân dân Campuchia mãi mãi khắc ghi. Trong thơ ca, khi viết về hình tượng người lính tình nguyện Việt Nam, các nhà thơ Campuchia đã bày tỏ tâm lòng biết ơn sâu sắc. Đó cũng chính là tiếng thơ đại diện cho tâm lòng của triệu triệu người dân đất nước này dành cho các chiến sĩ bộ đội Việt Nam: “*Chúng em thấp nhen nhang/ Hôm nay viếng hương hồn người chiến sĩ/ Dầu chẳng được sinh ra từ một mẹ/ Cũng như chung thương tiếc một gia đình/ Rồi sẽ lúc các anh về bên ấy/ Mỗi nghĩa trang này mỗi công đức với dân em*” (Bên những nén nhang này chúng em sẽ trồng hoa, Xa Ra

Phan, Phùng Huy Thịnh dịch). Không chỉ bộc lộ lòng biết ơn đối với người lính tình nguyện, các nhà thơ Campuchia còn cất tiếng ca ca ngợi Bác Hồ, ca ngợi Đảng Cộng Sản Việt Nam. Với nhân dân Campuchia, Chủ tịch Hồ Chí Minh như vị lãnh tụ thứ hai của dân tộc họ: *“Bác là lãnh tụ chung của Cách mạng Đông Dương/ Người dẫn đường đến kỷ nguyên tự do độc lập/ Tình cảm yêu thương của Bác/ Với người Việt, người Lào, người Khmer và bốn biển năm châu”* (Bác Hồ của chúng con, Nhiên Vi Chất, Phùng Huy Thịnh dịch). Bác Hồ và chiến sĩ tình nguyện trở thành những hình ảnh đẹp, sáng chói và là đối tượng của lòng biết ơn của nhân dân Campuchia trong thơ Khiêu Canh Nha Rít: *“Người chiến sĩ Việt Nam là thế/ Tình anh, ơn nghĩa chẳng hề phai/ Ôn Bác Hồ ghi sau từng thế hệ/ Noi gương anh, tôi xin bước kẻ vai”* (Cảm ơn bạn chiến đấu, Khiêu Canh Nha Rít, Phùng Huy Thịnh dịch).

Cuối cùng, các nhà thơ Campuchia không quên khẳng định tình cảm sắt son, khăng khít, tâm lòng thủy chung gắn bó trọn đời của dân tộc Campuchia với dân tộc Việt Nam. Hai đất nước kề cạnh nhau một phần đường biên giới, có dòng sông Mẹ Mê Kông chảy ngang qua vừa bồi tụ văn hoá, vừa đóng vai trò sợi dây nối liền hai đất nước láng giềng. Với người Campuchia, dân tộc Việt Nam chính là anh em, bởi nhân dân Việt Nam đã ủng hộ và giúp đỡ đất nước đèn đài hồi sinh sau những ngày chìm trong biển máu. Cuộc chiến tranh chống Khmer Đỏ đã kết thúc, chính quyền Campuchia dần trở nên vững mạnh và cuộc sống thanh bình đã trở về với từng sóc, từng phum. Song, cả hai

dân tộc vẫn luôn tự nhắc về tình đoàn kết giữa hai đất nước “cùng uống nước dòng sông Mê Kông”. Hình tượng song trùng Mê Kông và Hồng Hà trong thơ của Xum Miên đã phần nào khẳng định mối quan hệ không thể tách rời của hai dân tộc: *“Cùng sống trên bán đảo Đông Dương/ Chúng ta: đất liền đất, biển liền bờ một dải/ Tiếng hát bên này, bên kia nghe thấy/ Súng giặc nổ bên này, lòng bên ấy quặn đau”* (Như Mê Kông - Hồng Hà, Xum Miên, Phùng Huy Thịnh dịch). Lời thơ của Cong Xa Vat chính là một lời vang xa về sự đoàn kết, thủy chung trọn đời: *“Dù cho sóng gió bão bùng/ Chúng ta xin nguyện thủy chung đời đời/ Dù cho vật đổi sao rời/ Mối tình son sắt trọn đời không phai”* (Mừng đất nước Angkor hồi sinh, Cong Xa Vat, Lê Quang Bích dịch).

Hình tượng người lính tình nguyện vất vả, gian khổ, đau thương nhưng vô cùng hào hùng, dũng cảm, bền chí và những tình cảm cao quý của nhân dân Campuchia dành cho các chiến sĩ bộ đội Cụ Hồ đã trở thành nội dung xúc động trong thơ của các tác giả Campuchia sau cách mạng 1979. Bên cạnh việc dựng lại bức tượng đài bi tráng của người lính tình nguyện Việt Nam trong âm vang của thời đại chống chế độ diệt chủng Khmer Đỏ, các tác giả còn đi vào khẳng định tâm lòng thủy chung, sắt son không đổi của hai dân tộc: Việt Nam - Campuchia. Những vần thơ đó đã phần nào xoa dịu nỗi đau mất mát cho đồng bào Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì nước bạn, để nhân dân Việt Nam chúng ta nhận ra rằng: người Campuchia không bao giờ quên đi công ơn của các chiến sĩ nước mình, năm tháng ấy, đã xả thân vì dân tộc/.

TRẦN MẬU

Hoa cải bên sông

Quê vào mùa hoa cải
Nở vàng cả ven sông
Em quai thao nón thúng
Chao nghiêng má ửng hồng.

Mỗi ngày đi qua bãi
Vai thon nâng gánh rau
Cải ngồng đua vẫy gọi
Ngực căng trong áo màu.

Đúng vào mùa hoa cải
Rập rờn theo gió đông
Em đương thì con gái
Đợi ai chẳng lấy chồng?

Mùa sau cải vàng nở
Lại thấy những ngồng non
Em cười như tỏa nắng
Gái một con xinh giòn.

Dẫu xa quê vẫn nhớ
Gửi hồn về bến sông
Mênh mông hoa vàng thắm
Vi vu theo gió đông./.

ÁI NHÂN

Oi cúc họa mi

Dịu dàng ơi cúc họa mi
Nết na duyên dáng đương thì thanh tân
Em cầm ngọn bắc phù vân
Hồn mơ mộng đến xanh ngần ngắt xanh
Lụa là cánh trắng mong manh
Tinh khôi trong trẻo long lanh gọi mời
Hoa xinh chúm chím miệng cười
Nghiêng yêu chút cạn tháng Mười vào đông
Dịu hiền chẳng ngại gió giông
An nhiên hoa nở trong vòng tay thơ./.



TRẦN LƯU ĐÓA

Về với tuổi thơ

Chiều quê bóng mẹ lưng còng
 Bóng cha còn đó lúa đồng đỏ đuôi
 Bát canh rau muống tháng Mười
 Thơm mùi cá nướng, cá tươi kho riềng.

Bông lau gió bắc chao nghiêng
 Bên đò sang chợ lệch phiên vắng người
 Lũ chim chèo bẻo lăm lờ
 Gọi nhau tắm nắng dưới trời trong veo.

Cá bơi núp dưới chân bèo
 Con vàng thấy khách chạy theo tò mò
 Xa xa đồng thẳng cánh cò
 Nắng phơi lưng mẹ cháy khô ngày nào.

Về quê giữa buổi hanh hao
 Tìm cây khế ngọt Chào mào cãi nhau.
 Con ong châm vẹo quả bầu
 Tìm con sáo sậu cười trâu nhảy cò.

Tìm cô bạn kéo đuôi mo
 Cống chông lội nước rơi mò thay ca.
 Vỡng đay kéo kẹt hiên nhà
 Tuổi thơ bánh đúc, bánh đa một thời.

Tuổi thơ ngày ấy đầu đời.
 Chiều nay trở lại, đâu rồi? Trắng tay...
 Đứng nhìn, khóe mắt chợt cay...
 Vọng trong tiếng gió... với đây tuổi thơ!

TRUNG DU

Đông về

Heo may ve vuốt lá vàng
 Nắng hanh cong cón bởi đang độc quyền
 Đông về lạnh lẽo mái hiên
 Sương đêm óng ánh hoa bên vườn nhà.

Chim cu gọi bạn sa đà
 Máy sào lúa sớm bay ra kiếm mồi
 Nếp thơm trĩu hạt gọi mời
 Đậm đà hương cốm xa xôi nhớ về.

Đàn trâu gặm cỏ ven đê
 Thình không tiếng sáo gọi về véo von
 Mẹ gà cục tác gọi con
 Hàng tre ẩm búi măng non cuối kỳ.

Xếp hàng cà kều bay đi
 Phương Nam tránh rét mỗi khi trở trời
 Thu tàn đông đã tới nơi
 Thương về đất mẹ không vui nổi lòng.

Dẫu qua trăm núi ngàn dòng
 Trong tâm vẫn nhớ, vẫn mong quê nhà./.



Kiếp người

TRONG CƠN LỐC “CUỒNG PHONG”

(Nhân kỷ niệm 80 năm ngày sinh nhà văn Nguyễn Phan Hách)

HOÀNG GIÁ

Cách đây 15 năm - mùa thu năm 2008, khá nhiều các tờ báo, các tạp chí đồng loạt đưa tin, bình luận về tiểu thuyết **Cuồng phong** của nhà văn Nguyễn Phan Hách. Người ta cho rằng tiểu thuyết này giống như một biên niên sử trong suốt chặng đường hơn 100 năm của dân tộc Việt Nam. Dẫu vậy, **Cuồng Phong** cũng chỉ có độ dài khiêm tốn 760 trang khổ 13x19, được NXB Hội Nhà văn trang trọng in và xuất bản bằng giấy tốt, bìa cứng.

Nguyễn Phan Hách viết **Cuồng Phong** dưới dạng nhật ký - nhật ký của bộ phim nhựa dài tập mang tên “**Ký sự gia tộc**” giống như cuốn gia phả bằng hình, nhà văn dùng con chữ thuyết minh và không ngần ngại xen những nhận xét, những quan điểm, những triết lý... về thời cuộc, về vận mệnh, về sự kiện và về những con người...

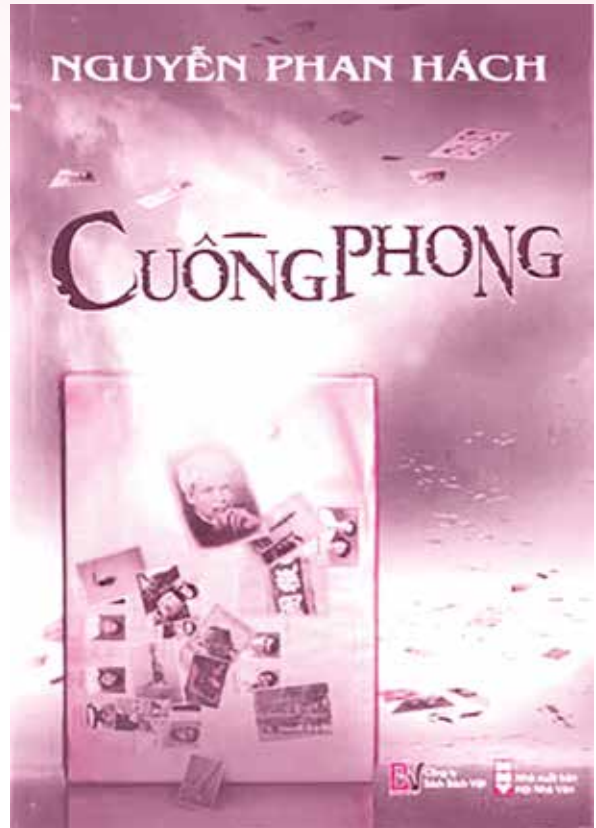
Đã là “**Ký sự gia tộc**” thì đương nhiên phải kể về gốc tích, quá trình xây dựng, trưởng thành của gia tộc ấy... cho

đến bây giờ - nghĩa là cho đến lúc tác giả viết những dòng cuối cùng của cuốn sách.

Nguyễn Phan Hách đã chọn một gia tộc tiêu biểu nhất, hình thành và phát triển từ một vùng quê đầy biến động. Đây là vùng quê Kinh Bắc - vùng quê án ngữ phía Bắc kinh thành, nửa sơn cước, nửa đồng bằng trù phú, có cuộc khởi nghĩa Yên Thế của cụ Đề Thám, có phủ Thuận An giàu có, hiếu học, trai tài, gái đảm... Và gia tộc ấy gắn với lịch sử đất nước như hình với bóng.

Đó là gia tộc Nguyễn Đức... Thực ra là một gia tộc không có họ, bởi cụ Cả Cồ (có thể coi là cụ tổ của dòng họ) là một đứa con hoang. Con trai cụ - cậu bé Nguyễn được ông ngoại cho mang dòng họ Nguyễn Đức. Cụ Cả Cồ cầm đầu cuộc khởi nghĩa Nhã Sơn chống Pháp. Đức Nguyễn đỗ ông nghè, được bổ làm Tri phủ Thuận An, theo đường lối cách tân, quyết đòi độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Đức Nguyễn có ba người con, hai trai, một

gái: Đức Vĩnh, Đức Hàm, mỗi người một chí hướng, còn cô con gái xinh đẹp Lan Viên chỉ là người dân lương thiện mà phải gánh đủ những khổ đau, bất hạnh, quần quai trong bão táp cuộc đời. Những con “Cuồng phong” đã quăng quật họ, khi nổi, khi chìm qua từng biến động. Đây là cuộc cách mạng chưa từng có tiền lệ, trái với nhận định của cụ Mác, cụ Lê-Nin: Cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thành công khi cuộc cách mạng ở chính quốc thành công. Cách mạng tháng 8/1945 đã tạo nên trận cuồng phong vĩ đại làm bàng hoàng phe đế quốc, rung động đến từng trái tim những người nô lệ, những người dân nước mất nhà tan. Rồi cuộc kháng chiến trường kỳ với chiến thắng Điện Biên lừng lẫy địa cầu. Nhưng, có lẽ phải đến cải cách ruộng đất, trận cuồng phong thế kỷ, tạo nên những nghịch lý “đầu xuống đất, chân lên trời”, giải thoát người nghèo, vừa vĩ đại, vừa thê lương, không ai có thể lý giải “vì sao” mới khiến người ta bùng tình. Bùng tình về thời cuộc, bùng tình về bản ngã và năng lực vô tận của con người. Cuồng phong cải cách ruộng đất qua đi, cuộc chiến chống Mỹ ập tới. Đức Vĩnh, Đức Hàm hai anh em hai trận tuyên đối địch nhau. Bị kịch gia đình, bị kịch xã hội... khiến chiến thắng 30/4/1975 có phần chưa trọn vẹn... Đất nước hòa bình, thống nhất, tưởng chỉ còn niềm vui, chỉ còn mồ hôi để dựng xây đất nước. Ai ngờ cuộc chiến chống đói nghèo, lạc hậu - sự thật là cuộc mưu sinh, giành giật đồng tiền chẳng kém gì - nếu không muốn nói là còn quyết liệt, tinh vi, thậm chí còn khủng khiếp hơn cả những tháng năm chiến tranh giải phóng...



Cuộc chiến ấy kéo mãi, kéo mãi cho đến khi nhà văn viết những dòng bi kịch cuối cùng, cho đến khi chúng ta ngồi đây tưởng niệm 80 năm ngày sinh của ông. Và theo tôi nó là... vô định.

Cuồng phong nghĩa là cơn gió điên cuồng. Đã là “cơn gió điên cuồng” thì nó chẳng chừa ai, nó có mặt ở khắp nơi trên trái đất. Mọi thứ ngăn trở nó, càng kiên cố bao nhiêu, càng bị nó quăng quật thảm khốc bấy nhiêu. Tòa tháp đôi lừng lừng, hiên ngang - biểu tượng giàu có, oai phong của nước Mỹ cũng bị nó - cuồng phong làm cho đổ sập. Liên bang Xô viết - thành trì vững chắc của cách mạng thế giới và cả phe Xã hội chủ nghĩa Đông Âu hùng mạnh cũng bị nó - cuồng phong xóa sổ...

Kiếp người hay số phận những nhân vật thật kỳ lạ, bi ai, thâm trầm, không nơi bầu vịu. Con người như con quay mặc cho số phận đẩy xô, định đoạt. Và cả tôi - một độc giả trung thành, giàu xúc cảm cũng bị **“Cuồng Phong”** làm cho điên đảo. Tôi hoan hỷ cùng Vũ Hùng, cùng đám người lên cướp phủ Thuận An, cũng sa nước mắt khi mẹ con Lan Viên bị truy bức, khi **“Hùm xám”** Vũ Hùng nước mắt đầm đìa, cúi gầm hổ thẹn viết lá đơn ly dị người vợ yêu quý của mình... Rồi lại mơ màng nhớ về những kỷ niệm chiến trường xưa, nhớ buổi sáng 30/4 đuổi theo Quân đoàn I mà không kịp, mà lỡ hẹn gặp bạn ở Sài Gòn...

Có lẽ không đất nước nào như đất nước ta. Mưa thì mưa xối xả, nắng thì nắng chang chang, rét thì như kim châm vào da thịt. Chiến tranh thì liên miên từ hồi dựng nước, đến bây giờ vẫn nồm nớp, súng gôi đầu giường... Các nhà văn tâm huyết, ai cũng muốn, cũng ước mơ có được tác phẩm như **“Chiến tranh và Hòa bình”**, như **“Cuốn theo chiều gió”**, hoặc cổ hơn như **“Tam quốc chí”**... để tri ân tiên tổ, tri ân những người mẹ, tri ân những cánh rừng, những gộp đá kín bung, những địa đạo hun hút tối, những dòng sông huyền thoại... và để cho con cháu muôn đời biết đến cha ông. Và **“Cuồng Phong”** đã mở đầu cho mơ ước ấy.

Rất tiếc, nhà văn Nguyễn Phan Hách đã **“bằng lòng”** với ba chữ **“Cổ lai hy”**, đã bỏ chúng ta đi trước. Nếu còn, ông sẽ cho chúng ta, cho nền văn học, cho đất nước những điều ta muốn, những điều ta mơ... bằng nhiều những **“Cuồng Phong”** nữa cho đến khi gió tạnh, sóng yên.

Nhưng thôi... **“Cuồng Phong”** đã là người lính xung kích, đi tiên phong suốt chặng đường trăm năm có lẽ, vẫy vùng khắp Á, Âu, Mỹ... ngược nhìn những đỉnh cao sự kiện, tôn vinh từng ý nghĩ nhân văn, từng chi tiết con con đắt giá...

“Cuồng Phong” sẽ sống mãi với đất nước, quê hương, với chúng ta và với con người Việt Nam thông minh, lương thiện, anh hùng...



AI LÀ TÁC GIẢ BÀI THƠ

"Đêm Trường Sơn nhớ Bác"

BẠCH LIÊN

Cụ chiến binh Nguyễn Trung Thu, nguyên là giảng viên Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tháng 6 năm 1971 thầy và trò trường Đại học Tổng hợp lên đường nhập ngũ xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước trong đó có thầy giáo trẻ Nguyễn Trung Thu khi đó ông mới 31 tuổi, để lại hậu phương người vợ trẻ và đứa con gái mới hơn 2 tuổi. Trong những năm chiến đấu ở Quảng Trị - một chiến trường ác liệt, nhà giáo - người chiến sĩ Nguyễn Trung Thu đã dậy lên cảm hứng viết bài thơ "Đêm Trường Sơn nhớ Bác" với tình cảm da diết, dạt dào:

*Đêm Trường Sơn
Chúng cháu nhìn trăng, nhìn cây.
Cảnh về khuya như vẽ
Bâng khuâng chúng cháu nghĩ.
Bác như đã đến nơi này...*

*Đêm Trường Sơn
Vẫn thấy mùa trăng ngàn xưa
Toả ngàn hương thương nhớ
Bâng khuâng chúng cháu nghĩ
Bác như đã đến nơi này ...*

*Ôi! Đêm Trường Sơn
Chúng cháu nghe tiếng suối
trong như tiếng hát xa
Mà ngỡ như từ Pắc Bó
Suối về đây ngân nga...
Âm vang Trường Sơn
Âm vang Trường Sơn.*

*Đường Trường Sơn mang bóng hình
của Bác*

*Đường Trường Sơn chúng cháu dồn
chân bước*

Con đường của Bác đã đi qua

(Tháng 6/1972)

Âm điệu bài thơ thật dạt dào cảm xúc với cung bậc giàu chất thơ và âm nhạc.

Bài thơ "Đêm Trường Sơn nhớ Bác" được nhạc sĩ tài hoa Trần Chung phổ nhạc kịp thời, lập tức đi vào trái tim mọi người ở tiền tuyến lẫn hậu phương lớn của một thời hoa lửa oanh liệt. Bản nhạc đồng hành bước chân của những chiến sĩ trong những năm chống Mỹ hào hùng. Bài thơ đi vào bản nhạc cùng tên "Đêm Trường Sơn nhớ Bác" đã trở thành tác phẩm quen thuộc, yêu thích của nhiều đồng bào, đồng chí và sẽ sống mãi cùng năm tháng./.

Xón xang

MÙA CÚC HỌA MI

MAI HOÀNG HANH

Chiều. Gió chom chớm lạnh. Chiếc lá cuối thu ngập ngừng rơi xuống mặt hồ trong vãn vất. Con đường bỗng hẹp hơn bởi gió heo may chẳng còn vương vãn hàng cây trầm mặc. Đang thả bộ thong dong trong ngõ, chợt nghe câu hát: *“Rồi một ngày trời không biết xanh. Rồi một ngày hàng cây vắng tanh. Và cơn gió, mang mùa đông tới. Cuốn bay theo đám lá vàng rơi...”*, tôi chạnh lòng nhớ bãi bồi nơi ấy, nhớ một loài hoa bé nhỏ, không có mùi hương quyến rũ, chẳng có vẻ đẹp kiêu sa đắt giá mùa đông qua băng lạnh khói sương...

Nơi tôi sinh sống, những mảnh vườn, thửa ruộng có rất nhiều loại hoa. Tôi ấn tượng nhất loài hoa cánh trắng, nhị vàng bung nở báo hiệu mùa đông sang. Đó là cúc họa mi, một loài hoa mỏng manh, giản dị, khiêm nhường và tinh tế. Tháng 11 lặng lẽ bước sang tháng 12, những bông cúc trắng li ti bung nở mon man tỏa nắng nhàn nhạt, lâng lâng.

Tôi bắt chợt gặp đôi bướm nhỏ quần quýt nhau trong vườn họa mi. Có phải đôi bướm nhỏ thầm thì trao gửi giọt nắng mùa đông xón xang, thanh khiết? Có phải cúc họa mi trắng ngần đằm thắm, mặn mà như

cô gái mộng mơ đan nắng cuối mùa thu gửi tặng ngọn gió mùa đông se sắt?

Tôi mãi tìm những ký ức đẹp giữa vườn cúc họa mi, nụ cười ai cứ lấp lánh những mùa cúc họa mi hoài niệm. Tôi nhớ có lần cô bạn học chung lớp thủ thi: “Cúc họa mi không rực rỡ, mỹ miều như hoa hồng nhưng cúc họa mi có vẻ đẹp e ấp, dung dị khiến lòng người xao xuyến. Hình như cúc họa mi trân quý vẻ đẹp dịu dàng, e ấp của phụ nữ thôn quê. Mùa cúc họa mi ngắn ngủi nhưng yêu thương dài vô tận...”

Những bông cúc họa mi luôn khiến cảm xúc trái tim tôi hệt hẫng, luyến tiếc bởi mùa cúc họa mi vội qua, tôi lại mong ngóng mùa cúc họa mi năm sau. Rồi đến năm sau, năm sau và nhiều năm sau nữa, cúc họa mi vẫn ngẩn ngơ, bồi hồi chẳng dứt nhưng tôi chẳng đủ can đảm nói lời yêu người ấy.

Mùa đông năm nay, trong mênh mang mùi rơm rạ quện vào cái rét hanh hao, tôi tự hỏi: Trên thế gian này chẳng thiếu những loài hoa đẹp, sao lòng mình cứ xón xang mỗi khi nghĩ về cúc họa mi? Đất trời tĩnh mịch, nắng trải dài trên những hàng cây, tôi chạm vào tiếng chim lạnh lốt như hơi ấm mùa đông ủa về./.

Chiếu rừng

VĂN AN

Àp Bà Liệt nằm co ro bên cánh rừng cổ, suốt ngày hứng chịu tiếng rú rít của rừng cây, tiếng gió hú âm âm vòm lá. Cây xoắn xuýt, ném từng vạt nước trong veo xuống dãy mái rạ lụp xụp. Chỉ có dinh quan Hoài Đức Vương ửng lên màu đỏ xa xỉ của ngói, còn lại là thảm rạ rơm phủ lên dãy nhà nâu sẫm, nền nã. Rừng cây cứ chùng nhau, chắt ngát, sừng sững, tiếng nai, tiếng hươu vượn tác râm ran khiến khu rừng trở nên rộn rã, thanh bình. Dân áp vào rừng, tận hưởng bầu không khí mát rượi của vòm cây đen kịt và xin về những bó củi khô cong. Họ sống với rừng nhập vào rừng, mon men, lâu la sờ soạng từng gốc cây cỏ thụ sản sùi, lụ khụ như một ông già. Cả cánh rừng rục lên thảm hoa vàng mềm mại của cúc, của sến, thân thiết, đầm thắm. Rồi một buổi trưa, mặt trời hiền lành tràn lên áp những mảng nắng được lọc qua tán rừng trở nên biêng biếc. Tiếng loa của một vị sứ giả vang lên, trên các mái nhà ướt át, áp Bà Liệt sực tỉnh, ngơ ngác, dòm ngó chiếc loa sắt đang tuôn trào những điều kì dị, đến nỗi vị trưởng áp cũng phải vỗ đôm đốp vào hai vành tai. Tiếng loa vẫn khê khàng tuôn chảy “Loa loa loa. Dân áp Bà

Liệt mau mau đón tân khoa vinh qui bái tổ đang từ kinh trẩy về. Loa loa loa!” Trưởng áp hùng hổ vít chiếc loa của viên sứ giả to béo: “Ông nói gì? Vị tân khoa đó là ai?”. Là Dương Tử Do. Vị sứ giả cúi kính “Ông nghe rõ chưa?”. Tiếp quát xuyên vào tai áp trưởng. Ông đứng trước đám đông của mười hai dòng họ, xôn xao, ngơ ngác. Áp tôi không có tân khoa đó - Trưởng áp quát lại “Ông xem có nhầm nhọt không. Áp chỉ có một ông Do đen đui, bạch đỉnh, xơ xác, bỏ làng biệt tăm mấy năm rồi, có khi còn vùi xác nơi rừng thiêng nước độc. Đây là điều bịa đặt, hoang đường, ngoài sức tưởng tượng của dân áp”. Viên sứ giả ngây người nhìn trưởng áp đang vật vã với cái loa góm ghiếc “Tôi chỉ truyền lệnh triều đình. Tin hay không là tùy”. Sứ giả nhìn kẻ đang búi lầy chiếc loa sắt, giọng lạnh lùng: “Tin lệnh này hay không là tùy các người.” rồi buông thõng chiếc loa như muốn trút tất cả âm thanh oai hùng của nó xuống mảnh đất màu mỡ. Còn ngài áp trưởng bỗng nhận ra mình đang đối diện với những điều thật ghê gớm khi chống triều đình. Không khéo còn đeo gông. Hấn bỗng rừng mình ngó trân trân về cuối rừng xanh thẫm, nơi vị tân

khoa và đoàn rước đang nhấp nhô. Thật là hiếm hoi, lạ lùng, khó hiểu, một cái áp nghèo nàn, xác xơ, chỉ có rơm, rạ, củi khô là tài sản lại từ chối điều vinh quang, sung sướng. Cái nhìn của đám rước đổ cheo chéo về phía quan tân khoa dò xét, ngại ngại, chê trách. Quan tân khoa điềm tĩnh như không có việc gì xảy ra. Niềm vui phá lên mặt chàng nổi hân hoan, sung sướng, chứa chất tự hào dưới những nụ cười nhẹ nhàng, mãn nguyện “Các em cứ yên tâm - chàng là người cao tuổi nhất đám rước - Việc này rất lạ lùng, khó chịu và bất ngờ, nhưng nó sẽ đầy niềm vui tăng lên gấp bội. Chúng ta sẽ mở tiệc tại đây. Rượu thịt sẽ bày trên thảm lá rừng dày cộm, mát rượi. Ăn xong các em cứ lăn ra chiếu rừng mà ngủ. Họ đến đây, họ sẽ phải giục ta, đợi ta. Đến lượt họ phải kiên trì đợi chúng ta say khướt qua những châu rượu”. Đám rước sực tỉnh. Họ dò chàng chạm đầu vào những mắt lá rừng cao vút. Tiếng hò hét khiến cánh rừng thức giấc, rung chuyển, lắc lư đẩy những cơn gió thốc xuống ào ào. Tiệc được mở. Rượu thơm lừng sân lá.

* *
*

Ngày ấy, chàng chỉ là cậu bé loắt choắt, đen thui, cao vồng nhanh nhẹn. Chàng không ưa gì những căn hộ lụp xụp của thầy đồ, nơi đây có những con chữ bé bỏng, gày guộc như bó que lại có sức đày đọa, gò bó xiết chặt những khối óc bé nhỏ. Lôi cuốn chàng là cánh đồng cỏ mênh mang, êm đềm, mượt mà như chiếc chiếu khổng lồ, chứa đựng hàng trăm đứa trẻ tha hồ chạy nhảy, lăn lộn, chứa đựng những giấc ngủ trưa mát mẻ, vùi đầu trong cỏ mà

mơ màng. Cha mẹ mất sớm, chàng lại càng tự do, phóng túng. Không ai bắt chàng lấy vợ lập gia đình. Chàng cứ vồng lên mặc cho các cô gái trẻ măng lượn lờ cuốn hút. Thầy đồ là người có thể dùng lưới Không để bao vây ràng buộc, lôi kéo, cuốn hút nhưng chàng lại là kẻ đầu tiên bang phá. Chàng không muốn bó mình vào những trang giấy chi chít những dòng chữ nghều ngoào, không muốn lải nhải Tam tự kinh cùng lũ trẻ. Bàn chân dẫn chàng đến cánh rừng cỏ mát rượi. Cành lá vạm vỡ, lung linh những giọt sương trong vắt như con mắt của rừng. Chàng ngược nhìn cụ sên già hàng trăm tuổi với lớp vỏ mốc mác, chạc cây nhẵn thín, rộng rãi như một chiếc ghế mời mọc chàng ngả lưng trên đôi tay cụ sên già, mặc cho ngôi nhà tre của chàng co ro bên bìa rừng, cô đơn, khắc khoải đợi chàng. Bạn bè anh nào cũng bỏ học, lấy vợ và lúu rúu con cái. Đám bạn bè mê chàng vì chàng sắc sảo, tinh quái trong các trò chơi nơi hội hè. Từ chơi gà với những miếng đánh chuyên nghiệp, luyện tập cặn kẽ làm cho cả xóm gà run sợ. Mỏ của chúng như dao nhọn, khi bám ngấp cổ đối phương, co chân đạp đánh roạt một cái, đối phương chỉ việc rú lên, máu lông rơi tả. Giải gà lễ hội chỉ là chiếc khăn lộng lẫy, nhưng giải của những kẻ thách đố đem lại cho đám bạn của chàng niềm sung sướng vô bờ. Chàng chẳng màng lợi nhuận mà chia hết cho bạn khi họ vợ con lúu rúu. Thành thử ai cũng quý chàng. Cả đám ngấp trong ngày hội rộn ràng. Cái âm thanh bao phủ không gian là tiếng trống bập bùng, là tiếng kèn, tiếng nhị réo rắt, nỉu kéo, bao bọc, đưa đẩy mọi người chìm trong vàng âm thanh sôi động.

Chàng cứ lượn đi lượn lại như một cánh diều rồi cuối cùng xà vào đám đầu vật. Họ khoe cơ, khoe bắp đùi, bắp tay cuộn cuộn. Họ lao vào nhau như hai chú trâu mộng, chỉ để giành một mảnh mâm đồng chứ to tát gì đâu. Những tiếng trống nghe hùng hổ, thúc giục quyết liệt. Chàng chưa vợ nên nguyên khí vẫn còn mạnh mẽ dẻo dai. Cánh tay không cuộn cuộn nhưng rắn chắc như một que sắt nguội. Dáng lòng không nhưng lại rất mềm mại, nhanh nhẹn như con sóc, còn bạn chàng vợ bầu bùi con riu, đêm trước ngủ vợ, hôm sau búng một cái đã lăn kèn ra xói. Nhưng họ khoái chàng vào cuộc, bởi chàng có được mâm đồng chậu đồng, lại qui đổi ra rượu, thành thử bạn bè mê chàng, tôn chàng lên ngất ngưỡng. Xói vật được tạo thành bởi hàng trăm thúng cát sông Đuống nâu sậm, màu mỡ. Những anh đô vạm vỡ ngồi bệt ria xói thở hên hên. Mặt mày người ngợm dính đầy đất tựa trâu đầm. Cụ thúc trống, cầm chầu cũng chả kém phần vất vả. Mồ hôi túa ra. Tay rã rời thúc trống, thúc các đô vật đánh tới, đánh lui. Chàng vào xói trước con mắt he hé vô tư, có một chút xem thường của bạn vật. Bởi chàng không vạm vỡ như họ, cơ bắp không cuộn cuộn sóng nhưng chân tay chàng dài hơn, xương xẩu hơn và rắn chắc hơn. Có lẽ nhanh như một tia chớp chỉ có ở chàng. Môn này cũng là môn chơi nhưng chàng phải học các miếng đánh từ ông tổ vật của áp là cụ Thành hoàng. Chỉ cần chàng nắm được cổ tay đối phương đã như bị trời rơi bắt đầu tê dại. Sau một thoáng chàng đã làm cho họ nằm ngay ngắn trên lớp cát mịn màng. Rồi đám chơi rời rông dài của chàng bỗng chuyển

sang trò mới lúc nào cũng không hay khi ngôi nhà bạn chàng sụp đổ sau cơn bão. Ngôi nhà ọp ẹp như bắt đền họ. Cả lũ kéo vào. Mỗi người vài cây tre, chàng đã biến nó thành khung nhà vững chãi. Những vì kèo những xà dọc xà ngang cắn lấy nhau thành một khối chắc nịch. Chàng làm mà như chơi, bởi không cái gì ngự trị lòng chàng lâu được. Đám của chàng trở thành thương hiệu đáng nể, bởi có lúc họ là những người thợ tài hoa, nhưng có lúc họ biến thành du khách chơi bời. Họ vừa cần cù, lại vừa phóng túng, bắt chấp lợi nhuận to hay nhỏ. Chàng vô tư để cuộc đời như con suối róc rách, trôi chảy, chàng cũng chẳng để ý đến lũ bạn lẩn quẩn quanh chàng, nhưng tối về họ ngập trong đám con rêu rất, ngập trong tiếng cãi cọ, trách móc của vợ con. Tuy vậy, cuộc đời phóng túng của chàng đến một ngày nào đó cũng bị chặn lại, như con suối đang cuộn cuộn bỗng vấp phải chiếc đập sừng sững. Ấy là một ngày khu rừng cổ vẫn ôm ấp, trù mọt cái ấp bé xíu của chàng bỗng ngừng tiếng xào xạc. Những thân cây xù xì đứng im lìm. Cành cây to như cổ trâu uốn móc gác lên nhau. Cụ sên già sụm xuống, còng hơn. Dân áp Bà Liệt lục tục kéo đến sân đình vừa được sửa sang sạch sẽ, mái ngói đỏ, rục rờ, kiêu ngạo trước những mái gianh nâu xỉn, mốc mác. Chiếu cói được coi là thứ xa xỉ căng ra cho từng lớp ký mục trong áp. Họ phải lau chân sạch sẽ rồi rón rén đặt lên mép chiếu. Thời kì này, nhà giàu có mới mua được chiếu. Trải trên sân đình, hàng chiếu đầu lộng lẫy chói lên chữ Phúc đỏ rục. Không phải ai cũng bạ ngồi. Chỉ dành riêng cho bậc thượng thợ, hàng

cao niên nhất trong ấp. Họ là những người già nua, da nhăn nheo mốc mác như vỏ củ sến còng; tóc và ria được nuôi từ thời trung thọ (60 tuổi) để những bộ ria dài, đen ôm trọn cái miệng móm mém. Tóc để dài, búi tó, phảng phất tiên ông xuống trần, ban phát luật lệ. Họ vào hậu cung với hương khói cuộn cuộn khiến không gian trắng nhờ, linh thiêng, nơi xa ấy, họ gặp vong Thành hoàng với những câu lầm rầm khấn vái, rồi họ đi ra với nét mặt trang trọng đờ ửng, mang theo lệnh của Thành hoàng. Dân rấm rắp, sợ sệt, cúi đầu trước những phong tục, lệ luật cổ kính. Hàng trung thọ (60 tuổi), sơ thọ (50 tuổi) len lén ngồi vào. Còn lại người đứng, người lom khom nhấp nhô chật cứng. Ông trưởng bạ, gầy như một chiếc que, tay ôm ghì bó giấy như sợ chúng bung mất. Ông đứng trước cái bàn cũng gầy guộc, giờ những vết đinh lờm chờm, ông chúi đầu vào cuốn sổ với những con số dày lì, nhảy nhót. Giọng nói oang oang, nước bọt bắn tung tóe. Ông đọc như đánh vật, mồ hôi dính đầy mặt. Chàng Dương của chúng ta nghe mà như bị kiến đốt. Chàng nhấp nhồm. Mỗi một câu của viên trưởng bạ lại móc vào chàng một nhát. Đợi trưởng bạ kết thúc, chàng mới đứng lên sừng sững. Chàng nhớ và rà lại toàn bộ bản báo cáo, qui kết từng phần khiến nó trở nên gian xảo, cướp không của dân lượng tiền không nhỏ. Đến đây viên trưởng bạ cũng thấy mình đi trên đồng mảnh chai khi kẻ bạch đình mù chữ đang qui tội ông và đám kí mục gian tham, hấn đang chặn đứng những lợi nhuận mà ông sắp có. Điền máu, ông quẳng cả chồng sách vào mặt chàng “Xem đi. Đồ một chữ bẻ đôi không

biết.” Đền lượt mặt chàng sầm tối. Đổng chữ rơi lá tả. Một câu xỉ vả ẩn chàng chìm trong nhục nhã. Chàng vùng ra khỏi đám đông, như một kẻ say chao chát, nghiêng ngã tựa cánh điều mát gió. Chàng đi đứng vùng vằng, mắt hướng. Rồi bỏ vào đám người riu rít ven đường “Kìa anh Dương”, chàng nhận ra em gái bạn mình. “Đừng gọi anh là Dương. Anh là kẻ bạch đình, một chữ bẻ đôi... Anh nhục lắm. Anh phải đi khỏi ấp này.” “Kìa anh. Em tin”. Cô gái rất nể phục tư chất của chàng. Nhưng chàng có vẻ như đùa, thờ ơ, không để ý. Giờ cô mạnh dạn rút sợi dây chuyền đang quấn trên chiếc cổ trắng ngần dúi vào ngực chàng “Em tặng làm lộ phí đường dài” rồi cô vùng chạy. Chàng ngo ngẩn, định thần, nhìn hút bóng người con gái khuất vào bóng râm rặng tre. Sờ túi áo, chiếc dây chuyền xóc xách, ngân nga gõ nhịp trái tim chàng. Trời đã bắt đầu nhá nhem. Cánh rừng ven ấp chuyển màu đen kịt cùng những tiếng ào ào ma mị. Chàng sờ soạng từng chiếc cột tre gầy guộc, tấm liếp cửa đan thưa ọp ẹp. Tay chàng xoa xuýt, tạm biệt ngôi nhà run rẩy như muốn níu giữ. Chàng bước ngập ngừng trong không gian nhập nhoạng, bao bọc. Bàn chân dẫm trên lớp lá lạo xạo, khẽ khàng. Hành trang của chàng là nỗi nhục âm ỉ, giục giã chàng bước nhanh qua vùng đất toi xộp, màu mỡ của ấp Bà Liệt. Ngày mai thôi, sẽ không còn ai nhìn thấy bóng dáng lòng không, chàng sẽ biến mất, hun hút trôi về một nơi xa ngái. Chàng cứ đi. Cứ đi. Và cứ đi. Chẳng để ý mặt trời lặn bao nhiêu lần, mặt trăng tròn bao nhiêu bận. Chỉ thấy trời đất xa hút. Ánh nắng ở đây cũng khác quê

chàng, chói chang hơn, và trắng lóa như vôi, sôi sục, bỏng rẫy. Con người phải trùm áo lá, nón lá mới trụ được. Và lạ thay, đường chân trời là một hình răng cưa lờm chờm, lộng lẫy, xanh rờn. Không ai dám bước qua đường răng cưa linh thiêng đó. Bất ngờ chàng thấy cả lũ trẻ nhếch nhác, rờn rần chui vào một chiếc cổng bé xíu. Chàng dừng lại tự trấn an mình: Đây mới là nơi chàng cần đến. Chàng sẽ chui vào lỗ cửa ấy cùng bọn trẻ. Bởi đây là nhà cụ đồ. Cái căn nhà nhỏ bé kia chứa đầy chữ nghĩa. Cụ đồ sẽ phân phối, đong đếm cho bọn trẻ một lượng chữ ít ỏi. Để ngày mai, ngày kia, mỗi ngày cụ lại cho bọn trẻ một ít. Chàng sẽ xin cụ vào làm kiếm miếng ăn. Và mục đích của chàng là hoàn thành nhanh chóng công việc để học lỏm, học mót từ mái hiên, từ chiếc cửa sổ ọp ẹp. Khối chữ của cụ sẽ tràn ra ngoài để chàng hứng lấy, gói vào chiếc đầu xù xì của mình. Nghĩ vậy, chàng bước thẳng đến chỗ cụ ngồi trên chiếc chõng tre vót nhẵn. Người cụ nhô ra toàn xương dưới lớp vải diêm bầu lạnh lặn. Chữ nghĩa đã bào mòn sức khỏe, nhưng cụ vẫn sở hữu một kho chữ giàu có để hàng năm chia chát cho lũ trẻ. Chàng bước nhẹ đến nỗi cụ đồ không nhận ra người đàn ông dong dỏng khom người trước mặt. Cụ chiếu tia mắt hiền lành:

- Anh vào đây có việc gì? Giọng cụ khàn khàn.

- Dạ. Con thừa cụ. Con ở vùng Đông ngàn Từ Sơn. Không may mùa màng thất bát, đến xin cụ việc làm trong gia đình. Giọng chàng nài nỉ bởi chàng nghĩ cụ chẳng ưa gì một anh lạ hoắc lọt vào nhà.

- Đông ngàn quê anh là chốn phồn hoa giàu có.

- Dạ. Cụ thương. Con vì hoàn cảnh riêng mới phải lặn lội hàng trăm dặm đường.

Cụ nhìn chàng. Đọc trên gương mặt nét thanh thoát, nhân hậu và ánh mắt không dấu nổi vẻ thư thái, thông minh. Chỉ có niềm uẩn khúc ghê gớm mới đẩy được người ta đi xa đến vậy. Và lại gương mặt chàng đã trở lại điềm tĩnh sau những đau đớn, buồn thảm rơi rụng dọc đường. Cụ gọi cụ bà. Thế là chàng đã biết mình thành công.

- Bà bố trí công việc cho người này nhé.

Cụ bà nhìn như thể cân đong, đánh giá chàng trai đã luống tuổi nhưng sức vẫn dẻo dai có thể kham nổi công việc. Bởi nhà cụ đồ vẫn phải mướn, nhưng người làm mới nghỉ tháng nay. Đang tìm thì chàng dò tới. Vẫn là số lượng công việc của người làm cũ, cụ đồ bà không phải nghĩ ngợi. Chàng vốn là người ham chơi song cũng ham làm nên hoàn thành công việc gọn gàng, sạch sẽ. Cụ bà đứng nhìn cũng khe khẽ gật đầu cùng với nụ cười móm mém.

- Con có thể chài lại chỗ mái nhà dột được không ạ?

Cụ bà tròn mắt: - Anh làm được ư? Tốt quá.

Chàng đánh một ôm rạ đều tăm tắp. Những cọng rạ to sắc không kém cật tre. Chàng thoăn thoắt leo lên, vén lớp mái đang bị rỗng bởi rạ ở dưới đã mủn, chàng cài chập rạ mới rất khớp, đều tăm tắp khiến mái nhà như được làm mới. Cụ đồ hài lòng lắm. Chàng liền xin cụ, lúc rỗi rãi được học

lỗm chữ cụ. Cụ đồ chỉ mỉm cười. Cụ không tin người làm thuê lại dờ hơi điên rồ đến thế. Ở quê cụ, xứ Thanh nghèo nàn này, thì chàng trai luống tuổi kia chỉ việc lấy vợ, đẻ một đồng con. Thế là xong. Nhưng lại vừa làm vừa học thì không gửi được. Nhưng miễn là cậu ta hoàn thành công việc. Cụ đồ ừ một tiếng rõ dài thành ra tiếng h...ừ... dai dai, nửa thuận nửa không. Chàng được ngồi lẫn bọn trẻ ríu rít. Chúng bu quanh, đưa ôm cổ, đưa ôm chân, đưa mang bài ra đó làm chàng ngớ ra, rồi chúng ê ê... âm ì (điều này cụ đồ đã cho phép bọn trẻ con quấy phá làm chàng chán chường rồi bỏ học). Nhưng chàng đâu có xấu hổ, mặc cho chúng vật chân vật tay, chàng để tính đến mức công cả ba bốn đứa chạy quanh lớp.

- Các em học trước anh mấy năm (Thực ra chàng bằng tuổi bố mẹ chúng) vậy các em dạy anh đi. “Nhất tự vi sư. Bán tự vi sư. Một chữ là thầy. Nửa chữ cũng là thầy. Anh sẽ gọi các em là thầy”. Rồi chàng đồng dạc “Chào các thầy trẻ ạ.” Bọn trẻ sướng quá, reo âm. Ranh giới giữa chàng và bọn chúng biến mất. Chúng nhao nhao dạy chàng, cho chàng giấy, cho chàng bút. Chàng học nhanh. Sau thời gian ngắn đã đuổi kịp chúng và đứng đầu trong lớp khiến bọn trẻ càng yêu chàng và trọng chàng. Cho đến một hôm cụ đồ có khách. Bọn trẻ được nghỉ, trả lại ngôi nhà sự im ắng dịu dàng. Nhưng phòng khách của cụ đồ trở nên chật trội bởi cuộc tranh luận căng thẳng của các trí sĩ. Chàng Dương vẫn hi hục dưới bếp nấu nướng các món ngon phục vụ quý khách. Song chàng vẫn động tai, rồi bất ngờ chàng buột miệng như một giám khảo: “Làm quan mà suy nghĩ hàm

hồ thế.” Một anh nhà bếp lại dám hạ bệ các bậc trí sĩ. Một vị khách của cụ đã “bất sống” câu nói khiến thầy đồ tức giận, gọi chàng lên với quần áo nhom nhem: “Con xin tạ lỗi các thầy.” Chàng nhỏ nhẹ. Song cụ đồ cũng nhân dịp kiểm tra sức học của chàng: “Anh chê các quan, vậy có đối được câu này không? Nếu đối được sẽ miễn tội, bằng không phải đánh đòn”. Thầy đồ đồng dạc ra vế: “*Lộ mọ dưới bếp đen bỏ hóng*”. Các quan khách reo âm hi há trước vế đối dân dã sẽ vật đồ chàng trai để chàng cảm nhận vài ba gậy trừng phạt. Nhưng vế đối vừa dứt, chàng Dương đã ứng ngay: “*Cặm cụi sách đèn, bảng vàng treo*”. Chàng vừa dứt câu, căn phòng như ngừng thở. Các quan khách ngơ ngác “Cậu ta nói gì?”. Cụ đồ nhắc lại khiến mọi người ồ lên: “Cậu là trí sĩ chứ không phải đầu bếp.” Họ xô đến bắt tay, ôm lấy chàng, vỗ vào người chàng bồm bộp, thân thiết. Họ xin phép cụ đồ cho chàng thay quần áo ngồi cùng mâm với họ, nhưng chàng từ chối bởi chàng chỉ là người làm thuê với thân phận hèn kém. Nhưng chàng đã làm cụ đồ ngỡ ngàng khi chàng bật lên với một trình độ cách biệt khiến cụ phải xếp một chương trình cao hơn bọn trẻ. Bao nhiêu chữ nghĩa tích góp một đời, cụ dồn cả cho chàng. Như người dạy võ cụ không tiếc chàng từ miếng công đến miếng thù, cụ đều truyền hết mà không giữ lại cho mình. Buổi học cuối cùng, trời bắt đầu chạng vạng. Mây từ ngoài biển dồn vào chồng chất, tối sầm. Những hạt nước trong veo lác rác ngoài sân. Một buổi chiều chia tay, cụ thấy lòng tê tái khi phải xa chàng như xa người thân, một học trò xuất sắc. Cụ bảo: Ta hết chữ vì anh rồi. Ta

sẽ giới thiệu thầy của ta là cụ Đốc cho anh. Cụ người làng bên. Làm quan triều đình rồi về quê dạy học. Môn sinh trong vùng nô nức đến học. Khuôn viên nhà cụ Đốc rộng rãi, sạch sẽ, bởi chứa môn sinh cả một vùng. Dáng cụ cũng không không như cụ đồ nhưng đi đứng khoan thai, chững mực; gương mặt trang trọng ẩn dấu một tư chất thông thái, khoan dung. Cụ Đốc lắng nghe thầy dạy của chàng kẻ lẽ, cụ không khỏi suy tư “Vừa đi làm, lại vừa học, quả là ý chí”. Cho nên khi chàng đến, cụ đã niềm nở đón chàng, truyền cho chàng một cảm xúc mới mẻ. Cụ Đốc thường giao ít việc, tạo cho chàng rộng rãi thời gian học tập. Nhưng chàng lại rất thạo việc nên hoàn thành nhanh chóng. Và khoảng trống còn lại tự chàng mày mò, khiến cụ Đốc càng yêu mến. Bọn nho sinh thấy chàng vừa làm thuê lại vừa học, chúng chế nhạo, chúng lườm nguýt một cách khinh bỉ. Chúng đến lớp mặt mày cứ căng lên, vênh váo như sắp chạm vào ghế ông nghè. Và lại chúng giàu có, quần áo rực rỡ chứ không cũ cằn như chàng. Gặp thầy mới, chàng như gặp biển lớn, mênh mông, mới mẻ, những mảng kiến thức như chân trời rộng mở để chàng ngắm nghía, cảm nhận. Cánh đồng chữ mà thầy gieo cấy, thầy cũng hiểu rằng thừa ruộng nào màu mỡ thừa ruộng nào cỗi cằn. Bọn nho sinh có thể mua được đồ đẹp chứ không thể mua nổi khối kiến thức uyên bác. Biết thầy khen chàng chúng ganh ghen đố kỵ nhưng rất quý chàng. Thầy chỉ chê chữ xấu khiến chàng sốt lên. Lúc thức chàng viết ra đất, từ cái luống rau luống bí, tối ngủ chàng dùng ngón tay quét trên chần, trên chiếu. Hôm ấy, chàng

xách đôi thùng nước sóng sánh, cảm thấy đặng sau có đôi mắt chiếu lửa vào lưng, chàng bồi hồi quay lại - Người con gái! Chàng đoán đây là cô Út con cụ Đốc. Nàng thấy nhà có người làm thuê thường ra ngó nghiêng. Đã đi làm thuê lại xin học. Thật kì. Và hấp hết chỗ. Nhưng người đàn ông lại cho nàng thấy một khuôn mẫu đẽ gòn, chững chạc, bình dân, và sắc sảo. Nàng không được học nhiều. Chỉ vài ba chữ tam tự kinh. Thế thôi. Để còn đường lấy chồng. Còn học cao, trai làng sợ, không dám bén. Nhưng nàng cũng xinh một cách bình dân. Dù đồ nàng bận không phải lụa là gấm vóc mà là thứ màu nâu giản dị, nền nã và khỏe mạnh. Cụ Đốc thì ngược lại. Cụ quý chàng từ lúc chàng mới bước vào nhà. Giản dị đấy nhưng lại vô cùng sang trọng, cũng quê vùng Đông ngàn đấy nhưng rất thông minh giao hoạt. Trong số môn sinh, chàng là niềm hi vọng của cụ. Lại sắp xa người học trò lịch lãm, nghèo túng, cụ sinh ra thương quý chàng, sẵn sàng cho chàng cô gái út làm bầu bạn suốt đời. Hạnh phúc như làm chàng tan chảy. Chàng nhìn cụ không cảm được nước mắt đang ứa ra trên gò má nâu sẫm. “Con cảm tạ ân nghĩa cụ như cha đẻ của con. Nhưng thân phận làm thuê hèn mọn, con đâu dám sánh cùng cô Út”. Nàng không biết cha mình nói gì, chỉ chăm chăm xem chàng miệt mài vào việc: “Thầy em có bảo chàng tưới rau đâu? Chàng về học đi”. Rồi nàng nhìn bên luống rau chỉ chút những chữ gạch dọc gạch ngang. “- Chàng viết chữ gì thế này”, “Chữ Hảo, nàng biết không?”. “Vậy chàng khen em à? - Nàng xôn xao - hay chàng yêu mình. Gương mặt nàng đỏ dần. “Chàng để em tưới cho”. Rồi

giăng lấy thùng nước trên bàn tay rắn chắc. Chàng cầm chặt đến nỗi nàng nắm cả khúc tay xương xẩu. Hôm nào chàng cũng chẻ củi, tưới rau và hôm nào nàng cũng giăng co với chàng. Những giây phút giăng co dịu dàng khiến cả hai cùng tăng tía mặt mày. Một cái gì đang chớp lóe trong lòng, nhưng đồng thời chàng cũng lắng nghe từ đáy lòng đang sụp đổ. Người con gái ở quê đợi chàng trong mịt mù vô vọng. Ba năm. Rồi bốn năm. Sự chờ đợi khắc khoải đã vắt kiệt sức nàng. Bố mẹ gả cho một anh trai nghèo nhưng an phận. Chàng không trách gì cô gái. Chỉ tiếc không giữ được nàng, bởi chàng đang háo hức, vơ vén, dồn ép nguồn chữ nghĩa của thiên hạ vào cái đầu sần sùi của mình.

Năm Mậu Dần (1458) niên hiệu Diên minh thứ năm đời Lê Nhân Tông, triều đình mở khoa thi hương, học trò cụ Đốc nô nức chuẩn bị lều chõng về kinh ứng thí, anh nào cũng hí hửng, mặt mũi tươi tắn như sắp được rước bằng vàng. Chàng Dương thì buồn thiu. Cuộc thi sẽ đẩy chàng cách xa xứ Thanh vời vợi, chàng phải li biệt hai cha con cụ Đốc, người chấp cánh cho chàng bay lên. Cô Út còn buồn hơn khi chàng khước từ tình thương của nàng.

- Em sẽ cho thằng nhỏ mang lều chõng hầu hạ chàng.

Nàng vừa nói vừa dắt thằng bé đen nhẻm, gầy gò đến trước mặt. Thằng bé nhanh nhẩu “- Con chào ông ạ. Ông cho phép con được hầu hạ.”

Chàng không thể khước từ, chỉ nhìn nàng đang lụi lụi sắp xếp trong chiếc tay nải mới mẻ. Bộ quần áo nâu mà chàng đi làm thuê được thay bằng chất vải sáng

nhẹ, lịch lãm. Rồi bút mực, tư trang được nàng sắp xếp gọn gàng. Diện bộ nho sinh chàng tự tin và trẻ trung. Hai thầy trò bắt đầu cuộc hành trình ngược lại về Kinh kì. Lại không tính ngày, kể tháng, đêm nghỉ ngày đi, nhưng cuộc trở về kinh kì chứa chất nỗi bồi hồi, niềm hi vọng về vinh quang rực rỡ cứ hút lấy họ, lôi họ, kéo họ đi băng băng qua hàng nghìn cánh đồng ngát hương lúa hương khoai, qua hàng trăm dòng sông dòng suối róc rách. Rồi họ cũng đến kinh kì với trường thi bằng phẳng cùng những thảm cỏ dịu dàng mới mọc. Hàng trăm chiếc lều được dựng lên, nhấp nhô nhấp nhô chạy ngang chạy dọc như những chiếc mũi khổng lồ úp chặt vào đất. Mỗi chiếc lều cách nhau vừa phải, đơn độc cất dấu kẻ nho sĩ với những ham muốn vô cùng. Tại lều thi họ tha hồ vung vẩy, dọa nạt những kẻ thấp hèn, ngòi bút mềm mại của họ sẽ làm sáng mắt thiên hạ để ôm về tấm bằng vàng Vua ban. Tại đây, những tài năng thực thụ sẽ được lộ ra như mỏ quặng quý lấp lánh giữa bãi đá gập ghềnh. Trong lều, chàng bình tĩnh lạ lùng, chờ đợi tiếng trống của trường thi vang lên. Nó sẽ là lệnh xung trận và cũng là tín hiệu sụp đổ của những bộ óc cằn cỗi, nhập nhòa. Đề thi như một viên đạn tung ra sau tiếng trống, bắn thẳng vào cửa lều. Hỏi về đạo trị nước của đế vương và cái đức của kẻ sĩ. Các nho sinh vồ lấy ống quyển dài ngoẵng để ngấu nghiến những dòng chữ thách đố. Với chàng, đề thi như chiếc chìa khóa vàng mở toang kho chữ nghĩa, chàng chỉ việc lấy ra, xếp đặt từng hàng, từng loại gọn gàng, với những gói tư duy rộng mở, lập luận một cách sâu sắc cùng nhiều điển tích.

Chàng như người nhà, anh em với những vua chúa Trung Hoa, thân cận với những bậc đế vương Đại Việt làm cho bài luận của chàng lộng lẫy hẳn lên. Cùng với nét bút đẹp đẽ, phóng khoáng đưa đẩy những dữ liệu của chàng lên đỉnh cao rực rỡ. Kết quả, chàng là một trong bốn người được triều đình chấm đỗ Tiến sĩ trong khoa thi này khi vừa vặn 49 tuổi. Tại trường thi tấm bảng vàng của triều đình được trưng lên, lộng lẫy, chói lòa bởi nó được sơn son thếp vàng rực rỡ, khi được nắng ban mai chạm vào, tấm bảng rực lên những chùm sáng vàng rực. Không tin ở mắt mình khi tên tuổi của chàng được yết trên Bảng vàng; chàng cứ dụi đi dụi lại, mở mắt ra, vẫn tên chàng lồ lộ; chàng lại dụi mắt lần nữa, xem tên chàng có vụt biến mất không? Mãi lâu, chàng mới tin là sự thật. Chỉ sáng hôm sau thôi, chàng đã không dám mơ tiếp. Bởi cuộc sống thực đến với chàng còn đẹp hơn nhiều. Đôi dép đứt quai mà chàng đi từ Thanh Hóa ra kinh để dự thi được thay bằng đôi hia bóng nhẫy; bộ quần áo diêm bào nâu sòng được thay bằng thứ sa tanh bóng bẩy, những tua, những rèm lúng liếng. Đó là trang phục của một người tới đỉnh vinh quang. Nhìn bộ hia, quần áo, cân đai diêm dúa đã khôi kẻ nể nang, khúm núm, sợ hãi. Chàng trèo lên yên ngựa với bộ quần áo vua ban đỏ rực, cả chàng và con ngựa hồng cao lớn chìm trong đám rước nhấp nhô. Cả tổng và huyện Đông ngàn nô nức đón chàng. Trước mặt, người cầm loa lực lưỡng quát tháo, truyền lệnh triều đình, cái loa sắt dài ngoẵng lia bên nọ quát bên kia đẩy đám người lố nhố phía trước gọn một bên cho đám rước tràn qua.

Người lính cầm cái biển đỏ, sơn son thếp vàng giờ mãi lên với hàng chữ vàng sòng sánh “Sắc tứ đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ” tôn vinh chàng tân khoa. Trống và cờ của tổng, của huyện bay phấp phật nhấp nhô, inh ỏi.

Ánh nắng gay gắt tràn xuống áp Bà Liệt thì bị chặn ngay trên cánh rừng Sặt âm u, đen sẫm. Trên chiếc chiếu rừng lạo xạo, êm ái, đám rước ngả ngón trong hơi men và thịt của gia súc. Thằng bé do cô Út cho đi theo chàng đang ở tuổi tập say. Mặt nó đỏ tưng sung sướng. Nó sướng theo cái sướng của chàng; nó sướng bởi các giọt rượu trong vắn vắt đã nâng nó lên bồng bềnh rồi quay nó vù vù, chung chiêng như người ta xay thóc giã gạo. Tuy nhiên nó lúc nào cũng ở bên chàng, như tay chân và thậm chí chuyển những mệnh lệnh của chàng. Nó nhanh nhẩu, và đôi mắt không lẫn vào đâu được, sáng sủa, tinh ranh nắm bắt những điều người ta chưa nói, chưa làm. Và nó đã ton hót tin vui của chàng đến cô chủ nó. Chàng ngây thơ hỏi: “Con báo tin cho cô Út bằng cách nào?”. Thằng bé ranh mãnh “Thầy cứ yên tâm. Cô con đang mở tiệc ăn mừng đấy”. Nó đã mang dấu con chim đưa thư. Nó chỉ việc buộc sợi chỉ hồng vào chân chim câu, rồi tung lên cao. Con chim lượn một vòng tạm biệt thầy trò câu bé rồi vọt lên bay thẳng về xứ Thanh. Nó phải bay cao để tránh đạn cao su và các loại tên nỏ. Phải. Xong việc ở ấp, chàng sẽ về xứ Thanh, quê hương thứ hai để cảm tạ hai thầy và đón người bạn gái về thăm quê hương chàng. Bởi chàng vẫn đang bị dày vò bởi lời chối thẳng thừng của chàng với tình thương sâu nặng của thầy Đốc. Chàng

nghe cũng chín, bởi nếu chàng đường đột ngỏ lời với cô Út, chắc chắn sẽ bị “nốc ao” bởi nàng sẽ bảo thẳng “đũa mốc chòi mâm son”, liệu chàng còn mặt mũi nào về xứ Thanh nữa không? Còn bây giờ, hai thầy trò vẫn nằm dài trên chiếu rừng êm ái, lắng nghe tiếng xào xạc của lá và tiếng hót ngân lên của chim rừng. Và chàng lại gặp vết thương cũ chưa lành. Bạn gái chàng đã có con. Nàng đến thăm chàng ngay chẳng cần đến lệnh của trưởng ấp. Một đứa trẻ lon ton, bì bô đi cùng mẹ và cô gái. Thấm đã ôm lấy chàng, mắt đỏ lè: “Thiếp xin lỗi vì không đợi đến ngày về của chàng.” Nàng gọi con chấp tay lạy chàng rồi chỉ vào cô gái “- Đây là em gái thiếp. Hai chị em nghe tin chàng vừa sướng vừa lo, vội ra ngay bìa rừng”. Chàng nhìn bạn gái, cũng là ân nhân cấp kinh phí cho chàng. 6 năm trời đã biến nàng thành bà lão gầy gò, đen đui. Nàng xuống sức nhanh quá. Còn cô em, lại y hệt nàng 6 năm về trước. Nàng nhìn chàng rồi lại nhìn em gái, cái nhìn như nói họ với nhau “Thiếp đã bảo em gái thế chân để chăm sóc chàng”. “Nàng! Chàng thốt lên - Tôi già rồi”. “Chàng cứ yên trí, khỏi kẻ mơ làm bà Nghè đấy.” Chàng chìa tay để cô gái bắt lấy nắm tay sần sùi như một lời hẹn hò. Đến bây giờ chàng mới thấy đám kí mục trong ấp thò ra, nhấp nhô, thậm thụt, họ như dưa đầy, ngại ngùng. Trưởng ấp bị đùn lên trước, mặt sầm lại, ấp úng “Bẩm đại quan. Bà con trong ấp đến hơi muộn ạ!”. “Cứ gọi tôi là bác Dương”. Sáu năm trước bọn họ toàn “thằng” với chàng. Giờ quay ngoắt “bẩm quan” môi họ cứng lại, khó khăn mới dãn ra lời. Cả đoàn lại lục tục rời mảnh chiếu rừng để về ấp trong thư

thể ngả nghiêng vì rượu mừng ban sáng. Chàng lễ thánh và thành hoàng ấp đã ban phúc cho chàng. Cả tổng, cả ấp hân hoan mừng chàng.

Sáu năm trời chàng đã làm cho dân tổng, dân ấp bàng hoàng. Cho nên có bài thơ ca ngợi tài năng của chàng:

“Tứ thập tam tuế thủy khai tâm

Tứ thập cửu tuế dĩ dăng đệ

Dụng công duy hữu lục niên gian

Quân tử thẳng nhân tại thông tuệ”

Nghĩa là:

“Bốn ba mới học vỡ lòng

Đến năm bốn chín đã ông Nghè rồi

Dụng công có sáu năm thôi

Hơn người cốt ở tính trời thông minh”.

Cả ấp lại ngập trong rượu thịt mừng tân khoa, nhưng chàng để ý vẫn chưa thấy viên trưởng bạ đầu. Hỏi trưởng ấp mới biết ông ta đã trốn mấy hôm rồi, sợ chàng cho lính bỏ tù vì đã ném sách vào mặt chàng. Tuy vậy lính vẫn lùng lục, truy tìm bằng được. Trưởng bạ run lập cập, lạy chàng như té sao. Ông vẫn chưa thấy lính tráng tra gông vào cổ, mà ngạc nhiên thấy chàng nâng ông lên, và đặt vào tay món quà ba lạng bạc: “Ta phải cảm ơn. Không có cú ném của ông ta không có ngày hôm nay”. Trưởng bạ lại sụp xuống, cứ thế đập đầu vào chân chàng trước tấm lòng khoan dung bao la. Cánh rừng già cũng mừng chàng bằng những cơn gió mát rượi và mảnh chiếu rừng cong lên rập rờn bởi hàng nghìn hàng vạn mảnh lá bay là là rồi rải đều mịn màng như tấm chiếu rừng không lồ./.

Đi qua mùa cỏ khô

TRẦN VIỆT HOÀNG

Mùa đông! Những ngày này người ta thích thú khi được mặc lên mình những chiếc áo bông ấm áp; hay những phút giây ngủ nướng ngán ngủ mỗi sớm mai... Mùa đông mang về sắc cỏ úa. Để rồi, đâu đó trên những nẻo đường qua, con người cũng mở lòng mình ra rồi tự bạch, rồi thấu cảm với những cảnh sắc xơ xác, tiêu điều...

Đông đã mang rét. Rét làm ấm áp những hanh hao quanh cái không gian này. Bao cánh chuồn chuồn mong manh như xơ xác hơn bởi nắng đông hanh khô vẫn chẳng thôi buông lờ trong những phút giây chiều muộn. Những cảnh sắc của mùa đông dễ khiến con người ta ám gợi, đồng cảm và rồi thương nhớ. Có người thích mùa đông bởi những buổi tối sưởi lòng bên bếp củi, dưới chân là con mèo mướp nằm cuộn tròn. Có người thích tự tay may cho mình những chiếc khăn len. Có người thích vào bếp chiên mấy cái bánh khoai, họ thêm cái cảm giác sung sướng khi vừa ăn, vừa thổi.

Có người lại thích làm đầy bản thân bằng xúc cảm qua những cái nắm tay, cái ôm, và cùng nhau đi qua mùa đông lạnh lẽo. Đời thường muôn vẻ, cái thích của muôn người vì thế cũng đa màu. Mùa đông đến lại có những người thích đi bộ nhiều hơn, họ thích nhìn những vật lau xám và tự mình đi qua mùa cỏ khô...

Cỏ mùa đông không còn mướt xanh như những ngày xuân, ngày hạ, nó cũng chẳng vàng vàng úa úa như độ thu về. Mùa đông, mùa cỏ khô, mùa cỏ khoác lên mình màu xơ xác, tàn lụi. Ở những vùng đất như ngoại thành Hà Nội, cái hoang sơ của vùng ngoại ô vẫn được người dân nơi đây gìn giữ. Thảm cỏ bên vệ đường; cả cánh đồng sau mùa gặt cũng đầy cỏ; những bờ ruộng với những khóm cỏ gianh; những khoảng đồi trống cũng miên miết cỏ. Có loại cỏ ngắn, cỏ dài, nhiều chủng loại khác biệt đan bán vào nhau chẳng chặt. Nhưng tất cả đều úa sắc, đều nhuốm màu tàn lụi. Cũng chẳng có ai hữu tình mà nâng niu chúng

nó, làm tươi mới nó cả. Ngày qua ngày, xe cộ vẫn đi qua, những đàn trâu, đàn bò vẫn thung thăng gặm gụi và cả đoàn người vẫn cứ tốc hành đi qua mùa cỏ khô, giẫm lên cỏ khô... Cỏ khô cũng chẳng hề trách khừ xe cộ, đàn trâu, đàn bò hay đoàn người đi qua; nó vẫn nghĩa tình nâng bước và làm êm dịu những bàn chân đã qua mấy mùa phồng rộp.

Thi thoảng, từ đỉnh đồi nhìn xuống, có mấy thửa ruộng bên đường cái thấp thoáng hình ảnh mấy bà chị đưa lưỡi liềm cắt cỏ. Cỏ khô nhưng đàn bò vẫn ăn bởi cái mùa đông tàn lụi, xác xơ khiến cho chúng đâu còn gì lót bụng ngoài mấy túi cám gạo và gốc chuối ở cuối vườn.

Giẫm lên mùa cỏ khô để rồi đi qua những ngày đông. Cỏ khô trở thành chứng tích cho bao hoạt động không ngơi nghỉ của con người. Cỏ khô nhưng lí tưởng cuộc đời vẫn không thôi xanh mướt. Ấy là điều đặc biệt và đáng để con người ta suy ngẫm. Thiên nhiên bốn mùa đâu phải mùa nào cũng gọi tình, gọi cảm; mùa nào cũng ấm áp, đủ đầy... Phải có những mùa khô như thế, gọi lên sự tàn phai thì tháng năm trôi qua với đủ đầy. Cũng chính như mùa của đời người, có những mùa của sung sướng, hạnh phúc và cũng có những năm tháng cỗi cằn và chìm trong tàn phai như mùa cỏ khô...

Mùa đông cho cỏ màu khô để nuôi dưỡng cho nó nguồn sức mạnh. Cỏ đại hoang sơ, nhưng muôn thuở tràn đầy khát

khao vươn lên mãnh liệt. Đi qua mùa cỏ khô, cỏ khô để mùa đi qua, và người đời đi qua đó là tất yếu của tạo vật, của trần thế. Cỏ khô vì mùa, không phải là vì nhựa sống trong nó tàn phai, chết mòn... Rồi nó vẫn bám vào lòng đất, dẫu đất cằn để khi mùa đông đi qua, mùa xuân về, trong khí trời thanh minh màu khô mất đi, nó lại mươn mướt như ngày nào. Cùng hoa lá mùa xuân, cỏ khô lại điểm sắc cho cuộc đời tươi đẹp.

Con người sẽ là cỏ khô và luôn là cỏ khô, dẫu có những hoàn cảnh sống trong “mùa đông cuộc đời” lạnh lẽo, tối tăm, tàn lụi nhưng khao khát vượt qua và khao khát chiến thắng chưa bao giờ dập tắt trong họ. Đành rằng có lúc khát khao đó sẽ chỉ lấp lánh như hòn than nhưng khi đặt trong những cảnh huống, những phép thử của cuộc đời, nó sẽ bùng lên một cách mạnh mẽ đủ sức để vượt qua tất cả. Úa sắc, khô tàn rồi lại thắm xanh đó chính là những điều kì diệu! Như cách mà nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm từng viết trong trường ca “Mặt đường khát vọng”: “Đất đá cỗi cằn thì người sẽ nở hoa”.

Cảnh sắc đã ngả sâu vào đông. Giữa mùa đông bạt ngàn, muôn loài cỏ vẫn ôm ấp những dấu chân người đường đi qua. Cỏ khô đón nhận những giọt mồ hôi từ gò má xám xịt vì nắng gió rỏ xuống, nó càng đồng cảm với nỗi khó nhọc của con người. Sức sống của nó càng khiến con người cảm động, suy ngẫm. Họ sẽ sống như cỏ, qua mùa cỏ khô để ngát xanh cho đời!

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH KHÓA V HỘI VHNT TỈNH BẮC NINH KỲ HỌP THỨ II, NHIỆM KỲ 2023 - 2028

CHÍ HIẾU



Ngày 7/12/2023, Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) tỉnh Bắc Ninh tổ chức kỳ họp thứ II - Hội nghị Ban Chấp hành khóa V mở rộng. Nhà báo Ngô Hồng Giang - Chủ tịch Hội VHNT tỉnh chủ trì Hội nghị.

Về dự Hội nghị có đồng chí Đặng Xuân Thắng, đại diện phòng PA03, Công an tỉnh; đồng chí Đặng Thanh Toàn, đại diện phòng Khoa giáo- Văn hóa, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Tham dự Hội nghị còn có các đồng chí Ủy viên BCH khóa V cùng các Chi hội Trưởng, Phân hội Trưởng Hội VHNT tỉnh.

Với tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, Hội nghị đã thẳng thắn góp ý xây dựng Quy chế hoạt động của BCH Hội VHNT tỉnh khóa V, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí Ủy viên BCH. Hội nghị đã thông qua Dự thảo Báo cáo tổng kết hoạt động VHNT năm 2023, triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2024.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn, Hội nghị đã góp ý sửa đổi, bổ sung và thông qua Quy chế xét hỗ trợ sáng

tạo tác phẩm VHNT để khuyến khích các văn nghệ sĩ tỉnh nhà đẩy mạnh hoạt động sáng tác và xuất bản. Đồng thời, Hội nghị đã xét hỗ trợ 9 tác phẩm VHNT do các văn nghệ sĩ tỉnh nhà xuất bản năm 2023.

Căn cứ vào Quy chế và Điều lệ Hội, Hội nghị cũng đã thông qua danh sách xét kết nạp 12 hội viên mới năm 2023. Tiêu chí kết nạp hội viên luôn hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ hội viên có chất lượng, trở thành những “chiến sĩ xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa”, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật tốt phục vụ nhiệm vụ chính trị và các tầng lớp nhân dân.

Với tinh thần dân chủ, cởi mở, Hội nghị đã thống nhất với các nội dung và ý kiến được đưa ra. Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2023, hy vọng lĩnh vực VHNT tỉnh nhà sẽ tiếp tục gặt hái một mùa bội thu trong năm 2024./.

Nghe Quan họ ở Cần Thơ

Điệu dân - Tha thiết

Nhạc : Nguyễn Trung
Phỏng thơ : Nhật Mạt Hương

Lục bình trôi trôi trên sông Cần thơ. Mưa rơi, mưa rơi ướt cả giấc
mơ. Sợi đũa xe xe như xe chỉ luôn kim. Thời tân nón
lá đi tìm, đi tìm bến trưa. Ở kia ở
kia con nhện giăng mừng. Mênh mang sông Hậu, điệu dân Cái
Giăng. Ninh Kiều, Ninh Kiều còn nhớ hay không. Chị Hai đôi
mắt mênh mông bãi bờ. Nghe Quan họ ở Cần
Thơ. Bến thuyền chợ nổi cũng ngơ ngác lòng. Tre cong, tre
cong mãi phía Bằng Lăng. Cánh cò Nam Bộ cũng lã lã
buồn. Nghe Quan họ ở Cần Thơ. Khúc gọi
đò. Người ơi người ở Lục bình trôi trên sông ở Cần
Thơ. Con đò xưa mang câu Quan họ tới Cần Thơ. Lục bình
Rall...(Chậm lại để kết)
...câu Quan họ tới Cần Thơ.

Đừng dân luật

Vị giáo sư luật học yêu cầu một sinh viên xuất sắc trả lời câu hỏi tình huống:

- Nếu anh mời ai đó một trái cam, anh sẽ nói thế nào?

Cậu sinh viên đáp:

- Em sẽ nói: "Mời ngài dùng trái cam này!".

Giáo sư giận dữ:

- Không thể như vậy được! Hãy nghĩ như một luật sư xem nào.

Anh chàng luật sư tương lai háng giọng:

- Vậy thì, em sẽ nói với người đó: "Tôi, sau đây, trao và chuyển quyền sở hữu toàn bộ và duy nhất của tôi với tất cả các tài sản, quyền lợi, quyền hạn, nghĩa vụ, lợi ích của mình trong trái cam này cho ngài, cùng với toàn bộ cuống, vỏ, nước, cùi và hạt của nó, với tất cả các quyền hợp pháp cần, cắt, ướp lạnh hoặc ăn nó, quyền được trao nó cho người khác với tất cả cuống, vỏ, nước, cùi và hạt của nó.

Tất cả những gì được đề cập trước và sau đây hoặc bất kỳ hành vi, hoặc những hành vi, phương tiện thuộc bất kỳ bản chất hoặc loại nào không tương hợp với tuyên bố này, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đều không có giá trị pháp lý... "

Khi người giàu làm tình nguyện

Một người đàn ông to con, vạm vỡ đến nhà mục sư trong vùng xin được gặp vợ ngài mục sư, một người phụ nữ nổi tiếng về lòng bác ái.

"Thưa bà", ông ta nói với giọng thôn thức. "Tôi muốn bà hãy nghĩ về hoàn cảnh đáng thương vô cùng của một gia đình nghèo khó trong vùng này. Người cha trong gia đình vừa mất, người mẹ ngã bệnh nên không thể làm việc gì được và bảy đứa trẻ thì đang chết đói, chết rét. Họ sẽ bị đẩy ra đường, trở thành những kẻ vô gia cư nếu không có người giúp họ trả nợ, mà số tiền nợ đã tăng đến mức 500 đô la".

"Đáng thương quá", vợ ngài mục sư thốt lên. "Nhưng tôi có thể biết ông là ai không?"

Đây về cảm thông, người phụ nữ đưa chiếc khăn tay lau giọt nước mắt lăn trên má của người đàn ông



đang thôn thức và ông trả lời: "Tôi chính là chủ nợ..."

Từ thiện

Một tổ chức từ thiện nhận thấy rằng họ chưa bao giờ nhận được chút tiền quyên tặng nào từ một gã nhà giàu mới, người giàu có nhất thị trấn. Người đứng đầu tổ chức bèn đến gặp và thuyết phục ông ta đóng góp cho tổ chức.

- Theo chúng tôi biết thì thu nhập hàng năm của ông thuộc vào loại cao nhất ở đây. Vậy ông có thể quyên góp chút ít cho cộng đồng không ạ?

- Thứ nhất, các ngài có biết rằng tôi có người mẹ đang bệnh nặng, tiền thuốc thang tốn gấp nhiều lần thu nhập hàng năm của bà hay không?

- Dạ... dạ... chúng tôi không biết...

- Hay như tôi có người anh trai là một Cựu chiến binh, bị mù và giờ phải ngồi xe lăn?

Vị khách bắt đầu lắp bắp xin lỗi nhưng đã bị cắt ngang:

- Hay như chồng của em gái tôi đã qua đời trong một tai nạn giao thông - giọng của gã nhà giàu lúc này nghe càng phần nộ hơn - chẳng để lại cho nó và ba đứa con nhỏ dại./.

!!!

VŨ LUYẾN (Sưu tầm)

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong tháng này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Hoàng Ngọc Bích, Trần Vọng, Vũ Thế Thước, Lê Viết Nga, Duy Đắc, Nguyễn Văn Hào, Lê Khanh, Phan Thị An Ngọc, Phạm Huy Chương, Nguyễn Thành Hương, Nguyễn Trọng Hiếu, Nguyễn Như Hạo, Lê Kham, Nguyễn Thái Sơn, Phạm Đình Thái, Nguyễn Hà Hải, Thái Khoát, Phạm Văn Nam, Phương Hữu Thiện, Nguyễn Thị Đương, Nguyễn Văn An, Nguyễn Duy Nhất, Phạm Thuận Thành, Đỗ Hữu Bằng, Nghiêm Đình Thường, Nguyễn Tiến Lộc, Vũ Việt Tâm, Trần Mậu, Trần Lưu Đóa, Trung Du, Hoàng Giá, Bạch Liên, Mai Hoàng Hanh, Văn An, Nguyễn Trung...

* **Ngoài tỉnh:** Đoàn Huy Cảnh, Đặng Bá Khanh (Bắc Giang), Vũ Kim Liên (Phú Thọ), Phạm Khánh Duy (Cần Thơ), Bùi Việt Phương (Hòa Bình), Ái Nhân, Trần Việt Hoàng, Hoàng Văn Kính, Tăng Hoàng Phi, Bùi Thị Thanh Hà (Hà Nội), Đoàn Trung Phong, Lê Nguyệt, Trương Quang Thứ, Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Lê Trần Trường An, Trần Thị Thùy Linh, Lê Trần Trường An (Sóc Trăng), Nguyễn Đại Duẩn, Hồ Ngọc Diệp (Quảng Bình), Lê Anh Phong, Trần Văn Thiên, Trần Thanh Thoa, Lương Duy Cán, Nguyễn Văn Tạo (TP Hồ Chí Minh), Huỳnh Thị Quỳnh Nga (Tiền Giang), Nguyễn Thị Luyến Nhớ, Huỳnh Thị Kim Cương (Kiên Giang), Lê Gia Hoài (Vĩnh Phúc), Nguyễn Quỳnh Anh (Ninh Bình), Nguyễn Hồng Quang (Hà Giang), Nguyễn Văn Trụ (Thanh Hóa), Nguyễn Ngọc Hưng (Quảng Ngãi), Đặng Văn Toàn, Lê Khắc Niên (Huế), Y Nguyên (Phú Yên)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số tháng tháng 02 năm 2024 (số đặc biệt) chào năm mới Giáp Thìn - 2024: Mừng Đảng, mừng xuân, mừng quê hương đổi mới, phát triển... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 05/01/2024. Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT